

UỶ BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA
CÔNG CHỨNG CHỈ CỔ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN
THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẦM BẢO GIÁ TRỊ
CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỘ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

FECON
mining



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

(Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0700252549 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh
Hà Nam cấp lần đầu ngày 03/09/2007 và thay đổi lần thứ 04 ngày 20/02/2013)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số38...../GCN-UBCK do Chủ tịch Uỷ ban
Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19 tháng 5, năm 2014)

Bản cáo bách này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại các địa điểm sau từ ngày 1/2/2014:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Trụ sở chính: Cụm công nghiệp Thi Sơn, Xã Thi Sơn, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam

Điện thoại: 84-351 353 3038 Fax: 84-351 353 3897 Website: <http://www.feconmining.com.vn>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

* Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 1&7, Tòa nhà Trung Yên Plaza, Lô O17, KĐT M Trung Yên,
P.Trung Hòa, Q.Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 84-4 3772 6699 Fax: 84-4 3772 6763 Website: <http://www.octs.com.vn>

* Chi nhánh Sài Gòn

Địa chỉ: Tầng M - tòa nhà Central Park - số 117 Nguyễn Du, Bến Thành, Quận 1,
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 84-8 6290 6296 Fax: 84-8 6290 6399

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: Trần Thị Hải Yến Chức vụ: Trưởng phòng tổ chức hành chính

Điện thoại: 84-351 353 3038

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

(Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0700252549 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 03/09/2007 và thay đổi lần thứ 04 ngày 20/02/2013)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

Tên cổ phiếu : Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng chào bán : 14.200.000 cổ phần

Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá : 142.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG***** Trụ sở chính:**

Địa chỉ: Tầng 1&7 – tòa nhà Trung Yên Plaza Lô Q17 – KĐT Trung Yên, P.Trung Hòa, Q.Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 84-4 37726699 Fax: 84-4 37726763

*** Chi nhánh Sài Gòn**

Địa chỉ: Tầng M - tòa nhà Central Park - số 117 Nguyễn Du, Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 84-8 62906296 Fax: 84-8 62906399

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM**

Trụ sở chính: Số 17, Lô 2C, Khu đô thị Trung Yên, Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 84-4 37832121 Fax: 84-4 37832121



MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	6
1. Rủi ro về kinh tế	6
2. Rủi ro về luật pháp.....	8
3. Rủi ro đặc thù.....	9
4. Rủi ro của đợt chào bán	10
5. Rủi ro pha loãng.....	10
6. Rủi ro khác.....	12
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐÓI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	13
1. Tổ chức phát hành.....	13
2. Tổ chức tư vấn.....	13
III. CÁC KHÁI NIỆM	14
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	16
1. Giới thiệu chung về doanh nghiệp	16
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	16
3. Cơ cấu tổ chức công ty	19
3.2 Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của công ty	21
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 24/01/2014.....	25
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành	26
5.1 Công ty mẹ của Công ty: Không có	26
5.2 Công ty con của Công ty:	26
5.3 Công ty liên kết, liên doanh và thành viên khác của Công ty:	27
5.4 Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty:	27
6. Hoạt động kinh doanh.....	27
6.1. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty	27
6.2. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty	28
6.3. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm 2012 – 2013	39
6.4. Nguyên vật liệu	41
6.5. Chi phí sản xuất.....	42
6.6. Trình độ công nghệ	44
6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm	46

6.8. Hoạt động Marketing	50
6.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	50
6.10. Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	50
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và luỹ kế đến quý gần nhất.....	52
7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất và luỹ kế đến quý gần nhất.....	52
7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo ..	55
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	56
9. Chính sách đối với người lao động.....	59
10. Chính sách cổ tức.....	60
11. Tình hình tài chính.....	61
11.1. Các chỉ tiêu cơ bản.....	61
12.1 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	64
12. Hội đồng quản trị; Ban Giám đốc; Ban kiểm soát; Kế toán trưởng	71
13. Tài sản.....	86
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	88
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	91
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành	91
V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN.....	92
1. Loại cổ phiếu:	92
2. Mệnh giá:	92
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán:	92
4. Đối tượng chào bán:	92
5. Giá bán dự kiến:.....	92
6. Phương pháp tính giá	92
7. Phương thức phân phối	93
8. Thời gian phân phối cổ phiếu	94
9. Đăng ký mua cổ phiếu	95
10. Phương thức thực hiện quyền	96
11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	96
12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng.....	97
13. Các loại thuế có liên quan.....	97
14. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu.....	97
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	98
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	100

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TÓI ĐỢT CHÀO BÁN.....	104
1. Tổ chức chào bán.....	104
2. Tổ chức kiểm toán	104
3. Tổ chức tư vấn	104
IX. PHỤ LỤC	105

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Các nhân tố rủi ro có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và/hoặc giá cả chứng khoán niêm yết của Công ty.

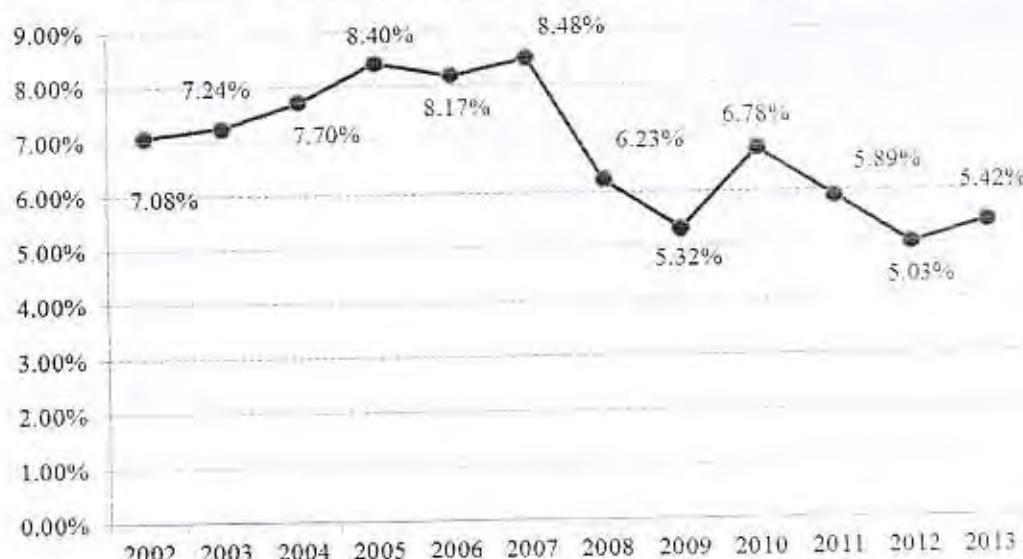
1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế sẽ tác động đến mọi lĩnh vực, ngành nghề, và đối tượng trong nền kinh tế, trong đó có Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON. Các chỉ số kinh tế vĩ mô chính thường được sử dụng để đánh giá sự phát triển của nền kinh tế một quốc gia bao gồm: tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái,

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực trong xã hội. Tăng trưởng kinh tế sẽ làm tăng nhu cầu chi tiêu trong xã hội, thúc đẩy gia tăng sản lượng công nghiệp, tăng đầu tư của cá nhân và pháp nhân trong nền kinh tế.

Biểu 1: Tỷ lệ tăng trưởng GDP qua các năm 2002 - 2013



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Bước sang năm 2013, các điều kiện kinh tế vĩ mô của Việt Nam đã có đôi chút cải thiện so với 2012, theo số liệu thống kê của Tổng cục Thống kê, GDP năm 2013 đạt 5,42%, tuy nhiên vẫn thấp hơn mục tiêu là 5,5% của Quốc hội đưa ra, bởi những yếu tố nền tảng tạo nên tăng trưởng trong giai đoạn hiện nay đều chưa có sự hồi phục mạnh mẽ. Cụ thể:

Sản xuất của nền kinh tế có xu hướng cải thiện nhưng chậm. Mặc dù hàng tồn kho công nghiệp chế biến chế tạo giảm khá mạnh và chỉ số phát triển công nghiệp cũng có xu hướng tăng dần đều qua từng tháng để đạt mức tăng 5,9% trong 12 tháng/2013, cao hơn so với mức tăng cùng kỳ năm 2012 (tăng 5,8%), nhưng tốc độ tăng nhập khẩu của các mặt hàng tư liệu phục vụ sản xuất vẫn chỉ ở mức khá khiêm tốn 16,5%.

Tổng cầu được cải thiện nhưng còn khá yếu. Theo đó, cầu tiêu dùng đã có xu hướng tăng dần qua từng tháng nhưng vẫn ở mức tương đối yếu, tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ

năm 2013 vì vậy chỉ đạt mức tăng 12,6% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 5,6% (cùng kỳ năm 2012 tăng 16% so với năm 2011, nếu loại bỏ yếu tố giá tăng 6,2%). Có thể thấy rằng, tổng cầu thấp là một trong những nguyên nhân khiến sản xuất của nền kinh tế trong năm 2013 khó phục hồi.

Theo nhận định của bộ phận phân tích Thông tin kinh tế EIU thuộc tạp chí Nhà kinh tế của Anh, trước một số tác động tích cực từ các nền kinh tế lớn trên Thế giới như: nền kinh tế Nhật sẽ tiếp tục thoát khỏi giai đoạn trì trệ nhiều năm nhờ các chương trình cai cách của Thủ tướng Abe và dự báo GDP Nhật Bản năm 2014 sẽ tăng 1,7%; kinh tế Mỹ được dự báo khả quan tăng GDP trong năm 2014 là 3%, khá mạnh so với 2% của năm 2013; nền kinh tế Trung Quốc thay đổi cấu trúc tăng trưởng có tính bền vững, hài hòa giữa xuất khẩu và tiêu dùng nội địa với mức dự báo GDP năm 2014 tăng 8,5% so với mức tăng 8,2% của năm 2013, sẽ thúc đẩy nền kinh tế các nước phát triển tăng trưởng tốt, mở ra cơ hội xuất khẩu tốt cho các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam.

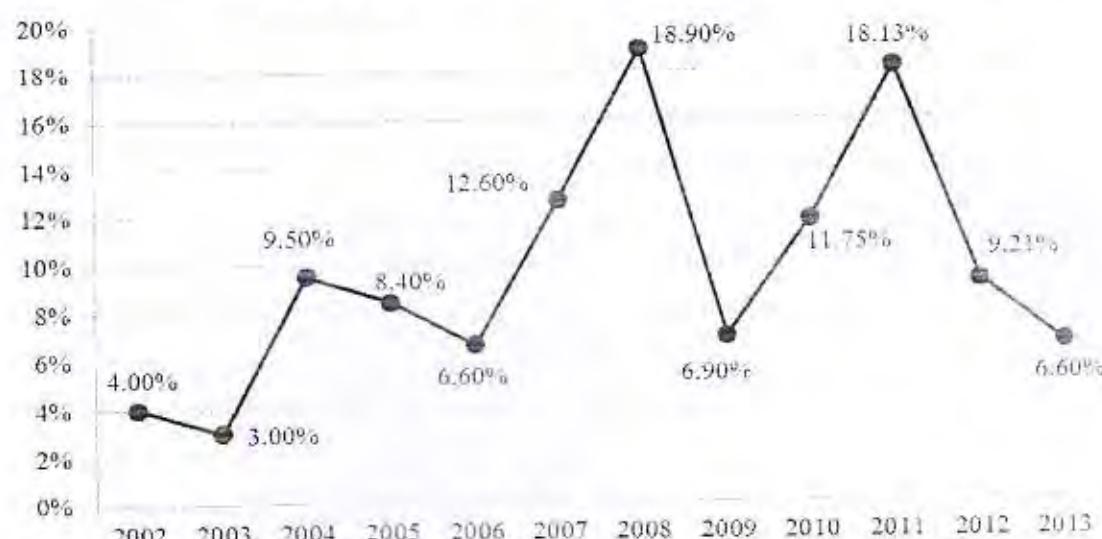
Triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2014 được dự báo sẽ gia tăng tốt ở khu vực xuất khẩu, có sự cải thiện trong khu vực sản xuất kinh doanh nội địa. Sự hồi phục rõ rệt của kinh tế Mỹ, khỏi EU, Nhật Bản và duy trì đà tăng trưởng ổn định của Trung Quốc và kinh tế thế giới nói chung, sẽ trực tiếp và gián tiếp mang lại những thuận lợi về lòng tin thị trường, đầu tư và tiêu dùng chung cho tất cả các nước, trong đó có Việt Nam. Theo dự báo của HSBC, GDP năm nay của Việt Nam sẽ tăng khoảng 5,6%, tỷ giá lên 21.100 đồng/USD.

Việc điều hành nền kinh tế một cách ổn định và hiệu quả của Chính phủ sẽ giúp giảm thiểu các rủi ro kinh tế cho các doanh nghiệp nói chung và cho Công ty nói riêng.

Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với biến động của lạm phát. Trong những năm gần đây Việt Nam liên tục đứng trước sức ép của lạm phát gia tăng.

Biểu 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam qua các năm 2002 – 2013



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Trong giai đoạn 2002-2013, tỷ lệ lạm phát qua các năm luôn không ổn định. Diễn biến năm 2008 lạm phát tăng mức cao nhất trong giai đoạn 2002-2012 lên đến 18,9% gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của nền kinh tế, giá cả leo thang, các doanh nghiệp huy động vốn với lãi suất cao, chi phí tài chính tăng dần dẫn đến qua hoạt động sản xuất kinh doanh suy giảm. Với các chính sách điều hành sát sao của Chính phủ theo định hướng thắt chặt chính sách tiền tệ - tài khóa đã kiểm soát được lạm phát, đưa mức lạm phát về mức 9,21% trong năm 2012 và 6,60% trong năm 2013.

Sự cải thiện nền kinh tế Việt Nam trong năm 2013, được các chuyên gia và tổ chức phân tích đánh giá còn khá mong manh với nhiều khó khăn chính yếu vẫn chưa được giải quyết. Năm 2014, để tiếp tục ổn định nền kinh tế Việt Nam theo hướng phát triển bền vững, các giải pháp kiểm chế lạm phát, dày mạnh thu hút vốn FDI, ODA... của Chính phủ cũng góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế trong năm nay. Theo dự báo của HSBC tỷ lệ lạm phát của Việt Nam năm 2014 sẽ xoay quanh mức 6-7%.

Lãi suất

Song song với kết quả kiểm soát lạm phát, chỉ tiêu lãi suất cũng dần được hạ nhiệt, trong năm 2013 bằng việc Ngân hàng Nhà nước liên tục điều chỉnh giảm trần lãi suất huy động xuống 7,5%/năm cho khoản tiền gửi kỳ hạn ngắn từ 1 tháng đến dưới 12 tháng.

Mặc dù cho đến nay, việc giảm lãi suất của Ngân hàng Nhà Nước vẫn chưa có những tiến triển khả quan, các doanh nghiệp vẫn không có nhiều động lực sử dụng vốn vay với mức lãi suất hiện tại, và khó có khả năng tiếp cận nguồn vốn lãi suất thấp.

Trước những khó khăn chung của nền kinh tế, nhằm đảm bảo kiểm soát lượng tiền cung ứng phù hợp với định hướng điều hành tổng phương tiện thanh toán, tín dụng, nhằm thực hiện mục tiêu chính sách tiền tệ, năm 2014 Ngân hàng Nhà nước sẽ điều hành lãi suất và tỷ giá chủ động, linh hoạt các mức lãi suất. Trong đó, NHNN sẽ tiếp tục áp dụng mức trần lãi suất tiền gửi bằng VND trong năm 2014 để ổn định mặt bằng lãi suất thị trường.

Rủi ro về lãi suất sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn vay thích hợp.

Tỷ giá hối đoái

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON chuyên về sản xuất các loại cọc bê tông dự ứng lực, trong đó các nguyên liệu đầu vào như thép, bê tông đều phải nhập khẩu, do vậy các biến động tỷ giá hối đoái sẽ làm thay đổi chi phí sản xuất (tính ra đồng Việt Nam) của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự chi phối bởi hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật về chứng khoán, các chính sách thuế, các cam kết hội nhập, các luật về đất đai, khai thác tài

nguyên, khoáng sản, môi trường ... Đồng thời, Công ty cũng chịu ảnh hưởng rất lớn từ các chính sách Nhà nước như định hướng phát triển ngành khoáng sản, những ưu đãi, khuyến khích, hay hạn chế, các chính sách về thuế, về tài nguyên và quản lý môi trường. Bất kỳ một sự thay đổi nào trong các chính sách trên đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, gây ra biến động trong lợi nhuận.

Tuy nhiên, hiện nay hệ thống Pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra, sự thay đổi có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó, để hạn chế rủi ro này, Công ty phải thường xuyên theo dõi cập nhật kịp thời những thay đổi trong môi trường pháp luật để định hình hoạt động kinh doanh cho phù hợp.

3. **Rủi ro đặc thù**

Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: khai thác mỏ và sản xuất cọc bê tông dự ứng lực. Do đó, mỗi lĩnh vực kinh doanh sẽ chịu tác động bởi những yếu tố rủi ro đặc thù khác nhau:

Rủi ro về nguồn nguyên liệu

Do đặc điểm của ngành, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng lớn bởi những thay đổi của giá cả nguyên vật liệu đầu vào. Giá cả các loại vật liệu xây dựng (sắt, thép, xi măng ...) cùng các loại nhiên liệu (xăng, dầu ...) có xu hướng biến động tăng, làm giảm chi phí sản xuất. Với đặc điểm các hợp đồng thường kéo dài, ảnh hưởng của sự biến động giá cả nguyên vật liệu tới kết quả hoạt động của Công ty càng tăng.

Hiện nay, Công ty đang mở rộng hoạt động khai thác khoáng sản (chủ yếu là cát, đá), kết hợp với việc bố trí xây dựng nhà máy sản xuất gần các khu mỏ khai thác đã giúp Công ty chủ động đảm bảo được phần lớn nguyên liệu đầu vào, hạn chế rủi ro về nguồn nguyên liệu, và giảm được tối đa các chi phí vận chuyển.

Rủi ro về thời gian thanh toán

Hoạt động xây dựng thường có thời gian thi công bị kéo dài so với dự kiến ban đầu, việc nghiệm thu, bàn giao, quyết toán với chủ đầu tư và nhà thầu mất nhiều thời gian. Vì vậy, việc thu hồi nợ, quay vòng vốn từ các công trình thường khá chậm. Đây là đặc thù chung của ngành.

Với phân khúc chuyên ngạch trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp cọc bê tông ly tâm dự ứng lực cường độ cao trong gói giải pháp xử lý nền móng đất công trình – một giai đoạn khá riêng biệt của các dự án, sản phẩm của Công ty chủ yếu được sản xuất theo các đơn đặt hàng, hợp đồng riêng, phần lớn lại được cung cấp theo các gói thi công của Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON, nên phần nào ít bị tác động của thời gian thi công kéo dài đến việc thu hồi nợ của Công ty. Đồng thời Công ty cũng luôn nhận được sự hỗ trợ tích cực từ FECON trong việc ứng trước và thanh toán hợp đồng cung cấp cọc bê tông, đảm bảo an toàn cho tình hình tài chính Công ty.

Rủi ro từ hoạt động khai thác khoáng sản

Kể từ năm 2013, Công ty bắt đầu triển khai hoạt động khai thác khoáng sản, nên Công ty cũng sẽ chịu tác động của các rủi ro từ hoạt động này.

Do đặc điểm của ngành nghề, hoạt động sản xuất kinh doanh chịu ảnh hưởng rất lớn vào những thay đổi của điều kiện tự nhiên: mưa gió, bão, lũ lụt,... năm ngoài khả năng kiểm soát, có thể khiến hoạt động khai thác bị ngưng trệ, ảnh hưởng lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Một rủi ro khác về khai thác là khả năng đánh giá chính xác về trữ lượng, chất lượng khoáng sản và công suất khai thác. Công suất khai thác thực tế không đạt được như trữ lượng ước tính ban đầu, hoặc không đủ để khai thác công nghiệp, doanh nghiệp phải chịu thua lỗ sẽ đẩy chi phí giá thành lên cao, giảm sức cạnh tranh của sản phẩm, và hiệu quả thu được không lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Mặt khác, thời gian khai thác mỏ của Công ty phụ thuộc vào chính sách quản lý và khai thác khoáng sản của Nhà nước trong từng thời kỳ. Ngoài ra nếu hoạt động khai thác mỏ của Công ty không đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật bắt buộc cũng có thể sẽ không được gia hạn giấy phép khai thác hoặc bị rút giấy phép trước thời hạn. Rủi ro từ các chính sách của Nhà nước về thời hạn cấp phép khai thác mỏ là một rủi ro cần được tính đến trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Với những kết quả kinh doanh đã đạt được trong những năm qua cùng với tiềm năng, triển vọng phát triển của Công ty trong thời gian tới, cổ phiếu FCM sẽ thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư. Trong trường hợp cổ phiếu không được mua hết, số tiền thu về không đủ để tái trợ cho mục đích chào bán, Công ty sẽ sử dụng nguồn vốn vay để bổ sung. Ngoài ra, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện phân phối số cổ phiếu này cho các đối tượng khác mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp với điều kiện giá bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu và đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

5. Rủi ro pha loãng

Trong đợt phát hành này, Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1 với giá bán 10.000 đồng/cổ phiếu, và chào bán 800.000 cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên với giá bán 10.000 đồng/cổ phiếu. Việc chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu và cho cán bộ công nhân viên gây rủi ro pha loãng bao gồm: giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm; thu nhập ròng trên mỗi cổ phần-EPS, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần.

* Pha loãng giá thị trường:

- Giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu được tính theo công thức:

$$P_{tc} = \frac{P_{t-1} + (I \times PR)}{1 + I}$$

- Trong đó:

P_{tc} : Là giá tham chiếu cổ phiếu trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới để tăng vốn, đây là giá cần xác định

P_{t-1} : Là giá chứng khoán phiên trước phiên giao dịch không hưởng quyền

I : Tỷ lệ tăng vốn

PR : Là giá cổ phiếu sẽ bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới

- Tham khảo:

o *Nếu tính riêng phần chào bán cho cổ đông hiện hữu thì giá cổ phiếu sau khi pha loãng được tính như sau:*

P_{t-1} : Giá sử giá cổ phiếu FCM tại thời điểm phiên trước phiên giao dịch không hưởng quyền là 16.000 đồng/cổ phần

I : Tỷ lệ tăng vốn 50% (tỷ lệ 2:1)

PR : Giá cổ phiếu mới phát hành cho cổ đông giữ quyền mua trong đợt phát hành mới là 10.000 đồng/cổ phần

P_{tc} : Giá tham chiếu cổ phiếu trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới để tăng vốn là:

$$P_{tc} = \frac{P_{t-1} + (I \times PR)}{1+I} = \frac{16.000 + (50\% * 10.000)}{1 + 50\%} = 14.000 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

o *Nếu tính cả phần chào bán cho cán bộ công nhân viên thì giá cổ phiếu sau khi pha loãng được tính như sau:*

$$= \frac{P_{t-1} + (I \times PR_i)}{1+I} = \frac{16.000 + (50\% * 10.000) + (10.000 * 800.000 / 26.800.000)}{1 + 50\% + 800.000 / 26.800.000} \\ = 13.922 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

L và PR lần lượt là tỷ lệ pha loãng và giá chào bán tương ứng cho từng đối tượng.

Vậy giá sau khi pha loãng là 13.922 đồng. Rõ ràng việc pha loãng giá cổ phiếu sẽ được hạn chế nếu như Công ty sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động và duy trì hoạt động tốt sau đợt phát hành.

- * *Pha loãng chỉ số thu nhập ròng trên mỗi cổ phần – EPS và Giá trị sổ sách trên một cổ phần:*

Công thức tính EPS:

$$\text{EPS (cơ bản)} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN}}{\text{Số lượng cổ phần đang lưu hành}}$$

Công thức tính giá trị sổ sách trên một cổ phần:



$$\frac{\text{Giá trị số sách trên}}{\text{một cổ phần}} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phần đang lưu hành}}$$

Giá trị sổ sách trên một cổ phần năm trước khi chào bán (tại thời điểm 31/12/2013):

$$\begin{aligned}\frac{\text{Giá trị số sách trên}}{\text{một cổ phần}} &= \frac{302.866.900.160}{26.800.000} \\ &= 11.301 \text{ đồng/cổ phần}\end{aligned}$$

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Giá trị
1	Số lượng cổ phần đang lưu hành của FCM	Cổ phần	26.800.000
2	Số lượng cổ phần chào bán của FCM	Cổ phần	14.200.000
3	Số lượng cổ phần lưu hành dự kiến sau khi chào bán $\{=(1)+(2)\}$	Cổ phần	41.000.000
4	Tỷ lệ tăng vốn	-	52,985%
5	Lợi nhuận sau thuế năm 2013	Đồng	31.210.669,444
6	EPS trước khi chào bán $\{=(5)/(1)\}$	Đồng/cổ phần	1,165
7	EPS sau khi chào bán $\{=(5)/(3)\}$	Đồng/cổ phần	761
8	Giá bán cổ phần mới phát hành	Đồng/cổ phần	10.000
9	Giá trị sổ sách một cổ phần trước khi chào bán	Đồng/cổ phần	11.301
10	Giá trị sổ sách một cổ phần sau khi chào bán $\{=[(9)+(8)*(4)]/[1+(4)]\}$	Đồng/cổ phần	10.850

6. Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính chất bất khả kháng như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, ... đều có thể gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của ngành cũng như hoạt động của Công ty. Những rủi ro này ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra có thể làm chậm tiến độ kinh doanh hoặc gây thiệt hại (phá hủy một phần hoặc hoàn toàn) đến Công ty.



II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐÓI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH II**1. Tổ chức phát hành****CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

Ông Hà Thế Lộng	Chức vụ:	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Hà Thế Phương	Chức vụ:	Giám đốc
Bà Ngô Thị Thanh	Chức vụ:	Trưởng phòng TC- KT
Ông Nguyễn Thanh Phương	Chức vụ:	Trưởng ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**

Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Hồng Sơn

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị - kiêm Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON cung cấp.



III. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

▪ UBCK	: Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước
▪ HSX Minh	: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
▪ VSD	: Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
▪ UBND	: Ủy ban nhân dân
▪ Tổ chức phát hành	: Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON
▪ Công ty	: Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON
▪ FCM	: Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON
▪ DHĐCDĐ	: Đại hội đồng cổ đông
▪ HĐQT	: Hội đồng quản trị
▪ BGĐ	: Ban Giám đốc
▪ GD	: Giám đốc
▪ BKS	: Ban Kiểm soát
▪ CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
▪ Điều lệ Công ty	: Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON
▪ CP	: Cổ phần
▪ BCTC	: Báo cáo tài chính
▪ CTCP	: Công ty Cổ phần
▪ Thuế TNDN	: Thuế thu nhập doanh nghiệp
▪ Thuế TNCN	: Thuế thu nhập cá nhân
▪ SXKD	: Sản xuất kinh doanh
▪ TMCP	: Thương mại cổ phần
▪ TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
▪ TSCĐ	: Tài sản cố định
▪ XDCB	: Xây dựng cơ bản
▪ ĐVT	: Đơn vị tính
▪ VND	: Việt Nam Đồng

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 này 29/06/2006 của



Quốc hội, Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ và các văn bản khác có liên quan.



IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**1. Giới thiệu chung về doanh nghiệp**

- * **Tên doanh nghiệp:** Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON
- * **Tên tiếng Anh:** Fecon Mining Joint Stock Company
- * **Trụ sở chính:** Cụm công nghiệp Thị Sơn, Xã Thị Sơn, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam
- * **Điện thoại:** (84-351) 353 3038 Fax: (84-351) 353 3897
- * **Website:** <http://www.feconmining.com.vn/>
- * **Email:** info@feconmining.com.vn
- * **Nơi mở tài khoản:** Ngân hàng TMCP Ngoại thương- Chi nhánh Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Số hiệu tài khoản:** 0301000886668
- * **Mã số thuế:** 0700252549
- * **Biểu tượng của công ty:** 
- * **Vốn điều lệ hiện tại:** 268.000.000.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi tám tỷ đồng*)
- * **Giấy CNĐKDN:** Số 0700252549 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 03/09/2007 và cấp thay đổi lần thứ 04 ngày 20/02/2013
- * **Ngành nghề kinh doanh của Công ty:**
 - Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
 - Vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường bộ
 - Kinh doanh BDS
 - Khai thác quặng sắt, kim loại, đá, cát, sỏi, đất sét...
 - Thi công và khảo sát các công trình xây dựng....
- * **Sản phẩm/dịch vụ chính:**
Cọc bê tông dự ứng lực các loại.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**2.1 Lịch sử hình thành và phát triển**

Công ty CP Khoáng sản FECON (FECON Mining) tiền thân là Công ty TNHH cọc bê tông dự ứng lực FECON (Công ty con của Công ty Cổ phần kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON) được thành lập năm 2007 với vốn điều lệ 30 tỷ đồng và sản phẩm chính là cọc bê tông ly tâm dự ứng lực. Ngay từ những ngày đầu sản xuất, sản phẩm của



Công ty đã nhận được sự ủng hộ của các đối tác, mặc dù luôn vận hành với công suất tối đa, nhưng sản xuất của công ty vẫn không đáp ứng được nhu cầu thị trường đối với sản phẩm cọc bê tông ly tâm dự ứng lực.

Trước nhu cầu lớn của thị trường đối với sản phẩm cọc bê tông dự ứng lực, năm 2012, Công ty TNHH cọc bê tông dự ứng lực FECON đã thực hiện thành công việc chuyển đổi sang Công ty Cổ phần và tăng vốn điều lệ lên 150 tỷ đồng, để đầu tư xây dựng Nhà máy giai đoạn 2 với sản phẩm cọc có đường kính từ D300 đến D1200 với chiều dài tối đa là 27m. Đây là nhà máy sản xuất cọc lớn nhất miền Bắc với số vốn đầu tư ban đầu lên tới 300 tỷ đồng trên diện tích gần 4 ha tại cụm công nghiệp Thị Sơn – Kim Bảng – Hà Nam.

Để chủ động được nguồn nguyên liệu đầu vào, đồng thời đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng cho khu vực miền Bắc, Công ty mở rộng sang lĩnh vực khai thác và cung cấp khoáng sản vật liệu xây dựng với các mỏ đá chất lượng cao (sở hữu hoặc liên kết) ở Hòa Bình, Hà Nam, Hà Tĩnh và mỏ cát ở Hà Nội. Từ ngày 20/02/2013, Công ty đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON (FCM), đồng thời tăng vốn lên thành 268 tỷ đồng.

Định hướng của Công ty ngay từ đầu thành lập là đầu tư vào công nghệ, nghiên cứu và áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến trong lĩnh vực xây dựng. FECON Mining là đơn vị trong nước duy nhất sản xuất được sản phẩm cọc bê tông ly tâm dự ứng lực có cường độ trên 90MPA.

Đồng thời, Công ty cũng đặc biệt quan tâm đến việc kiểm soát chất lượng sản phẩm trong tất cả các lĩnh vực khai thác khoáng sản cũng như sản xuất cọc bê tông. Công ty áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 : 2008 và tiêu chuẩn quản lý 5S của Nhật Bản. Các sản phẩm đều đảm bảo các tiêu chuẩn Quốc gia và Quốc tế.

Trải qua gần 7 năm hình thành và phát triển, Công ty CP Khoáng sản FECON (FECON Mining) đã khẳng định được thương hiệu và uy tín trên thị trường xây dựng, từng bước chiếm lĩnh thị trường cọc đúc sẵn miền Bắc Việt Nam, trở thành thương hiệu quen thuộc với những công trình xây dựng lớn cùng với những giải thưởng Quốc gia như: Doanh nghiệp Việt Nam Vàng (2011); Sản phẩm chất lượng tiêu biểu 1000 năm Thăng Long - Hà Nội...

Với chiến lược phát triển bền vững, Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON sẽ tiếp tục nghiên cứu để sản xuất và cung cấp ra thị trường các sản phẩm chất lượng cao khắc phục vụ cho công tác thi công công trình ngầm, không gian ngầm, phản ánh trả thành Công ty hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp khoáng sản vật liệu xây dựng, đem lại giải pháp tổng thể cho nền móng các công trình xây dựng..

2.2 Tóm tắt quá trình tăng vốn

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700252549 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 03/09/2007, vốn điều lệ của Công ty khi thành lập là 30.000.000.000 đồng (*Ba mươi tỷ đồng*).

Thông tin về các lần tăng vốn của công ty cụ thể như sau:

Đơn vị: 1.000 đồng

Các lần tăng vốn	Thời gian	Vốn điều lệ đăng ký	Vốn điều lệ thực góp	Giá trị tăng vốn thực góp	Phương thức
Khi thành lập	03/09/2007	30.000.000	30.000.000		Góp vốn ban đầu
Lần 1	05/05/2010	150.000.000	150.000.000	120.000.000	Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần, đồng thời Phát hành cho cổ đông hiện hữu và cho đối tác chiến lược
Lần 2	20/02/2013	268.000.000	268.000.000	118.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu

Nguồn: CTCP Khoáng sản FECON

* **Tăng vốn lần 1:**

Tăng vốn điều lệ từ 30.000.000.000 đồng (*Ba mươi tỷ đồng*) lên 150.000.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi tỷ đồng*) thông qua việc chuyển đổi Công ty TNHH Cọc bê tông dự ứng lực FECON thành Công ty Cổ phần Bê tông dự ứng lực PVC-FECON, đồng thời thực hiện phát hành cho các cổ đông hiện hữu và chào bán cổ phần tăng vốn cho 2 đối tác chiến lược là Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) và CTCP Thi công cơ giới và lắp máy dầu khí (PVC-ME).

* **Tăng vốn lần 2:**

Tăng vốn điều lệ từ 150.000.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi tỷ đồng*) lên 268.000.000.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi tám tỷ đồng*) thông qua việc phát hành cho các cổ đông hiện hữu

- Căn cứ thực hiện: Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2012, quyết định tăng vốn lên 268.000.000.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi tám tỷ đồng*) theo phương thức phát hành cho các cổ đông hiện hữu và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị tổ chức thực hiện phương án tăng vốn.
- Số lượng cổ đông trước khi tăng: 95 (chín mươi lăm) cổ đông
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng
- Tổng số cổ phần phát hành: 11.800.000 cổ phần
- Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành: 118.000.000.000 đồng (*Một trăm mươi tám tỷ đồng*)
- Số lượng cổ đông sau đợt phát hành: 95 cổ đông

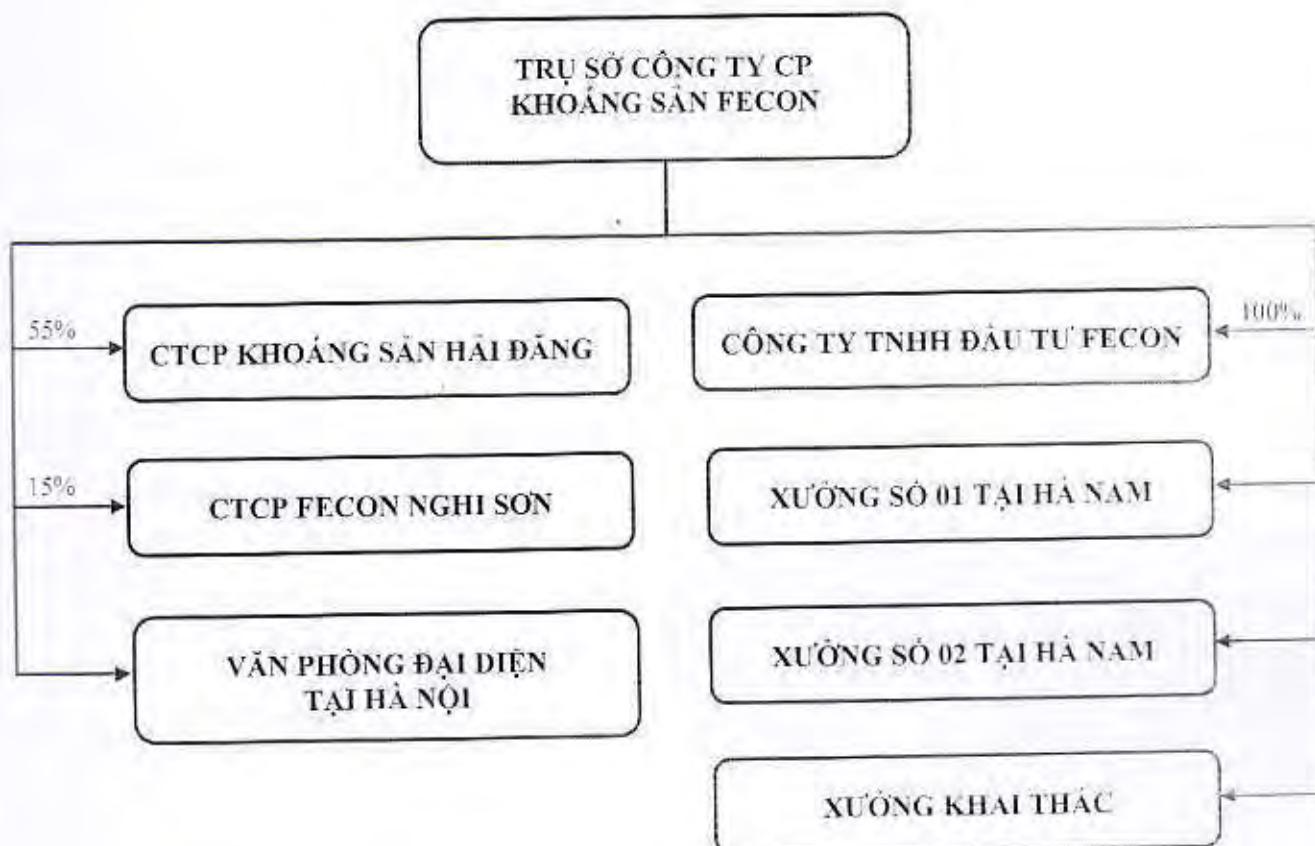


3. Cơ cấu tổ chức công ty

3.1 Sơ đồ cơ cấu tổ chức công ty

Tại thời điểm 01/03/2014, Công ty có 02 công ty con và các xưởng sản xuất, khai thác (thông tin chi tiết xem tại Mục 5.2/5/IV Danh sách những công ty con, công ty liên kết của FCM trong Bản cáo bạch này). Cơ cấu tổ chức của Công ty theo sơ đồ dưới đây:

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty



Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

Trụ sở Công ty: đặt tại Cụm Công nghiệp Thi Sơn, Xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Là nơi diễn ra các hoạt động sản xuất chính của Công ty. Khu vực sản xuất của Công ty bao gồm 2 xưởng sản xuất:

- **Xưởng số 1:** có diện tích 5.000 m², nằm trong khuôn viên trụ sở Công ty. Thực hiện công việc sản xuất cọc bê tông dự ứng lực theo dây chuyền sản xuất số 01.
- **Xưởng số 2:** có diện tích 8.000 m², nằm trong khuôn viên trụ sở Công ty. Thực hiện công việc sản xuất cọc bê tông dự ứng lực theo dây chuyền sản xuất số 02.

Văn phòng đại diện tại Hà Nội: Cố địa chỉ tại tầng 16 Tòa nhà CEO Lô HH2-1 Khu đô thị Mễ Trì Hạ, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội; là văn phòng đại diện của Công ty tại Hà Nội, nhằm giao dịch và thực hiện các công việc được ủy quyền của Ban lãnh đạo Công ty.

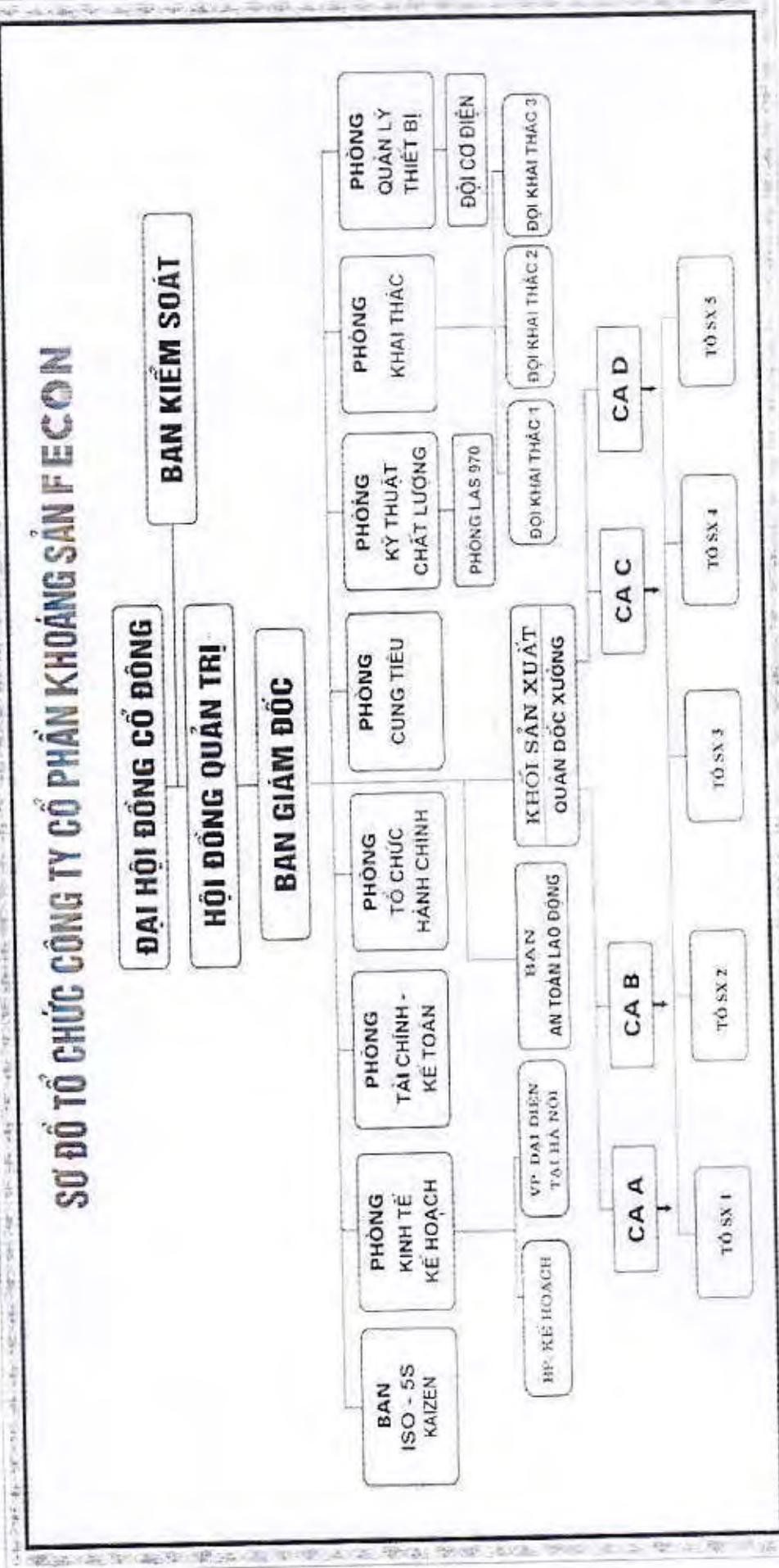
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hải Đăng: Công ty có trụ sở tại Thanh Hóa, là công ty mà FCM sở hữu 55% vốn điều lệ.

Công ty TNHH Đầu tư FECON: là công ty mà FCM sở hữu 100% vốn điều lệ (vốn điều lệ là 3,9 tỷ đồng) từ tháng 12/2013 do nhận chuyển nhượng toàn bộ số vốn góp của Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON tại đây.

Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn: là công ty mà FCM đang sở hữu 15% vốn điều lệ (vốn điều lệ là 100 tỷ đồng). FECON Nghi Sơn là chủ đầu tư dự án Nhà máy sản xuất cọc bê tông dự ứng lực FECON Nghi Sơn, được thành lập trên cơ sở liên doanh giữa FCN (30%) , FCM (15%), Ông Phạm Việt Khoa (6.5%) và đối tác Trung Quốc (48.5%) với tổng mức đầu tư 100 tỷ đồng. Nhà máy đã đi vào hoạt động từ 25/11/2013.

3.2 Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

Sơ đồ 3: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

3.3 Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

Hiện tại, Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty Cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Qua quá trình phát triển và ngày càng kiện toàn bộ máy quản lý, hiện bộ máy quản lý của Công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

❖ *Đại hội đồng cổ đông*

ĐHĐCD là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. ĐHĐCD họp thường niên hàng năm, trong thời gian 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

ĐHĐCD có trách nhiệm thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về phát triển của Công ty; thông qua báo cáo tài chính hàng năm; phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận; chia cổ tức và trích lập, sử dụng các quỹ theo đề nghị của Hội đồng quản trị; bầu và bãi miễn Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; quyết định loại và số lượng cổ phần phát hành; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; tổ chức lại và giải thể Công ty, ...

❖ *Hội đồng quản trị*

HDQT là cơ quan quản lý Công ty, bao gồm một số thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCD mà không được ủy quyền. HDQT có nhiệm vụ quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh; quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty; đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do ĐHĐCD đề ra.

HDQT hiện tại của FCM có 5 thành viên, nhiệm kỳ là 5 năm, thành viên HDQT trong nhiệm kỳ này (2010 – 2015) bao gồm:

Ông Hà Thế Lộng	-	Chủ tịch HDQT
Ông Nguyễn Huy Hòa	-	Phó Chủ tịch HDQT
Ông Hà Thế Phương	-	Thành viên HDQT, kiêm Giám đốc
Ông Nguyễn Chí Công	-	Thành viên HDQT
Ông Ngô Mạnh Quân	-	Thành viên HDQT

❖ *Ban kiểm soát*

Ban kiểm soát do ĐHĐCD bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ trong quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh, các báo cáo tài chính của Công ty. Hiện tại, BKS gồm (03) thành viên, nhiệm kỳ của BKS không quá 5 năm.

Ban Kiểm soát hiện tại của FCM có 3 thành viên, nhiệm kỳ là 5 năm, thành viên Ban Kiểm soát trong nhiệm kỳ này (2013 – 2018) bao gồm:

Ông Nguyễn Thanh Phương	-	Trưởng Ban kiểm soát
-------------------------	---	----------------------

Ông Nguyễn Quốc Đức

- Thành viên Ban kiểm soát

Bà Vũ Thị Thu Hai

- Thành viên Ban kiểm soát

❖ **Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc điều hành toàn bộ hoạt động của Công ty, đề xuất các chính sách, kế hoạch với HĐQT. Tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm và các nhiệm vụ khác do HĐQT giao.

Hiện tại, Ban Giám đốc của FCM gồm 3 thành viên:

Ông Hà Thế Phương - Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc

Ông Phạm Trung Thành - Phó Giám đốc

Ông Lê Quang Trung - Phó Giám đốc kỹ thuật

❖ **Các phòng ban, đơn vị trực thuộc**

Các phòng ban, đơn vị trực thuộc tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc trong các mảng công việc chuyên môn do phòng ban mình phụ trách. Bao gồm:

Phòng Kỹ thuật chất lượng:

Phòng Kỹ thuật chất lượng thực hiện các chức năng:

- Quản lý chất lượng sản phẩm;
- Giám sát các đội về phương pháp sản xuất;
- Nghiệm thu sản phẩm.

Phòng Kinh tế kế hoạch:

Phòng kinh tế kế hoạch thực hiện các chức năng:

- Tổ chức, thực hiện và quản lý công tác đấu thầu, bán hàng, tiếp thị, quảng cáo sản phẩm của Công ty tới khách hàng, thị trường.
- Giám sát việc thực hiện kế hoạch SXKD nhằm đánh giá hiệu quả SXKD của công ty.
- Chịu trách nhiệm tổng hợp thông tin, số liệu và tính chính xác của thông tin từ các phòng ban chức năng, từ đó phân tích hiệu quả hoạt động SXKD công ty trong từng thời đoạn cụ thể.
- Theo dõi, quản lý quá trình thực hiện từ lúc bắt đầu phát sinh hợp đồng đến khi hoàn thành nghĩa vụ thanh quyết toán hợp đồng.

Phòng Tổ chức hành chính:

Phòng Tổ chức hành chính thực hiện các chức năng:

- Phát triển nguồn nhân lực;
- Tuyển dụng, đào tạo, phát triển nhân lực;
- Thực hiện các chính sách tiền lương và chính sách đào tạo lao động;



- Dánh giá kết quả công việc của nhân viên;
- Giám sát thực thi các chính sách và nội quy lao động ở Công ty;
- Hỗ trợ các phòng ban công việc hậu cần;
- Mua sắm các thiết bị, dụng cụ văn phòng;
- Quản lý phương tiện và điều phối xe;
- Quản lý tài sản, thiết bị văn phòng, hạ tầng cơ sở;
- Tổ chức và thực hiện các hoạt động phong trào;
- Lưu trữ thông tin nội bộ.

Phòng Tài chính kế toán:

Phòng Tài chính kế toán thực hiện các chức năng:

- Quản lý nguồn tiền, đảm bảo cung cấp vốn, và sử dụng hiệu quả nguồn vốn;
- Tổ chức hạch toán, làm các báo cáo gửi cơ quan Nhà nước;
- Tuân thủ luật pháp về kế toán và các nghĩa vụ với Nhà nước về Thuế.

Phòng Cung tiêu:

Phòng Cung tiêu thực hiện các chức năng:

- Quản lý, xuất, nhập kho thành phẩm của Công ty;
- Mua, quản lý và xuất nhập nguyên liệu sản xuất của Công ty;
- Mua, quản lý và xuất nhập vật tư nội bộ phục vụ sản xuất;
- Mua, quản lý và xuất nhập vật dụng bảo hộ lao động;
- Vận chuyển cọc, hàng hóa theo yêu cầu;
- Bảo quản, giữ gìn xe vận chuyển và hồ sơ giấy tờ được giao.

Phòng Quản lý thiết bị:

Phòng Quản lý thiết bị thực hiện các chức năng: Quản lý, sửa chữa, bảo dưỡng và cải tiến thiết bị sản xuất của Công ty.

Phòng Khai thác:

Phòng Khai thác thực hiện các chức năng khai thác khoáng sản theo các hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Ban ISO – 5S Kaizen:

Ban ISO – 5S Kaizen thực hiện chức năng duy trì hệ thống đã được chứng nhận, xây dựng các chương trình, kế hoạch triển khai, tổng kết và đánh giá các hoạt động ISO – 5S Kaizen và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn phù hợp.

Các tổ sản xuất:

Các tổ sản xuất có nhiệm vụ thực thi các hợp đồng được phân bổ từ Công ty, đảm bảo chất lượng sản phẩm.

4. **Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 24/01/2014**
- * **Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 24/01/2014:**

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ năm giữ (%)
1	CTCP Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON	Tầng 15, Tòa nhà CEO, lô HH2-1, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội	9.750.000	36,38%
2	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Tầng 25, Tòa nhà CEO, lô HH2-1, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội	3.750.000	13,99%

Nguồn: Theo danh sách cổ đông chốt ngày 24/01/2014 do VSD cung cấp

- * **Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ tại thời điểm 24/01/2014**

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Vốn góp theo mệnh giá (VND)	Số cổ phần (CP)	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	CTCP Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON	Tầng 15, Tòa nhà CEO, lô HH2-1, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội	0103004661	97.500.000.000	9.750.000	36,38
2	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Tầng 25, Tòa nhà CEO, lô HH2-1, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội	3500102365	37.500.000.000	3.750.000	13,99
Tổng cộng				135.000.000.000	13.500.000	50,37

Nguồn: Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0700252549 do Sở kế hoạch và Đầu tư
thành phố tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 03/09/2007 và cấp thay đổi lần thứ 04 ngày
20/02/2013 và Theo danh sách cổ đông chốt ngày 24/01/2014 do VSD cung cấp

Theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật doanh nghiệp: "trong thời hạn ba năm, kể từ ngày
Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do
chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được



chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông”.

Doanh nghiệp chính thức chuyển đổi từ Công ty TNHH Cọc bê tông dự ứng lực FECON thành Công ty cổ phần Khoáng sản FECON vào ngày 05 tháng 05 năm 2010. Do vậy, tổng số 13.500.000 cổ phần của cổ đông sáng lập (số cổ phần đăng ký mua tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp lần đầu và đã góp trong thời hạn 90 ngày) bị hạn chế chuyển nhượng (trong vòng 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) đến hết ngày 04/05/2013.

- * *Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt danh sách gần nhất (ngày 24/01/2014) trên mức vốn thực góp hiện tại*

Nội dung	Số lượng cổ đông (CD)	Số lượng cổ phần sở hữu (CP)	Giá trị (1.000 đồng)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông trong nước	825	25.779.940	257.799.400	96,19%
Tổ chức	07	14.863.186	148.631.860	55,46%
Cá nhân	818	10.916.754	109.167.540	40,73%
Cổ đông ngoài nước	12	1.020.060	10.200.600	3,81%
Tổ chức	01	9.260	92.600	0,0340%
Cá nhân	11	1.010.800	10.108.000	3,77%
Tổng	837	26.800.000	268.000.000	100%

Nguồn: Theo danh sách cổ đông chốt ngày 24/01/2014 do VSD cung cấp

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

5.1 Công ty mẹ của Công ty: Không có

5.2 Công ty con của Công ty:

TT	Điễn giải	Vốn điều lệ (VND)	Giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2013 (VND)	Tỷ lệ góp vốn (%)
1	Công ty Cổ phần Khoáng sản Hải Đăng (*)	90.000.000.000	8.047.800.000	55%
2	Công ty TNHH đầu tư FECON	30.000.000.000	3.900.000.000	100%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013 của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON
(*) : Tại ngày 31/12/2013, khoản tiền đầu tư của CTCP Khoáng sản FECON tại CTCP Khoáng sản Hải Đăng là 8.047.800.000 đồng, và khoản đầu tư này đang được hạch toán vào mục “Các



khoản phải thu khác" trên Bảng cân đối kế toán. Do đây là khoản tiền mua cổ phần theo Hợp đồng mua bán cổ phần ngày 19/11/2013 giữa CTCP Khoáng sản FECON với Công ty TNHH Hải Đăng, Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Ngọc Thành và CTCP Khoáng sản Hải Đăng. Căn cứ vào Phụ lục hợp đồng số 2312/2013/PL, ngày 23/23/2013 thì các bên quy định các khoản tiền CTCP Khoáng sản FECON chuyên cho các bên bán trước ngày 31/12/2013 được coi như khoản tiền đặt cọc trong thời gian CTCP Khoáng sản FECON làm các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật.

5.3 Công ty liên kết, liên doanh và thành viên khác của Công ty:

TT	Diễn giải	Số cổ phần năm giữ (CP)	Giá trị vốn góp theo mệnh giá (VND)	Giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2013 (VND)	Tỷ lệ góp vốn (%)
1	Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn	1.500.000	15.000.000.000	5.000.000.000	15%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013 của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

5.4 Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty:

TT	Diễn giải	Số cổ phần năm giữ (CP)	Giá trị vốn góp theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ góp vốn (%)
1	Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON	9.750.000	97.500.000.000	36.38%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013 của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

Toàn bộ số cổ phần FCM mà CTCP Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON sở hữu hiện đang được đại diện sở hữu bởi cho 3 ông: Hà Thế Lộng, Hà Thế Phương, Nguyễn Chí Công. Đồng thời, ba ông này đều đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách bằng đường bộ khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Khai thác quặng sắt;



- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Thi công xây dựng: nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và đô thị;
- Thi nghiệm cọc công nghệ cao;
- Khảo sát địa chất công trình, khảo sát địa hình, khảo sát địa chất thủy văn công trình;
- Thực hiện các thí nghiệm địa kỹ thuật phục vụ khảo sát thiết kế, quản lý chất lượng và quan trắc trong thi công nền móng và công trình ngầm (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Sản xuất và buôn bán các loại cầu kiện bê tông cốt thép, thép, phục vụ xây dựng nền móng và công trình ngầm;
- Sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng;
- Ứng dụng và chuyển giao công nghệ xây dựng nền móng và công trình ngầm mới vào thực tế xây dựng tại Việt Nam;
- Buôn bán: vật tư, vật liệu, thiết bị công nghệ thuộc hai lĩnh vực xây dựng và công nghiệp;
- Xây dựng công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Dịch vụ kho vận;
- Tư vấn, môi giới bất động sản (không bao gồm các loại hoạt động tư vấn về giá đất);
- Kinh doanh khách sạn, văn phòng (không bao gồm phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

6.2. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty

6.2.1. Thiết kế, sản xuất cọc bê tông ly tâm dự ứng lực

Nhận thấy nhu cầu tăng cao của thị trường về cọc bê tông cốt thép đúc sẵn nói chung và đặc biệt là loại cọc bê tông cốt thép ly tâm dự ứng lực với những tính năng vượt trội mà Việt Nam chưa có tiêu chuẩn áp dụng, FCM là một trong số ít doanh nghiệp đã sớm nghiên cứu và mạnh dạn đầu tư dây chuyền công nghệ sản xuất cọc bê tông ly tâm dự ứng lực có đường kính lớn nhất miền Bắc từ 300 mm đến 1.200 mm với chiều dài tối đa 27 m theo công nghệ và tiêu chuẩn Nhật Bản.

Dây là loại cọc có nhiều ưu điểm vượt trội so với cọc khoan nhồi, cọc vuông truyền thống, tiết kiệm nguyên liệu đầu vào, thời gian thi công nhanh chóng, sử dụng công nghệ

sản xuất tiên tiến theo tiêu chuẩn Nhật Bản trong quy trình sản xuất để đạt mác bê tông 80MPA, giá thành giảm 15%-20% so với cọc bê tông cốt thép thường, rẻ hơn 30%-50% so với cọc khoan nhồi (khi xem xét cùng sức chịu tải). Bên cạnh đó có thể rút ngắn 50% thời gian thi công cọc và đặc biệt quan trọng là chất lượng được kiểm soát tuyệt đối như những tính năng ưu việt như:

- (i) Cọc bê tông ly tâm dự ứng lực được sản xuất và quản lý trong môi trường nhà máy nên chất lượng đồng đều và ổn định:
 - Cường độ chịu kéo của thép dự ứng lực (PC bar) > 1.500 MPa, cao hơn 5 lần so với cốt thép chịu lực thông thường;
 - Cường độ chịu nén của bê tông cọc đạt 60-80 MPa đối với mẫu trụ (tương đương 720-960 kg/cm² đối với mẫu lập phương);
 - Công nghệ quay ly tâm giúp cho bê tông tự đầm và có độ đặc chắc cao;
 - Công nghệ dường hộ bằng hơi nước nóng (90-100°C) giúp cường độ bê tông đạt 70% mác thiết kế sau 6 giờ dường hộ và đạt 100% mác thiết kế sau khi sản xuất 5-7 ngày. Hơn nữa, nếu dường hộ cọc trong bê hắp hơi nước nóng áp suất cao autoclave (10 at) thì cường độ bê tông cọc đạt 100% mác thiết kế chỉ trong 1 ngày sau khi sản xuất. Do đó, rút ngắn đáng kể thời gian cung cấp và thi công cọc.
- (ii) Sử dụng bê tông mác cao 60-80 MPa cùng với quá trình quay ly tâm kết hợp tạo ra ứng lực cho thép làm cải thiện được kết cấu chịu lực của cọc và các tính năng ưu việt khác của cọc: tại đợc trực và khả năng chịu kéo cao; chịu tải trọng cao, có độ cứng và khả năng chịu uốn cao; Cho phép đóng xuyên qua các lớp địa tầng cứng.
- (iii) Cọc bê tông ly tâm có thể sản xuất với chiều dài tối đa đến 27m cho một đoạn, mỗi nồi cọc nhanh và kinh tế, trọng lượng trên một đơn vị chiều dài thấp dẫn đến giá thành hạ. Vòng quay sản xuất sản phẩm nhanh đạt cường độ sớm đáp ứng kịp thời tiến độ cho những dự án có quy mô lớn.

Từ tháng 07/2008, sản phẩm cọc bê tông chất lượng cao với thương hiệu FECON Mining đã được cung cấp ra thị trường xây dựng Việt Nam và được nhiều khách hàng nước ngoài lớn tin dùng và đánh giá cao như: Metro cash & carry (Đức), Big C (Pháp), Haskoning, Dutch lady, Wassenburg (Hà Lan), ABB (Thụy Sỹ), Shimizu, Obayashi, Zenitaka, Meiko (Nhật Bản), Hyundai, MDA (Hàn Quốc), Foxconn (Đài Loan), SamSung (Hàn Quốc), ...

Đến nay, nhiều khách hàng Việt Nam cũng quen thuộc với sản phẩm cọc bê tông cốt thép ly tâm dự ứng lực của FECON Pile qua các công trình: Khu đô thị mới Văn Phú (Hà Nội), Nhà máy Vôi Thủy Nguyên (Hải Phòng), Nhà máy Xơ sợi tổng hợp polyester Dinh Vũ (Hải Phòng), nhà máy Nghiên liệu sinh học ethanol (Phú Thọ), Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn (Thanh Hóa), Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Nhà máy Khí điện đạm Cà Mau; Nhà máy Khí điện Nhơn Trạch 1, KĐT Phú Mỹ Hưng, hệ thống siêu thị Metro trên toàn quốc, Cảng Cái Lân - Quảng Ninh, Cảng Hải Phòng, Cảng Tiên Sa - Đà Nẵng, Cảng Sài Gòn, Nhà máy Sam Sung - Thái Nguyên, Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Tô hợp dự án Formosa Hà Tĩnh



sản xuất tiên tiến theo tiêu chuẩn Nhật Bản trong quy trình sản xuất để đạt mức bê tông 80MPA, giá thành giảm 15%-20% so với cọc bê tông cốt thép thường, rẻ hơn 30%-50% so với cọc khoan nhồi (khi xem xét cùng sức chịu tải). Bên cạnh đó có thể rút ngắn 50% thời gian thi công cọc và đặc biệt quan trọng là chất lượng được kiểm soát tuyệt đối nhờ những tính năng ưu việt như:

- (i) Cọc bê tông ly tâm dự ứng lực được sản xuất và quản lý trong môi trường nhà máy nên chất lượng đồng đều và ổn định:
 - Cường độ chịu kéo của thép dự ứng lực (PC bar) > 1.500 MPa, cao hơn 5 lần so với cốt thép chịu lực thông thường;
 - Cường độ chịu nén của bê tông cọc đạt 60-80 MPA đối với mẫu trụ (tương đương 720-960 kg/cm² đối với mẫu lập phương);
 - Công nghệ quay ly tâm giúp cho bê tông tự đầm và có độ đặc chắc cao;
 - Công nghệ dưỡng hộ bằng hơi nước nóng (90-100°C) giúp cường độ bê tông đạt 70% mức thiết kế sau 6 giờ dưỡng hộ và đạt 100% mức thiết kế sau khi sản xuất 5-7 ngày. Hơn nữa, nếu dưỡng hộ cọc trong bê hấp hơi nước nóng áp suất cao autoclave (10 at) thì cường độ bê tông cọc đạt 100% mức thiết kế chỉ trong 1 ngày sau khi sản xuất. Do đó, rút ngắn đáng kể thời gian cung cấp và thi công cọc.
- (ii) Sử dụng bê tông mức cao 60-80 MPA cùng với quá trình quay ly tâm kết hợp tạo dự ứng lực cho thép lâm cải thiện được kết cấu chịu lực của cọc và các tính năng ưu việt khác của cọc: tại dọc trực và khả năng chịu kéo cao; chịu tải trọng cao, cỏ độ cung và khả năng chịu uốn cao; Cho phép đóng xuyên qua các lớp địa tầng cứng.
- (iii) Cọc bê tông ly tâm có thể sản xuất với chiều dài tối đa đến 27m cho một đoạn, mồi nối cọc nhanh và kinh tế, trọng lượng trên một đơn vị chiều dài thấp dẫn đến giá thành hạ. Vòng quay sản xuất sản phẩm nhanh đạt cường độ sớm đáp ứng kịp thời tiến độ cho những dự án có quy mô lớn.

Từ tháng 07/2008, sản phẩm cọc bê tông chất lượng cao với thương hiệu FECON Mining đã được cung cấp ra thị trường xây dựng Việt Nam và được nhiều khách hàng nước ngoài lớn tin dùng và đánh giá cao như: Metro cash & carry (Đức), Big C (Pháp), Haskoning, Dutch lady, Wassenburg (Hà Lan), ABB (Thụy Sỹ), Shimizu, Obayashi, Zenitaka, Meiko (Nhật Bản), Hyundai, MDA (Hàn Quốc), Foxconn (Đài Loan), SamSung (Hàn Quốc), ...

Đến nay, nhiều khách hàng Việt Nam cũng quen thuộc với sản phẩm cọc bê tông cốt thép ly tâm dự ứng lực của FECON Pile qua các công trình: Khu đô thị mới Văn Phú (Hà Nội), Nhà máy Vôi Thủy Nguyên (Hải Phòng), Nhà máy Xơ sợi tổng hợp polyester Dinh Vũ (Hải Phòng), nhà máy Nhiên liệu sinh học ethanol (Phú Thọ), Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn (Thanh Hóa), Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Nhà máy Khí điện đạm Cà Mau; Nhà máy Khí điện Nhơn Trạch I, KĐT Phú Mỹ Hưng, hệ thống siêu thị Metro trên toàn quốc, Cảng Cái Lân - Quảng Ninh, Cảng Hải Phòng, Cảng Tiên Sa - Đà Nẵng, Cảng Sài Gòn, Nhà máy Sam Sung - Thái Nguyên, Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Tô hợp dự án Formosa Hà Tĩnh ...

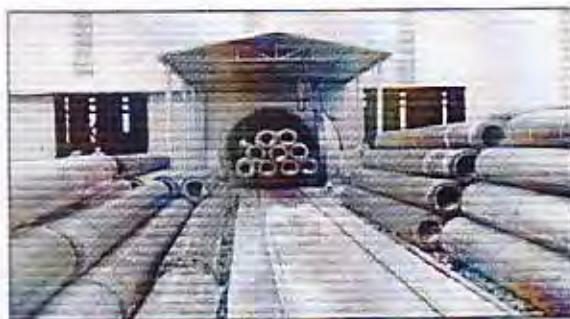
Từ tháng 11/2009, FCM đã cho ra đời sản phẩm mới, loại cọc vuông ly tâm dự ứng lực rất phù hợp cho các công trình nhà cao tầng và sử dụng lần đầu tiên cho công trình Khách sạn Lam Kinh (Thanh Hóa). Cũng trong năm 2009, Công ty đã sản xuất thành công các loại cột điện ly tâm dự ứng lực cung cấp được cho các công trình xây lắp của ngành điện lực. Mọi quy trình kiểm soát chất lượng được duy trì đều đặn và chặt chẽ, mọi sản phẩm đều đảm bảo các tiêu chuẩn Quốc gia và Quốc tế.

Đi kèm với hoạt động sản xuất cọc bê tông ly tâm dự ứng lực, FCM còn cung cấp các dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế cọc bê tông phù hợp với đặc điểm địa chất, điều kiện sử dụng cọc ở mỗi công trình. Giữa hoạt động khảo sát, tư vấn, cung cấp cọc bê tông, thi công của FCM luôn có sự hỗ trợ tích cực lẫn nhau.

Một số hình ảnh nhà máy và sản phẩm cọc bê tông dự ứng lực



Công suất sản xuất:	4.000m dài cọc/ngày
Dây chuyền I:	Từ D300mm-D800mm, chiều dài đoạn cọc đến 15m
Dây chuyền II:	Từ D300mm-D1000mm, chiều dài cọc đến 27m
Mác bê tông:	60 MPA cho cọc PC; 80 MPA cho cọc PHC
Tiêu chuẩn sản xuất và thí nghiệm:	JIS A5335-1987 (cọc PC) JIS A5373-2004 (cọc PHC) TCVN 7888:2008 (cọc PC và PHC)
Hệ thống quản lý chất lượng:	ISO 9001:2008 và 5S Kaizen
Địa điểm nhà máy:	Cụm CN Thị Sơn, Huyện Kim Bảng, Hà Nam (tổng diện tích 02 xưởng là 13,000 m ²)



Cọc bê tông ly tâm DUL loại tròn
Đường kính: D300-D1200 mm
Chiều dài: 5-27 m



Cọc bê tông ly tâm DUL loại vuông
Kích thước: 250x250 – 700x700 mm
Chiều dài: 5-27 m

Quy trình sản xuất

- **Bước 1: Kiểm tra chất lượng vật liệu đầu vào**



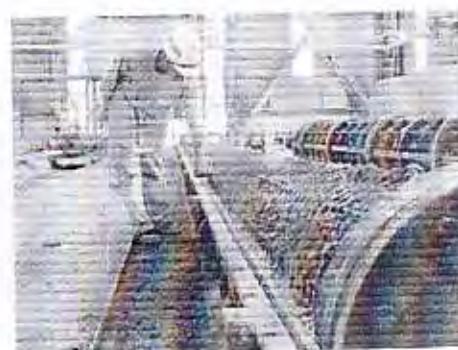
- **Bước 2: Chế tạo và gia công lồng thép**



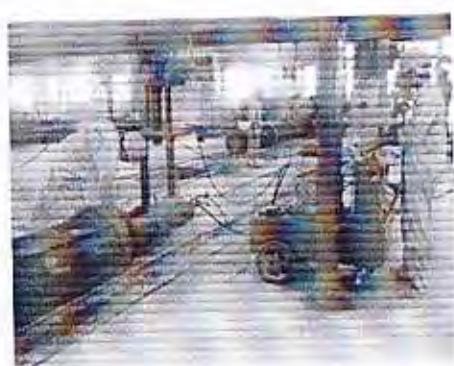
- **Bước 3: Chuẩn bị khuôn cọc**



- **Bước 4: Trộn và rải bê tông vào khuôn**



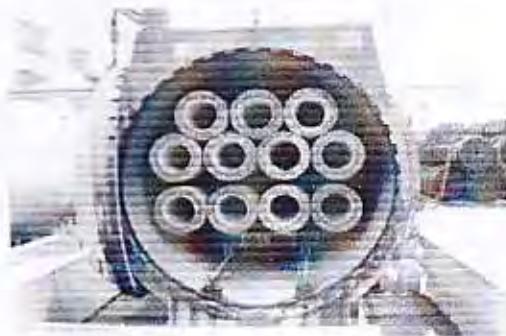
- **Bước 5: Căng thép dự ứng lực**



- **Bước 6: Quay ly tâm**



- **Bước 7: Dưỡng hộ bê tông bằng lò hơi (hoặc lò hơi áp suất cao bằng máy hấp)**



- **Bước 8: Kiểm tra, bảo dưỡng và phân phối sản phẩm**



- **Bước 9: Lưu bãi và vận chuyển cọc đến công trình thi công**



- ❖ Một số dự án (tiêu biểu) FCM đã và đang là nhà thầu cung cấp và thi công trong những năm gần đây:
- Dự án Nhà máy LG Electronics Hải Phòng;



Sau khi FECON nhận được thư thông báo trúng thầu từ GS Engineering & Construction – Serveone - Tổng thầu liên danh dự án xây dựng Nhà máy LG Electronics. Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON (FCM) đã kết hợp với Công ty cổ phần kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON (FCN) khẩn trương triển khai kế hoạch sản xuất để cung cấp kịp thời khối lượng lớn cọc PHC D500 cho dự án. Dòng tiền mang lại cho FCM từ gói thầu cung cấp cọc này sẽ góp phần không nhỏ vào việc thực hiện kế hoạch doanh thu năm 2013 đã đặt ra của FCM.

Thông tin Dự án:

Dự án Nhà máy LG Electronics là một trong các hạng mục ưu tiên thực hiện trước năm trong dự án tổ hợp công nghệ cao của Tập đoàn LG Electronics tại khu Trảng Duệ thuộc khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải có tổng vốn đầu tư 1,5 tỷ USD. Các hạng mục tiếp theo của dự án sẽ tiếp tục triển khai vào cuối năm 2013 và đầu năm 2014.

- Nhà máy Samsung Thái Nguyên:

Tháng 6 năm 2013, Công ty cổ phần Khoáng sản FECON (FCM) kết hợp cùng Công ty cổ phần kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON (FCN) đã được chấp thuận nguyên tắc cung cấp và thi công khoảng 60% khối lượng cọc cho hạng mục cung cấp cọc xử lý móng cho Dự án xây dựng nhà máy Samsung trong khu công nghiệp Yên Bình, Phố Yên, Thái Nguyên - Một trong các dự án có vốn đầu tư nước ngoài lớn nhất Đông Nam Á.

Nhà máy Samsung Thái Nguyên (SEVT) là Dự án nằm trong giai đoạn đầu tiên của tổ hợp công nghệ cao của Samsung tại khu công nghiệp Yên Bình, Thái Nguyên khởi công ngày 25/3/2013 với mức đầu tư lên tới 3.2 tỷ USD trong đó dự kiến tổng vốn đầu tư cho hạng mục nền móng là 1.500 tỷ VND.

FECON đang cùng Tập đoàn Samsung xúc tiến đàm phán, ký kết hợp đồng giai đoạn 2 cung cấp và thi công cọc cho hạng mục nền móng công trình. Dự kiến Dự án này sẽ mang lại doanh thu và dòng tiền lớn cho FCM và FCN trong giai đoạn năm 2013 - 2015.

Thông tin Dự án:

Tổ hợp công nghệ cao của Samsung tại khu công nghiệp Yên Bình, Thái Nguyên khởi công ngày 25/3/2013 là tổ hợp dự án thứ 2 của hãng điện tử Hàn Quốc được triển khai tại Việt Nam.

Tổ hợp sẽ được xây dựng trên tổng diện tích 100 ha, có công suất thiết kế 100 triệu điện thoại và các thiết bị di động mỗi năm, gồm nhà máy sản xuất, già công lắp ráp điện thoại di động và các sản phẩm công nghệ cao (trị giá 2 tỷ USD) và nhà máy chuyên về các bộ vi xử lý và mạch tích hợp, quy mô 1.2 tỷ USD.

Dự kiến, đến cuối năm 2013, nhà máy đầu tiên của Dự án sẽ đi vào hoạt động, sử dụng khoảng 2.000 lao động và tăng lên hơn 30.000 khi hoàn thiện cả khu.

- **Khu liên hợp gang thép và cảng nước sâu Sơn Dương FORMOSA Hà Tĩnh:**



Tháng 6/2013, FCM tiếp tục cung cấp gói cọc PHC D500-D600mm có giá trị gần 70 tỷ đồng từ tháng 6/2013 đến tháng 8/2013 cho Dự án Formosa - Hà Tĩnh. Hiện FCM đang nỗ lực cài tiến nâng cao năng suất dây truyền nhà máy để có thể thực hiện các gói thầu với quy mô lớn cho Dự án này trong Quý 3 và Quý 4 năm 2013.

Thông tin Dự án:

Dự án khu liên hợp gang thép và cảng nước sâu Sơn Dương Formosa - Hà Tĩnh là một trong những dự án có quy mô vốn đầu tư lớn nhất cả nước hiện tại với tổng vốn đầu tư giai đoạn 1 là 9,9 tỷ USD trên diện tích hơn 3.300 ha, và vừa được tăng vốn từ 9,9 tỷ USD lên 28,5 tỷ USD. Dự án bao gồm các hạng mục chính là nhà máy luyện gang thép, hệ thống cảng biển nước sâu có năng lực cập tàu 300.000 tấn và nhà máy nhiệt điện công suất 2.100 MW, trong đó quy mô nhà máy thép giai đoạn 1 đạt trên 7 triệu tấn phôi thép/năm.

Theo các chuyên gia về nền móng công trình, vốn đầu tư vào hạng mục nền móng tròn tính khoảng 10% – 15% tổng vốn đầu tư tương đương 20.000 tỷ VND cho giai đoạn 1 của Dự án.

Vào giai đoạn cao điểm nhất của Dự án (năm 2014 – 2015), với công suất nhà máy sản xuất cọc được cải thiện, dự kiến việc cung cấp cọc cho hạng mục nền móng sẽ mang lại doanh thu lớn và ổn định hơn cho FCM trong giai đoạn này.

- **Ngoài ra, FCM còn cung cấp cọc bê tông và thi công cho một số dự án như:**

- Nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn 1: FCM cung cấp 161.189 m cọc đường kính D350-D600 vào giai đoạn 2010-2011;
- Dây chuyền sản xuất Giấy tráng phán cao cấp – CTCP Giấy An Hòa: FCM cung cấp 32.219 m cọc PHC D400 Class B vào năm 2011;

- Nhà máy Box Park Bắc Ninh: FCM cung cấp 54.000 m cọc PHC D350-D400mm, vào năm 2012;
- Nhà máy sản xuất bình nước nóng Ariston Bắc Ninh: FCM cung cấp 20.000 m cọc vào giai đoạn 2012-2013;
- Nhà máy sản xuất Amon Nitrat Thái Bình: FCM cung cấp 51.000 m cọc PC D350-D450 vào giai đoạn 2012-2013;

6.2.2. Khai thác khoáng sản, cung cấp vật liệu xây dựng

Đây là mảng hoạt động kinh doanh mới được FCM bắt đầu triển khai từ năm 2013. Hoạt động khai thác khoáng sản này chủ yếu là các loại khoáng sản phục vụ hoạt động sản xuất cọc bê tông dự ứng lực như: đá, cát, sỏi ... Ngoài ra sẽ cung cấp đá, cát, sỏi cho một số dự án có địa bàn gần khu vực của mỏ.

Hiện tại FCM đã và đang triển khai mua một số mỏ đá chất lượng cao ở Hòa Bình, Hà Nam, Thanh Hóa, Hà Tĩnh và mỏ cát ở Hà Nội và một số khu vực chiến lược phục vụ các nhu cầu của khách hàng tiềm năng đã xác định.

Một số hình ảnh về mỏ đá và mỏ cát FCM đã và đang đàm phán mua lại:



- ❖ Một số dự án (tiêu biểu) FCM đã và đang là nhà thầu cung cấp và thi công trong những năm gần đây:
 - Dự án nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2;

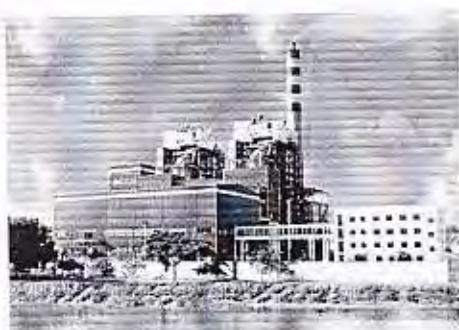
Thông tin dự án:

- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Điện lực Dầu khí (PV Power);
- Tổng mức đầu tư: 1,6 tỷ USD;
- Tổng thầu: Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam;
- Công suất: 1.200 MW;
- Địa điểm: Thái Thụy, Thái Bình;
- Hạng mục tham gia: cung cấp ~ 229.000 m³ cát cho công tác xử lý nền kho than và nhà máy chính của dự án

Dự án Trung tâm nhiệt điện Thái Bình thuộc tả ngạn sông Trà Lý, cách cửa sông Trà Lý khoảng 3km về phía Tây, nằm trên diện tích 254.22 ha gồm 2 nhà máy: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 1 với công suất 600MW do Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) làm chủ đầu tư và Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với công suất 1.200MW (gồm 2 tổ máy, mỗi tổ máy có công suất 600MW), sản lượng điện khoảng 7,2 tỷ Kwh/năm) do Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power) làm chủ đầu tư.

Tại đây có đủ diện tích để bố trí các hạng mục công trình, thiết bị theo cỡ công suất và công nghệ đã chọn, có điều kiện để mở rộng công suất sau này. Sự ra đời của trung tâm Điện lực Thái Bình sẽ góp phần quan trọng trong việc bổ sung một lượng công suất lớn cho hệ thống điện, đáp ứng một phần nhu cầu tiêu thụ điện ngày càng tăng của hệ thống điện quốc gia Việt Nam giai đoạn từ 2013 trở đi.

- **Nhà máy nhiệt điện Long Phú 1:**

Thông tin dự án:

- Chủ đầu tư: PetroVietnam;
- Tổng mức đầu tư: 1,2 tỷ USD;
- Tổng thầu: Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật dầu khí (PTSC);
- Công suất: 1.200 MW;
- Địa điểm: xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng;
- Hạng mục tham gia: cung cấp ~ 1.500.000 m³ cát cho công tác xử lý nền của dự án

Đây là dự án thuộc Trung tâm Điện lực Long Phú được Bộ Công Thương phê duyệt với quy mô công suất khoảng 4.400MW (lớn gấp hơn 2 lần công suất của Nhà máy Thủy điện Hòa Bình). Trung tâm Điện lực Long Phú gồm 3 dự án nhà máy nhiệt điện đốt

than: Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1 có công suất 1.200 MW; Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 2, công suất 1.200 MW; và Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 3 công suất 2.000 MW cùng các công trình hạ tầng kỹ thuật phụ trợ khác. Trung tâm Điện lực Long Phú được xây dựng trên tổng diện tích khoảng 409 ha.

- **Dự án kho lạnh LPG Thị Vải:**



Thông tin dự án:

- Chủ đầu tư: Tổng công ty khí Việt Nam (PVGas);
- Tổng mức đầu tư: 2515 tỷ đồng;
- Nhà thầu chính: Liên danh tổng thầu PVC-DEC;
- Địa điểm: Kho cảng Thị Vải, KCN Cái Mép, Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Hạng mục tham gia: cung cấp ~ 25.000 m³ cát cho công tác xử lý nền của dự án

- **Dự án nhà máy xơ sợi tổng hợp Polyester Đinh Vũ – Hải Phòng:**



Thông tin dự án:

- Chủ đầu tư: Công ty CP Hóa dầu và Xơ sợi dầu khí (PVTex);
- Tổng vốn đầu tư: 5.457 tỷ đồng;
- Tổ hợp các nhà thầu: Hyundai Engineering Co., LG International Corp và Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC);
- Công suất 175.000 tấn/năm;
- Địa điểm: Khu công nghiệp Đinh Vũ thuộc khu kinh tế Đinh Vũ - Cát Hải - Hải Phòng;
- Hạng mục tham gia: cung cấp ~ 114.000 m³ cát cho công tác xử lý nền của dự án

Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đinh Vũ do PVTex làm Chủ đầu tư là dự án nằm trong Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp Hoá chất Việt Nam đến năm 2010 (có tính đến năm 2020) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 343/2005/QĐ-TTg ngày 26/12/2005. Đây là nhà máy sản xuất xơ sợi đầu tiên được xây dựng ở miền Bắc nước ta có quy mô đầu tư lớn, công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại với tổng mức đầu tư 324,85 triệu USD, công suất 500 tấn xơ sợi/ngày, thời gian xây dựng 25 tháng trên Lô đất CN5.5A có diện tích 15 ha thuộc Khu Công nghiệp Đinh Vũ - Hải Phòng.

Tổ hợp các nhà thầu: Hyundai Engineering Co., LG International Corp và Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) sẽ đảm nhiệm việc thiết kế chi tiết, mua sắm vật tư thiết bị, xây dựng, lắp đặt, chạy thử, nghiệm thu và giao cho chủ đầu tư vận hành

nha máy. Việc đào tạo đội ngũ vận hành và bảo dưỡng nhà máy, cung cấp vật tư, hoá phẩm, xúc tác, phụ tùng thay thế trong những năm đầu vận hành cũng do các nhà thầu thực hiện.

Dây là dự án đầu tiên của Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất xơ sợi polyester từ nguyên liệu chính là PTA và MEG với công nghệ tiên tiến và hiện đại nhất trên thế giới. Xơ sợi polyester là nguyên liệu đầu vào quan trọng của ngành dệt may nhưng sản xuất trong nước hiện chỉ đáp ứng được khoảng 5 - 10%, nên phần lớn nguyên liệu vẫn trông chờ vào nguồn nhập khẩu.

- Dự án Nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 2:

Thông tin dự án:



- Chủ đầu tư: Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam;
- Tổng thầu EPC: Tô hợp nhá thầu PVC-LILAMA;
- Tổng vốn đầu tư: 524 triệu USD;
- Công suất sản xuất: 750 MW;
- Địa điểm xây dựng: Dong Nai Province;
- Hạng mục tham gia: cung cấp - 186.400 m³ Cát cho công tác xử lý nền của dự án

Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, sử dụng công nghệ tua bin khí chu trình hình hỗn hợp thế hệ F (công nghệ tiên tiến trên thế giới hiện nay), cấu hình 2-2-1 (2 tua bin khí, 2 lò thu hồi nhiệt, 1 tua bin hơi), công suất 750MW thuộc Trung tâm Điện lực Nhơn Trạch, cách Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 35 km về hướng Đông-Nam.

Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 được đầu tư xây dựng theo hình thức IPP (nhà máy điện độc lập), đồng chủ sở hữu theo hình thức vốn góp của các cổ đông và vốn vay, trong đó Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là cổ đông lớn nhất.

Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm trong Tổng sơ đồ điện VI về Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2006-2015 có xét đến năm 2025 và được phép áp dụng cơ chế đặc thù để đầu tư xây dựng các công trình điện cấp bách giai đoạn 2006-2010 (theo Quyết định số 1195/QĐ-TTg ngày 09/11/2005 của TTgCP).

Dự án Nhà máy điện Nhơn trạch 2 được thực hiện nhằm góp phần ổn định và cung cấp điện năng cho phát triển kinh tế đất nước, đảm bảo an ninh năng lượng cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giải quyết tình trạng thiếu hụt điện năng của hệ thống điện quốc gia giai đoạn 2006-2015.

6.3. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm 2012 – 2013

a) Cơ cấu doanh thu thuần và lợi nhuận gộp của Công ty

Bảng 1: Cơ cấu Doanh thu thuần của Công ty mẹ

Đơn vị: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Tăng trưởng (%)
1	Bán thành phẩm	262.086.386.945	98,74%	421.919.291.845	99,63%	60,98%
	- Khoáng sản	0	0%	0	0%	0%
	- Cọc bê tông dự ứng lực	262.086.386.945	98,74%	421.919.291.845	99,63%	60,98%
2	Cung cấp dịch vụ	3.338.755.926	1,26%	1.565.774.694	0,37%	-53,10%
Tổng cộng		265.425.142.871	100%	423.485.066.539	100%	59,55%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, và 2013 của CTCP Khoáng sản FECON

Bảng 2: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty mẹ

Đơn vị: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Tăng trưởng (%)
1	Bán thành phẩm	77.748.884.992	96,36%	115.011.376.099	101,23%	47,93%
	- Khoáng sản	0	0%	0	0%	0%
	- Cọc bê tông dự ứng lực	77.748.884.992	96,36%	115.011.376.099	101,23%	47,93%
2	Cung cấp dịch vụ	2.934.377.926	3,64%	(1.394.739.313)	-1,23%	-147,53%
Tổng cộng		80.683.262.918	100%	113.616.636.786	100%	40,82%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, và 2013 của CTCP Khoáng sản FECON

Nhìn chung, doanh thu và lợi nhuận gộp của Công ty qua các năm có xu hướng tăng trưởng ổn định, trong năm 2013, doanh thu và lợi nhuận gộp có sự tăng trưởng rất ấn tượng, doanh thu thuần năm 2013 tăng 59,55% so với năm 2012, lợi nhuận gộp tăng trưởng 40,82% so với năm 2012.

Hoạt động bán thành phẩm cọc bê tông dự ứng lực là mang chủ yếu mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, chiếm tỷ trọng bình quân hai năm 2012 và 2013 là 79,9% doanh thu và 98,8% lợi nhuận gộp của Công ty. Đi kèm với hoạt động cung cấp cọc bê tông dự ứng lực cho các công trình, CTCP Khoáng sản FECON còn cung cấp đồng bộ hóa các dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế cọc tương ứng phù hợp với từng loại công trình.



Trong năm 2013, hoạt động cung cấp dịch vụ cũng đã đóng góp 1,5 tỷ đồng doanh thu, tuy nhiên lợi nhuận gộp bị âm 1,3 tỷ, do chi phí lương chuyên gia tư vấn cao.

Hoạt động khai thác khoáng sản được triển khai từ năm 2013, tuy nhiên do các khó khăn trong việc tìm kiếm và xác lập các mỏ, thị trường đầu ra, nên hoạt động khai thác chưa có đóng góp doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

Từ cuối năm 2013, Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON đã tiến hành góp vốn, mua cổ phần của một số công ty con, công ty liên doanh, liên kết, nhưng những công ty này chủ yếu chưa có nhiều hoạt động kinh doanh bán hàng, nên doanh thu và lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ chưa phát sinh. Vì thế cơ cấu về doanh thu thuần và lợi nhuận gộp của hợp nhất giống với cơ cấu doanh thu thuần và lợi nhuận gộp của Công ty mẹ FCM.

6.4. Nguyên vật liệu

Nguồn nguyên, nhiên vật liệu

Nguyên vật liệu chính đối với hoạt động sản xuất cọc bê tông là các loại sắt, thép, xi măng, đá, cát, xăng dầu ... Chất lượng sản phẩm phụ thuộc rất lớn vào chất lượng nguyên vật liệu nên Công ty rất chú trọng việc lựa chọn nhà cung cấp và kiểm soát chất lượng đầu vào.

Công ty lựa chọn các đơn vị cung cấp dựa trên sự chào giá cạnh tranh. Việc lựa chọn nhiều nhà cung cấp có ưu điểm là Công ty có thể luân chuyển nguồn vốn lưu động một cách linh hoạt, tận dụng được thời gian thanh toán chậm của nhiều đơn vị cung cấp sản phẩm so với việc lựa chọn cố định một đơn vị cung cấp.

Mặt khác, việc mở rộng hoạt động sang khai thác khoáng sản (đá, cát...) giúp FCM chủ động trong nguồn nguyên liệu về đá và cát, đảm bảo sự ổn định trong hoạt động sản xuất.

Sự ổn định của các nguồn cung cấp

Các nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là những nguyên vật liệu được sản xuất trong nước như: xi măng, cát, đá ... và từ nhập khẩu như thép đặc chung cùng một số phụ gia nguyên vật liệu khác. Một số nhà cung cấp chính được đánh giá uy tín và ổn định như: Công ty CP Thương mại Thành Nam và Công ty TNHH Trường Hải (cung cấp xi măng cho Công ty từ năm 2008 đến nay); CTCP Thương mại hàng hóa quốc tế IPC (cung cấp thép cho Công ty từ năm 2011 đến nay); Công ty TNHH ĐT&PT Xây dựng Minh Huyền, CTCP IPRO (cung cấp phụ gia cho Công ty từ năm 2010 đến nay), ... Các đơn vị cung cấp chủ yếu trên luôn đảm bảo về tiến độ thời gian cung cấp cũng như chất lượng, là nhà cung cấp uy tín và ổn định lâu năm của Công ty.

Ở Việt Nam hiện nay, thị trường cung cấp những nguyên vật liệu trên rất sôi động và có tính cạnh tranh cao. Với các nguyên liệu phải nhập khẩu như bích đầu cọc, thép chủ, nước chống rỉ, FCM chủ trương tìm kiếm các nhà cung cấp trong nước và đầu tư dây chuyền sản xuất bích đầu cọc, dây chuyền rút thép đại, ... để chủ động về chất lượng và tiến độ

cho sản xuất cọc. Nhà cung cấp bích đầu cọc cho Công ty là Công ty TNHH Hạnh Yên, đây là Công ty được đánh giá là uy tín và cung cấp chủ yếu bích đầu cọc cho FCM.

Do đó, Công ty không phải đối mặt với nguy cơ khan hiếm hàng như đối với những doanh nghiệp có đầu vào chủ yếu là những nguyên vật liệu nhập khẩu và có điều kiện lựa chọn nhà cung cấp với mức giá và điều kiện giao nhận hợp lý nhất.

Công ty đã thiết lập được một hệ thống các nhà cung ứng chiến lược đầy tiềm năng và uy tín nhằm đảm bảo ổn định về giá và đảm bảo đúng quy cách chất lượng, chủng loại và cung cấp kịp thời, đáp ứng cho các hợp đồng cung ứng cọc của Công ty hoàn thành đúng tiến độ đề ra. Hệ thống những nhà cung cấp này đã gắn bó với Công ty trong suốt thời gian qua và sẵn sàng hợp tác nhằm đảm bảo nguồn cung cấp cho các dự án của Công ty.

Việc mở rộng hoạt động sang khai thác khoáng sản (mỏ đá, cát ...) cũng tạo điều kiện thuận lợi cho FCM trong việc đảm bảo nguyên liệu đầu vào ổn định.

Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Sự biến động giá cả nguyên vật liệu theo chiều hướng gia tăng trong thời gian ngắn, sẽ làm cho kinh phí đầu tư của các chủ đầu tư tăng theo. Điều này ảnh hưởng đến chi phí đầu vào nói riêng cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn ngành xây dựng. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, chi phí sản xuất của Công ty chịu nhiều ảnh hưởng bởi sự biến động giá cả vật liệu xây dựng như sắt, thép, xi măng, ... Khi giá cả vật liệu xây dựng tăng đột biến sẽ nhanh chóng tác động đến giá cả các yếu tố đầu vào của Công ty, đẩy chi phí lên cao đối với những hợp đồng thi công dài hạn đã ký. Điều này có thể gây ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Biện pháp hạn chế rủi ro về giá thành nguyên vật liệu

Nhận thức rõ rủi ro và sự ảnh hưởng lớn của giá thành nguyên vật liệu, Công ty đã có kế hoạch và biện pháp chủ động về nguồn nguyên vật liệu, cụ thể như sau:

- Chủ động tìm kiếm các nhà cung cấp mới trong và ngoài nước nhằm tạo sự chủ động về nguồn nguyên vật liệu. Thường xuyên đánh giá, nhận định thật chính xác về năng lực cung cấp, chất lượng sản phẩm cũng như các yếu tố môi trường như địa lý, tập quán thương mại của các nhà cung cấp ...
- Công ty đã có biện pháp ký hợp đồng giữ giá với các nhà cung cấp nên hạn chế được sự tác động của tăng giá nguyên vật liệu tới giá thành công trình.
- Phản lối với các công trình được ký kết, yếu tố tăng giá, trượt giá trên thị trường trong thời gian thi công công trình đều được tính đến. Do vậy sẽ hạn chế phần nào những sự bất lợi do ảnh hưởng của sự thay đổi giá nguyên vật liệu đầu vào đem lại.
- Mở rộng hoạt động sang lĩnh vực khai thác khoáng sản, cung cấp vật liệu xây dựng (đá, cát), chủ động trong việc cung ứng nguyên liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất cọc, giảm giá thành sản xuất.

6.5. Chi phí sản xuất

Bảng 3: Cơ cấu chi phí của Công ty mẹ và tỷ lệ chi phí/doanh thu thuần

Đơn vị: Đồng

TT	Chi tiêu	Năm 2012		Năm 2013	
		Giá trị	%/ Doanh thu	Giá trị	%/ Doanh thu
1	Doanh thu thuần	265.425.142.871	100%	423.485.066.539	100%
2	Giá vốn hàng bán	184.741.879.953	69,60%	310.454.897.612	73,31%
3	Chi phí tài chính	23.933.981.843	9,02%	21.126.527.022	4,99%
4	Chi phí bán hàng	27.417.186.733	10,33%	40.309.937.987	9,52%
5	Chi phí quản lý	6.390.794.717	2,41%	10.673.365.590	2,52%
Tổng cộng		242.483.843.246	91,36%	382.564.728.211	90,34%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, và 2013 của CTCP Khoáng sản FECON

Do hoạt động kinh doanh chính của FCM là sản xuất cọc bê tông dự ứng lực, nên các chi phí về nguyên, nhiên vật liệu đầu vào sản xuất thường rất lớn. Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí của Công ty là giá vốn hàng bán, bình quân 2 năm khoảng 71% so với doanh thu thuần.

Chi phí bán hàng là chi phí chiếm tỷ trọng lớn thứ hai so với doanh thu thuần, bình quân 2 năm 2012 và 2013 là 9,9%. Nguyên nhân là do sản phẩm cọc bê tông của Công ty được sản xuất sẵn tại nhà máy, sau đó được vận chuyển bằng ô tô tới các công trình, những sản phẩm cọc của Công ty đều có trọng tải lớn, công kèm, nên chi phí vận chuyển rất tốn kém. Chi phí bán hàng có xu hướng giảm trong năm 2013 so với năm 2012, do năm 2012 FCM có hợp đồng cung cấp cọc bê tông cho công trình FORMOSA ở Hà Tĩnh chiếm số lượng lớn cọc sản xuất trong năm và phải vận chuyển xa, nên chi phí bán hàng cao, sang năm 2013 các hợp đồng cung cấp cọc cho các công trình gần hơn như: Thái Bình, Hải Phòng, Thái Nguyên ...

Chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty có xu hướng ổn định, chiếm khoảng 2,5% doanh thu thuần. Chi phí tài chính lại có xu hướng giảm so với doanh thu thuần, giảm từ 9,02% năm 2012 xuống còn 4,99% năm 2013. Nguyên nhân là do, trong khi doanh thu thuần năm 2013 tăng 59,5% so với năm 2012, thì tổng dư nợ vay ngắn hạn và dài hạn lại không tăng đáng kể, chỉ tăng từ 180,5 ty đồng lên gần 191,2 ty đồng.

Cuối năm 2013, FCM thực hiện đầu tư, góp vốn vào các công ty con, công ty liên doanh, liên kết, do các công ty này phần lớn mới đi vào hoạt động, chưa phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh, nên doanh thu và chi phí chưa có. Vì thế các khoản mục doanh thu thuần, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính của hợp nhất giống với các chi tiêu này tại công ty mẹ.



6.6. Trình độ công nghệ

Trong chiến lược phát triển của mình, FCM đặc biệt ưu tiên cho việc đầu tư vào khoa học và công nghệ, hướng tới mục tiêu trở thành doanh nghiệp đi đầu tại miền Bắc về chất lượng sản phẩm cọc bê tông ly tâm dự ứng lực cường độ cao (PC/PHC) và các sản phẩm bê tông hiện đại trong lĩnh vực xây dựng.

Để thực hiện chiến lược phát triển này, trong những năm qua FCM đã mạnh dạn đầu tư vào nghiên cứu và ứng dụng thành công những công nghệ tiên tiến của thế giới. Điển hình là việc nghiên cứu và ứng dụng thành công công nghệ sản xuất cọc bê tông cốt thép ly tâm dự ứng lực theo tiêu chuẩn Nhật Bản. Sản phẩm cọc bê tông cốt thép dự ứng lực cường độ cao của FCM mang đến cơ hội cho các nhà thầu xây dựng giảm chi phí cọc móng tới 20% so với phương pháp cọc bê tông cốt thép thường có cùng sức chịu tải nhờ những tính năng ưu việt như: đạt cường độ bê tông lên đến 80 MPa, tiết kiệm tối đa vật liệu thép, khả năng chịu tải và độ bền cao, đặc biệt tiết kiệm thời gian sản xuất, thời gian thi công. Hay thông qua việc nghiên cứu thí nghiệm nhiều lần, Công ty đã tìm ra được vật liệu mới có thể dùng với đá vôi Hà Nam để sản xuất cọc có mác bê tông lên đến 80 Mpa.

Từ năm 2010, FCM đã thành lập Hội đồng sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm nghiên cứu xác định những bất hợp lý trong dây chuyền công nghệ và thiết bị để tìm các cải tiến, đầu tư thiết bị và công nghệ mới hướng tới giám giá thành sản xuất.

Nhờ việc áp dụng khoa học và công nghệ hiện đại, đầu tư hai dây chuyền sản xuất đồng bộ theo tiêu chuẩn quốc tế với các trang thiết bị, máy móc hiện đại (công suất 4.000 m dài cọc/ngày), Công ty đang từng bước chiếm lĩnh thị trường cọc đúc sẵn Miền Bắc trong lĩnh vực cung cấp cọc cho các công trình lớn, đặc biệt là các công trình có vốn đầu tư nước ngoài và công trình trọng điểm quốc gia ...

Bảng 4: Danh sách máy móc thiết bị tiêu biểu hiện có của Công ty mẹ

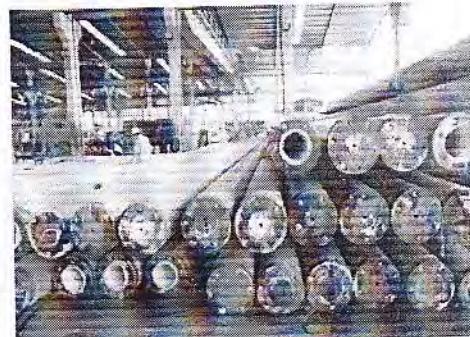
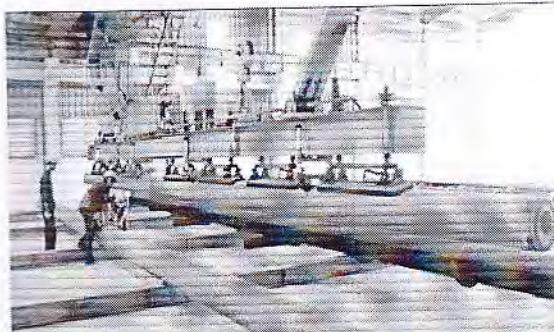
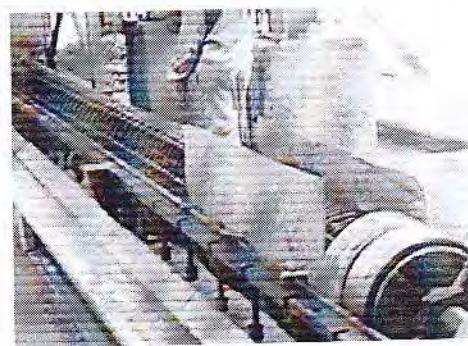
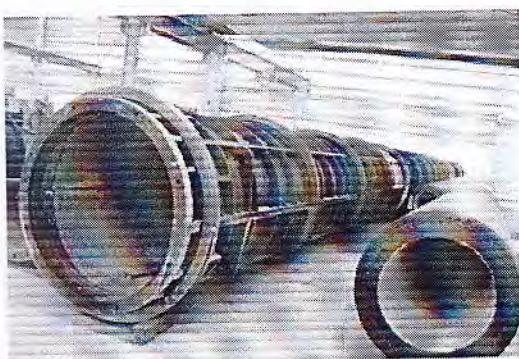
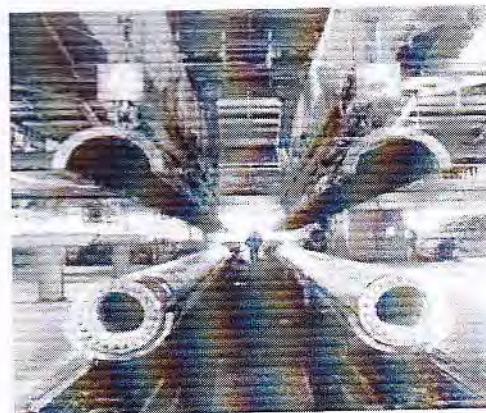
STT	Tên Thiết bị	Công suất	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất
1	Nồi hơi DZL4-1.57	4 T/h	1	Trung Quốc	2008
2	Máy nén khí FHOG-75A	0.6 MPa – 0.8 MPa	1	Trung Quốc	2010
3	Trạm trộn bê tông HZS-150	55 Kw x 2	1	Trung Quốc	2008
4	Trạm trộn bê tông HZS-75	2 x 30 Kw	1	Trung Quốc	2008
5	Cầu trục số - QE 10T + 10T	10T + 10T	3	Trung Quốc	2008
6	Cầu trục số - QE 5T + 5T	5T + 5T	2	Trung Quốc	2008
7	Cầu trục dầm đơn - QE 1T + 1T	1T + 1T	1	Việt Nam	2011
8	Cầu trục dầm đơn - QE 3T + 3T	3T + 3T	1	Việt Nam	2011



9	Máy li tâm	75 Kw	4	Trung Quốc	2008
10	Máy li tâm	132 Kw	2	Trung Quốc	2010
11	Nồi hơi SZL10-1.6-W11	10T/h	1	Trung Quốc	2010
12	Cầu trục số - QE 32T + 32T	32T + 32T	2	Trung Quốc	2010
13	Cầu trục số - QE 16T + 16T	16T + 16T	2	Trung Quốc	2010
14	Cầu trục số - QE 10T	10T	1	Trung Quốc	2010
15	Cầu trục dầm đơn - QE 5T + 5T	5T + 5T	1	Trung Quốc	2010
16	Máy cắt thép chủ tự động GQ-14	7,5 Kw	1	Trung Quốc	2010
17	Máy tán đầu thép chủ DT-12	7,5 Kw, 25 kVA	2	Trung Quốc	2010
18	Máy hàn lồng	4 Kw, 2.2 Kw, 120 kVA	3	Trung Quốc	2010
19	Máy li tâm một chiều	160 Kw + 125 Kw	3	Trung Quốc	2010
20	Nồi hấp cao áp	212 m ³	2	Trung Quốc	2008, 2010
21	Máy căng kéo	5,5 Kw, 3000 KN	4	Trung Quốc	2008, 2010
22	Xe nâng	3T, 4T	2	Nhật Bản	2010
23	Máy rút thép	18	4	Trung Quốc	2010
24	Máy cắt đai đầu cọc	2.2 Kw, 3Kw	2	Trung Quốc	2010
25	Máy lốc đai đầu cọc	3 Kw	2	Trung Quốc	2010
26	Máy ép đai đầu cọc	3 Kw	2	Trung Quốc	2010
27	Xe sơ mi rơ mooc	14470x2500x1505	5	Việt Nam	2010
28	Kích thủy lực YCW800G-200	53MPa, 8000KN, 200 mm	1	Trung Quốc	2010
29	Kích thủy lực YCW300B	52MPa, 3000KN, 200 mm	2	Trung Quốc	2012

Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

Hình ảnh một số máy móc thiết bị tại nhà máy



6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm dịch vụ

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo TCVN ISO 9001:2008. Mỗi công đoạn sản xuất đều được kiểm soát chặt chẽ và được quy chuẩn hóa, có hướng dẫn kỹ thuật thực hiện và gán trách nhiệm của người lao động với chất lượng sản phẩm.

Các loại cọc đạt tiêu chuẩn quốc gia: TCVN 7888:2008, tiêu chuẩn Nhật Bản JIS A5335-1987, JIS A5373-2004. Cột diện ly tâm dự ứng lực đạt tiêu chuẩn Trung Quốc GB 4623:1994.

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 nhằm mục đích:

- Chứng tỏ khả năng sản xuất các loại bê tông ly tâm dự ứng lực của Công ty đạt chất lượng cao, ổn định, đáp ứng tiến độ theo yêu cầu của chủ đầu tư, các khách hàng và yêu cầu của pháp luật hiện hành.
- Nâng cao sự thỏa mãn của các Chủ đầu tư, khách hàng thông qua việc áp dụng có hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 bao gồm cả quá trình cải tiến liên tục hệ thống và đảm bảo sự phù hợp với các yêu cầu của Chủ đầu tư và các yêu cầu của pháp luật hiện hành.

Bên cạnh đó, Công ty còn sử dụng các công cụ quản lý chất lượng như 5S-Kaizen của Nhật Bản, 7 công cụ QC, chu trình quản lý PDCA nhằm mục đích tạo điều kiện làm việc thuận lợi cho người lao động và nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm lãng phí trong hoạt động của Công ty. Đặc biệt với công cụ 5S-Kaizen (Sàng lọc – Sắp xếp – Sạch sẽ - Săn sóc – Sẵn sàng) có tác dụng:

- An toàn trong lao động;
- Nâng cao năng suất;
- Giảm hỏng hóc;
- Đảm bảo môi trường làm việc;
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp;
- Chất lượng sản phẩm;
- Cải tiến hệ thống;
- Tăng lợi nhuận.

Việc áp dụng hệ thống quản lý ISO 9001:2008 và các công cụ quản lý chất lượng đối với toàn bộ công tác quản trị doanh nghiệp, các quá trình sản xuất, kinh doanh của Công ty và việc không ngừng cải tiến hệ thống quản lý đã góp phần quan trọng làm tăng hiệu quả chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo, trách nhiệm, hiệu quả làm việc của nhân viên, nâng cao hiệu quả hoạt động, sản xuất kinh doanh, thỏa mãn các yêu cầu của khách hàng, làm tăng uy tín, lợi thế cạnh tranh cho Công ty.

Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty

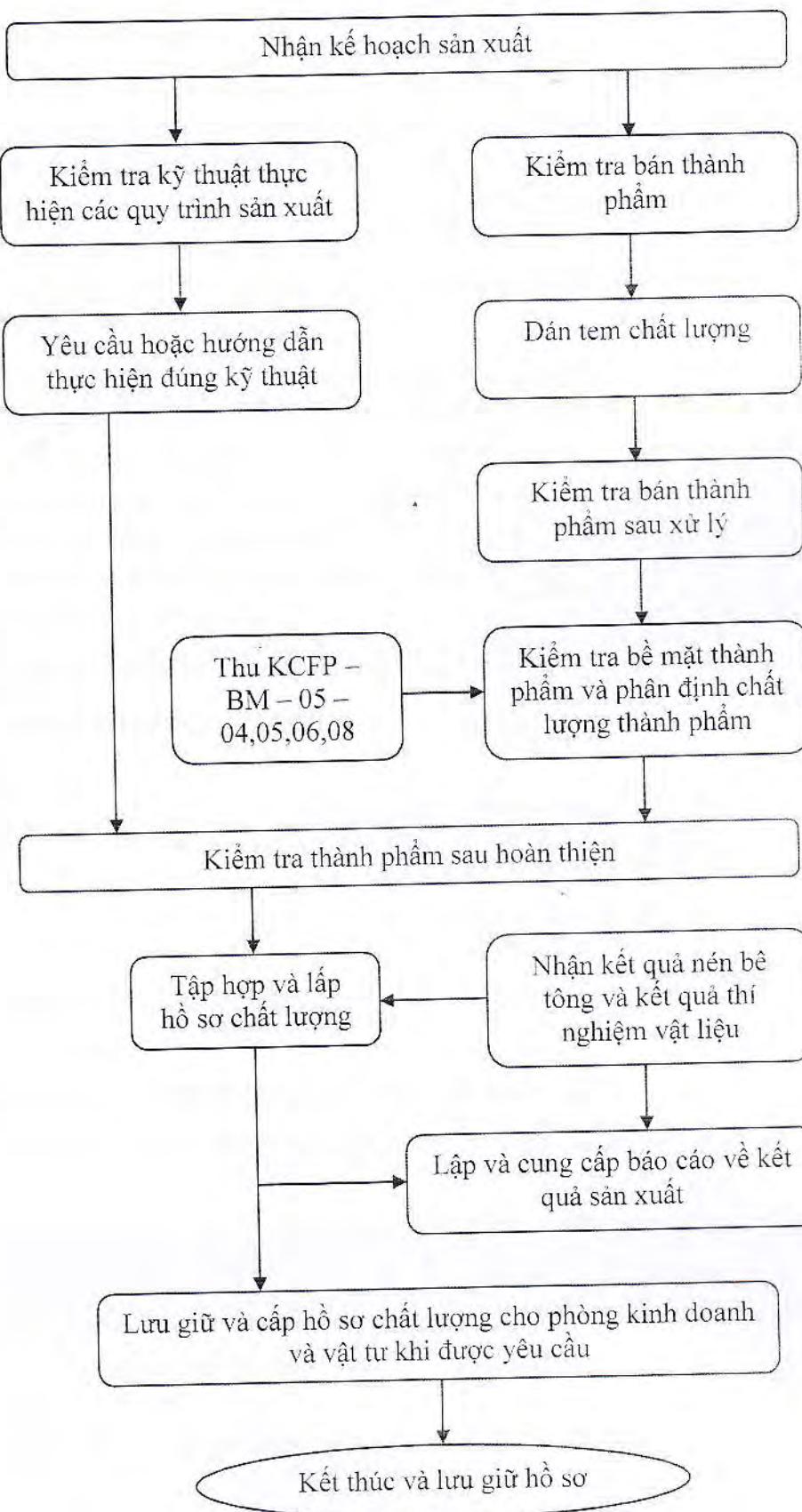
Để đảm bảo hệ thống quản lý chất lượng vận hành tốt và có sự kiểm soát, Công ty đã thành lập ban ISO-5S gồm các chuyên gia được đào tạo và cấp chứng chỉ “chuyên gia đánh giá nội bộ” của Công ty. Thực hiện theo đúng quy trình đánh giá nội bộ dưới sự chỉ đạo của đại diện lãnh đạo về chất lượng định kỳ đánh giá và cải tiến hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng hoạt động.

Bên cạnh đó, phòng kỹ thuật chất lượng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm từ khâu nguyên vật liệu, bán thành phẩm đến thành phẩm trước, trong và sau quá trình sản xuất cung cấp dịch vụ, đảm bảo các sản phẩm hoàn thành đúng chất lượng đồng thời các sản phẩm không phù hợp được nhận biết, tránh sử dụng nhầm lẫn và được xử lý thích hợp.

Trong hệ thống quản lý chất lượng, Công ty còn xây dựng bộ phận và quy trình theo dõi sự thỏa mãn của khách hàng và giải quyết khiếu nại của khách hàng về chất lượng sản phẩm. Đồng thời lấy đó là những ý kiến định hướng cho hoạt động cải tiến chất lượng thỏa mãn nhu cầu của khách hàng.

Quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm

Toàn bộ quy trình sản xuất của FCM đều được quy chuẩn hóa ngay từ đầu, mỗi công đoạn đều được cán bộ phòng kỹ thuật chất lượng bám sát theo quy trình sản xuất để kiểm soát kỹ thuật và có đánh giá phân loại bán thành phẩm theo đúng quy trình cụ thể sau:



6.8. Hoạt động Marketing

Bên cạnh thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, số lượng sản phẩm, Công ty cũng rất chú trọng công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm, phân phối sản phẩm một cách tốt nhất tới khách hàng. Trong những năm qua Công ty đã thực hiện rất tốt hoạt động marketing theo những đặc thù riêng có của mình và đã đạt được những hiệu quả cao. Thương hiệu cọc bê tông dự ứng lực cường độ cao FECON Pile đã được nhiều khách hàng lớn trong và ngoài nước đón nhận trong các giải pháp thi công móng và xử lý nền của các công trình nhà cao tầng, nhà máy sản xuất ...

Trong định hướng và giải pháp cụ thể thực hiện kế hoạch của Công ty trong những năm tới, Công ty đã xác định hoạt động Marketing là hoạt động quan trọng hàng đầu và phải được quan tâm thường xuyên. Công ty đã triển khai việc quảng bá sản phẩm, thương hiệu, hình ảnh của Công ty thông qua các trang web điện tử, catalogue, tờ rời ... Với chiến lược phát triển bền vững, trong những năm tới, Công ty sẽ chú trọng hơn nữa trong việc phát triển thương hiệu FECON, để hình ảnh Công ty ngày một trở nên quen thuộc hơn với khách hàng và các đối tác.

6.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- * Nhãn hiệu thương mại:

- * Logo của Công ty:



- * Phát minh sáng chế và bản quyền: Chưa có

6.10. Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 5: Một số hợp đồng Công ty đã ký kết trong thời gian gần đây

TT	Số hiệu HĐ/ Công trình	Đối tác	Sản phẩm	Giá trị HĐ	Thời gian	Tiến độ thực hiện
I	Các hợp đồng đã thực hiện					
1	Công trình Vinamilk TH	HUD 4.01	PC A400	17,6 tỷ đồng	2012 - 2013	Đã xong
2	Công trình Nissin	FECON	PC A300	2,626 tỷ đồng	2010 - 2013	Đã xong
3	Công trình Damsan	Damsan	PHC A600	5.638,33 triệu đồng	2013	Đã xong



4	Công trình Formosa	FECON	PHC D400 PHC D500 PHC D600	204.792.913.032 đồng	2012 - 2013	Đã xong
5	Công trình Mico An	FECON	PC A350	13.675 triệu đồng	01/2013	Đã xong
6	Công trình SVWS Satllite	FECON	PC A300	2.834.636.970 đồng	2012	Đã xong
7	Công trình IKKA	FECON	PC A350	830.147.760 đồng	2012	Đã xong
8	Công trình TCCT Bộ Quốc Phòng	FECON	PHC A600	741.432.500 đồng	2012	Đã xong
9	Công trình Ariton	FECON	PHC A300	3.546 triệu đồng	2012	Đã xong
10	Công trình may Hòa Bình	FECON	PC A300	1.139.529.600 đồng	2012	Đã xong
11	Công trình Nghi Sơn 1	FECON	PHC A600 + PHC C600	107.022.008.500 đồng	2012	Đã xong
12	Công trình HBC	HBC	PHC A600	188.771.000 đồng	2012	Đã xong
13	Công trình Vrex	FECON	PC A300	509.625.000 đồng	2012	Đã xong
14	Công trình Tiên Lộc	Tiên Lộc	PC A400	1.571.902.000 đồng	2012	Đã xong
15	Công trình Shinetsu	FECON	PC 350	1.873.282.000 đồng	2012	Đã xong
16	Công trình Nitan	FECON	PHC V300X300	1.459.200.000 đồng	2012	Đã xong
17	Công trình Gamuda	FECON	PC A350	412.200.000 đồng	2012	Đã xong
18	Công trình Box Pak	FECON	PHC A300 PHC A400	13.748.272.000 đồng	2012	Đã xong
19	Công trình Big C Việt Trì	Big C	PC A350	3.950 triệu đồng	2012	Đã xong
20	Công trình Tòa nhà Vinashin	VIDC	PC A300	800.530.000 đồng	2012	Đã xong

II Các công trình đang thực hiện						
1	Công trình nhà máy LG Electronic Hải Phòng	FECON	Cung cấp cọc PHC D500	71.284.458.630	2013 - 2014	Đang thực hiện
2	Công trình nhà máy Samsung Thái Nguyên	FECON	Cung cấp cọc PHC D500	12.900.338.220	2013- 2014	Đang thực hiện
3	Chung cư cao tầng H1, H2	Cty CP ĐT & XD HUD4	Cung cấp cọc PHC D500	6.807.305.000	2014	Đang thực hiện
4	Đường sắt Bắc - Nam	Cty CP CK 4 & XD Thăng Long	Cung cấp cọc PHC D400	6.395.400.000	2014	Đang thực hiện
5	Cty TNHH ĐT & XL Trường Sơn	Cty TNHH ĐT & XL Trường Sơn	Cung cấp cọc PC D400,PC D500	271.928.800	2014	Đã xong
6	Dự án liên hiệp hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn	FECON	Cung cấp cọc PC D400,PC D600	169.587.000.000	2014	Đang thực hiện
7	Chi cục thuế Hà Nam	UDIC	Cung cấp cọc PHC D500	6.666.400.000	2014	Đang thực hiện
8	Nhà máy bia Sài Gòn – Phú Lý	Cty CPXD tu bổ di tích Hà Nội	Cung cấp cọc PC D350	130.164.100	2014	Đã xong
9	Cty CP Hacera	FECON	Cung cấp cọc PC D350	1.038.031.533	2014	Đang thực hiện

Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và luỹ kế đến quý gần nhất

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất và luỹ kế đến quý gần nhất

* Kết quả hoạt động kinh doanh



Bảng 6: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty (Công ty mẹ)

Đơn vị: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Tăng trưởng (%)
		Giá trị	Giá trị	
1	Tổng giá trị tài sản	404.517.899.350	567.829.804.966	40,37%
2	Doanh thu thuần	265.425.142.871	423.485.066.539	59,55%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	23.663.496.926	42.781.040.874	80,79%
4	Lợi nhuận khác	210.652.993	(875.707.345)	-515,7%
5	Lợi nhuận trước thuế	23.874.149.919	41.905.333.529	75,53%
6	Lợi nhuận sau thuế	17.849.634.987	31.210.669.444	74,85%
7	EPS	1.190	1.229	3,28%
9	Tỷ lệ LN trả cổ tức/ Tổng LN sau thuế	84%	51,52%	

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012 và 2013 của CTCP Khoáng sản FECON

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong các năm đều có sự cải thiện rõ rệt, với mức tăng giá trị tổng tài sản, doanh thu thuần, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của năm 2013 đều đáng kể so với kết quả thu được trong năm 2012.

Trong năm 2013, FCM thực hiện tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 268 tỷ đồng, và tổng tài sản năm 2013 tăng 40,37% từ 404,5 tỷ đồng lên 567,8 tỷ đồng, trong đó phần lớn do sự gia tăng của các khoản phải thu ngắn hạn, đặc biệt là phái thu khách hàng tăng từ 93 tỷ đồng lên hơn 155 tỷ đồng.

Doanh thu thuần năm 2013 tăng 59,55% so với năm 2012, đạt hơn 423,4 tỷ đồng, nhờ sự gia tăng doanh thu của mảng cung cấp cọc bê tông dự ứng lực của FCM vào công trình nhà máy LG Electronic Hải Phòng và nhà máy SamSung Thái Nguyên.

Năm 2013, do doanh thu thuần tăng vượt bậc, trong khi tỷ trọng của các chi phí của hoạt động kinh doanh so với doanh thu thuần như: chi phí bán hàng, chi phí tài chính lại giảm đáng kể, lần lượt giảm từ 10,33% xuống 9,52%, và từ 9,02% xuống còn 4,99%. Nên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2013 đã tăng 80,79%, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế tăng xấp xỉ 75%.

Bảng 7: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Tăng trưởng (%)
		Giá trị	Giá trị	
1	Tổng giá trị tài sản	404.517.899.350	573.558.955.919	41,79%
2	Doanh thu thuần	265.425.142.871	423.485.066.539	59,55%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	23.663.496.926	42.781.040.874	80,79%
4	Lợi nhuận khác	210.652.993	5.224.292.655	2380%
5	Lợi nhuận trước thuế	23.874.149.919	48.005.333.529	101,08%
6	Lợi nhuận sau thuế	17.849.634.987	35.785.669.444	100,48%
7	EPS	1.190	1.409	18,40%
9	Tỷ lệ LN trả cổ tức/ Tổng LN sau thuế	84%	44,934%	

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2012 và 2013 của CTCP Khoáng sản FECON

- * Tình hình thực hiện các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận so với kế hoạch

Bảng 8: Kết quả thực hiện và kế hoạch hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2013(*)	Kế hoạch 2013	% hoàn thành	Kế hoạch 2014
1	Vốn điều lệ	268.000	268.000	100%	410.000
2	Doanh thu	425.537	850.000	50,06%	660.000
3	Lợi nhuận trước thuế	48.005	128.000	37,50%	88.000
4	Lợi nhuận sau thuế	35.785	96.000	37,28%	66.000
5	Cổ tức (% vốn điều lệ)	6%	20%	30%	10%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013 của CTCP Khoáng sản FECON, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 số 130406/NQ-ĐHĐCĐ/FECON Mining ngày 06/04/2013, và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 số 0103/2014/NQ-ĐHĐCĐ/FCM ngày 01/03/2014

Nhìn chung năm 2013, các chỉ số về doanh thu, lợi nhuận Công ty đã đặt ra khá cao, trong khi diễn biến ngành bất động sản, xây dựng vẫn còn tiếp tục khó khăn, đồng thời Công ty



lại gặp khó khăn trong việc tìm kiếm và xác lập các mỏ khoáng sản, khiến cho việc kinh doanh bị chậm so với kế hoạch đề ra. Năm 2014, căn cứ trên kết quả kinh doanh đạt được trong năm 2013, đánh giá kỹ lưỡng các mỏ khai thác, tiến độ khai thác, các công trình, các điểm dự án tiềm năng sẽ tiêu thụ sản phẩm cọc bê tông và vật liệu xây dựng của Công ty, cũng như kế hoạch mở rộng năng lực sản xuất kinh doanh, FCM đã đặt kế hoạch sẽ tăng vốn lên 410 tỷ đồng, doanh thu là 660 tỷ đồng, trong đó doanh thu phần cọc là 510 tỷ đồng, doanh thu từ khoáng sản là 150 tỷ đồng.

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

* Những thuận lợi

Lợi thế cạnh tranh của FCM so với các doanh nghiệp sản xuất các loại kết cấu bê tông, cốt thép phục vụ cho xây dựng nền móng công trình ngầm là chất lượng sản phẩm và tiến độ sản xuất giao hàng đúng thời hạn cùng các giải pháp tư vấn kỹ thuật.

Bằng lợi thế về thương hiệu, công nghệ tiên tiến (công nghệ Nhật Bản, hệ thống quản lý tối ưu theo tiêu chuẩn 5S của Nhật Bản), sản phẩm cọc bê tông dự ứng lực cường độ cao đang dần chiếm lĩnh thị trường miền Bắc trong thi công các công trình xây dựng nhà cao tầng, nhà máy, cảng biển, đường bộ, cầu đường, ...

Chiến lược phát triển mở rộng vào lĩnh vực khoáng sản với mục tiêu vừa đáp ứng nhu cầu đầu vào cho hoạt động sản xuất cọc bê tông, giám giá thành sản xuất vừa đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng cho các vùng lân cận. Đây là điểm lợi thế mạnh cho FCM nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường.

Hiện FCM có một đội ngũ cán bộ kỹ sư, công nhân có trình độ, có tay nghề cao và đang được chuyên nghiệp hóa để có thể ứng dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến vào sản xuất đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng và chủ đầu tư.

Sự đoàn kết nhất trí, tinh huyết của HĐQT và Ban lãnh đạo Công ty cùng với việc tổ chức ổn định bộ máy quản lý điều hành của Công ty sẽ đảm bảo cho việc điều hành hoạt động hiệu quả và chủ động sáng tạo trong công việc.

Bên cạnh đó, cùng Công ty Cổ phần kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON và các thành viên khác, FCM tham gia cung cấp giải pháp toàn diện cho nền móng công trình xây dựng từ khâu tư vấn thiết kế, khảo sát, thí nghiệm đến thi công cọc, xử lý nền đất yếu và thi công các công trình ngầm.

* Những khó khăn

Kinh tế thế giới và trong nước vẫn đang trong tình trạng khó khăn, thị trường bất động sản không ổn định, chưa có dấu hiệu phục hồi rõ rệt. Điều này sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tình cạnh tranh trên thị trường cung cấp cọc bê tông đang ngày càng tăng khi các công ty lớn nước ngoài (Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore, Nhật Bản, Mỹ, Đức, ...) vào Việt Nam và một số công ty lớn từ miền Nam bắt đầu mở rộng thị trường ra miền Bắc. Điều

này ảnh hưởng lớn đến thị phần của FCM và gây áp lực cạnh tranh đặc biệt là cạnh tranh về giá cả.

Hiện nay, quy mô vốn của Công ty chưa tương xứng với kế hoạch và thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đề ra. Và năng lực tài chính của Công ty cũng chưa đáp ứng kịp nhu cầu đổi mới máy móc thiết bị. Điều này ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh cũng như việc đầu tư phát triển của Công ty.

8. **Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

* **Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp trong ngành**

Những năm gần đây, tại Việt Nam, cọc bê tông ly tâm dự ứng lực cường độ cao đã trở thành sự lựa chọn hàng đầu thay cho các loại cọc bê tông thông thường trong các công trình xây dựng: nhà dân dụng dưới 15 tầng, đường bộ cao tốc, công trình cầu cảng, các nhà máy, xưởng sản xuất...

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON đã kịp thời nắm bắt cơ hội thị trường, trở thành một trong những công ty đầu tiên tại Việt Nam sản xuất cọc bê tông ly tâm dự ứng lực cường độ cao với dây chuyền sản xuất đồng bộ theo công nghệ Nhật Bản, hệ thống quản lý tối ưu theo tiêu chuẩn 5S của Nhật.

Tháng 6/2008, tại Hà Nam, cọc bê tông ly tâm dự ứng lực cường độ cao mang thương hiệu “FECON Pile” ra đời, được sản xuất theo quy trình tiêu chuẩn Nhật Bản với công suất trong thời gian đầu là 3.000 m dài cọc/ngày, tương đương 1 triệu m/năm. Sản phẩm chủ yếu trong giai đoạn đầu là các loại cọc có đường kính từ D300 – D700 mm với cường độ bê tông từ 600 – 800 KG/cm².

Đến nay, FCM đã sản xuất cọc bê tông ly tâm dự ứng lực có đường kính lớn nhất Miền Bắc từ 300 mm đến 1.200 mm với chiều dài tối đa đạt 27m theo công nghệ và tiêu chuẩn Nhật Bản. Công suất 2 dây chuyền sản xuất đạt 4.000 m dài cọc/ngày. Sản phẩm FECON Pile hiện đang chiếm khoảng 30% thị phần cung cấp dọc của toàn thị trường miền Bắc.

Ngoài yếu tố về chất lượng và tiến độ cung cấp sản phẩm, FCM còn thể hiện lợi thế cạnh tranh của mình trong việc tư vấn thiết kế về kích thước cọc và tổ hợp cọc theo công trình dự án cụ thể. Đồng thời kết hợp cùng Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON cung cấp gói giải pháp tổng thể cho nền móng công trình xây dựng:

- Khảo sát địa chất, thí nghiệm nền móng, tư vấn giải pháp kỹ thuật;
- Tư vấn thiết kế và thi công xử lý nền đất yếu;
- Sản xuất cọc bê tông dự ứng lực và thi công cọc bằng thiết bị chuyên dụng;
- Quan trắc và bảo trì công trình.

FCM hiện là đơn vị đầu tiên và duy nhất của Việt Nam sản xuất thành công sản phẩm cọc bê tông ly tâm dự ứng lực Mac 800 theo tiêu chuẩn quốc tế. Sản phẩm FECON Pile được ứng dụng ở nhiều công trình lớn cấp quốc gia như nhà máy lọc dầu Dung Quất, nhà máy Khí điện đạm Cà Mau, nhà máy khí điện Nhơn Trạch 1, khu đô thị Phú Mỹ Hưng – TP.HCM, hệ thống siêu thị Metro trên toàn quốc và các cảng Cái Lân – Quảng Ninh,

Cảng Hải Phòng, cảng Tiên Sa – Đà Nẵng, cảng Sài Gòn – TP.HCM. Đặc biệt việc áp dụng cùng lúc công nghệ xử lý nền móng bằng phương pháp cố kết chân không và công nghệ cọc bê tông ly tâm dự ứng lực đã mang lại hiệu quả rõ rệt cho các chủ đầu tư về chất lượng và tiến độ công trình.

Dễ chủ động về nguồn nguyên liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất cọc bê tông, đồng thời chủ động trong hoạt động sản xuất và giảm giá thành sản phẩm, từ năm 2013 FCM đã mở rộng lĩnh vực hoạt động vào khai thác khoáng sản, sản xuất chế biến vật liệu xây dựng (cát, đá ...) bằng việc khai thác và cung cấp khoán sản vật liệu xây dựng từ các mỏ đá chất lượng cao thông qua sở hữu hoặc liên kết, hợp tác.

* **Triển vọng phát triển của ngành**

Cọc bê tông ly tâm dự ứng lực cường độ cao đã được sử dụng rộng rãi trên thế giới từ những năm 80 của thế kỷ trước. Nhờ công nghệ quay ly tâm tốc độ cao và công nghệ dưỡng hộ bê tông bằng hơi nước trong điều kiện áp lực cao, loại cọc PC Pile (Pre-tensioned concrete spun pile) có nhiều ưu điểm vượt trội như tiết kiệm tối đa vật liệu bê tông và thép, khả năng chịu tải và độ bền cao, rút ngắn thời gian sản xuất, thuận tiện trong vận chuyển và thi công, giảm giá thành khoảng 15-20% so với cọc bê tông thường trong điều kiện khả năng chịu tải tương đương.

Loại cọc này đã được tiêu chuẩn hóa quốc tế nên ở bất kỳ đâu trên thế giới cũng mua được cọc theo thiết kế điển hình của các tiêu chuẩn đã được phổ biến rộng rãi, như tiêu chuẩn ASTM của Mỹ, tiêu chuẩn BS của Anh, tiêu chuẩn JIS A5335-1979 và JIS A5337-1982 của Nhật Bản.

Cùng tốc độ phát triển các dự án cơ sở hạ tầng công nghiệp quy mô lớn về xây dựng nhà máy thủy điện, phát triển giao thông, xây dựng cảng biển, ... vấn đề nền móng và công trình ngầm ở Việt Nam đang ngày càng được chú trọng do yêu cầu của nền kinh tế và hiện trạng địa chất.

Nguồn vốn đầu tư FDI đang có xu hướng dịch chuyển vào các nước đang phát triển, Việt Nam có cơ hội tiếp tục thu hút những dự án đầu tư lớn. Năm 2012, cả nước có 1.275 dự án được cấp phép mới với tổng vốn đăng ký đạt 14,3 tỉ đô la Mỹ, tăng 70,5%. Ngoài ra, trong năm 2013, có 472 lượt dự án được cấp phép từ các năm trước đã điều chỉnh đăng ký bổ sung thêm vốn với tổng mức tăng thêm đạt 7,3 tỉ đô la Mỹ, tăng 30,8% so với năm ngoái. Tổng hợp hai kết quả trên cho thấy thu hút nguồn vốn FDI trong năm 2013 đạt út nhất là 21,6 tỉ đô la Mỹ, tăng 54,5% so với năm 2012. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng tập trung chủ yếu vào ngành công nghiệp chế biến - chế tạo với 16,6 tỉ đô la Mỹ, chiếm 76,9% tổng vốn đăng ký. Trong khi đó, phần lớn các công trình xây dựng mà FCM cung cấp cọc bê tông ly tâm dự ứng lực sử dụng vốn FDI và các dự án trọng điểm quốc gia.

Bên cạnh đó là sự chuyển dịch nhu cầu của khách hàng đối với sản phẩm cọc bê tông dự ứng lực theo hướng sử dụng sản phẩm công nghệ mới. Do đó, việc phát triển các sản phẩm cọc bê tông dự ứng lực sử dụng các công trình kỹ thuật tiên tiến là một xu thế tất yếu.

Mặc khác, do tốc độ phát triển nóng, quỹ đất bề mặt của các đô thị lớn ở Việt Nam như Hà Nội, TP.HCM đã ở tình trạng gần như cạn kiệt, các không gian xanh, không gian công cộng ngày càng bị thu hẹp ... Việc xây dựng các công trình ngầm, phát triển không gian ngầm là một giải pháp hợp lý cho sự phát triển bền vững của Việt Nam cho các loại công trình công nghiệp, nhà máy, giao thông và hạ tầng kỹ thuật đô thị.

Nhiều dự án công trình ngầm sẽ được xây dựng ở các thành phố lớn trong thời gian tới như công trình ngầm tại nút giao thông, công trình ngầm vượt sông như hầm vượt sông Hồng, hầm chui dưới Hồ Tây, hầm ngầm vượt sông Hương, đường sắt đô thị/tàu điện ngầm (metro). Tại Hà Nội có hai dự án metro đang được thực hiện là: dự án tuyến đường sắt đô thị thí điểm đoạn Nhổn – Ga Hà Nội theo hướng đông – tây dài khoảng 12,5 km trong đó có khoảng 9 km đi cao, 4km hầm và 4 ga ngầm, và dự án tuyến đường sắt đô thị Thành phố Hà Nội theo hướng bắc – nam. Tại Thành phố Hồ Chí Minh đã lập dự án nghiên cứu tiền khả thi về hệ thống giao thông đô thị bằng phương tiện bánh sắt, trong đó có hệ thống metro khép kín. Ngoài ra còn có các công trình ngầm bãi đỗ xe, công trình ngầm chứa đường dây đường ống kỹ thuật và các loại đường ngầm khác.

* **Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.**

Hệ thống công trình ngầm trên thế giới phát triển rất sớm, và hiện khá phổ biến và được xây dựng hiện đại trong các đô thị lớn, tại đây, việc xây dựng các công trình ngầm dần trở thành “sự lựa chọn tối ưu” bởi đất đai có hạn, trong khi, kinh tế xã hội phát triển ngày càng cao. Xây dựng các công trình ngầm sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quy hoạch tổ chức không gian đô thị và sử dụng hợp lý quỹ đất xây dựng đô thị để xây dựng nhà ở và công trình công cộng, đồng thời bố trí có hiệu quả các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, giải phóng những công trình phụ trợ khỏi mặt đất, giải quyết vấn đề giao thông, tăng cường và bảo vệ môi trường.

Ở Việt Nam, đặc biệt là các đô thị lớn như Hà Nội và TP.Hồ Chí Minh, nhu cầu phát triển cơ sở hạ tầng, các tòa nhà, công trình công cộng và nhiều dự án khác phục vụ cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước rất lớn. Tuy nhiên nhiều khó khăn đặt ra cho việc thực hiện các dự án này, bao gồm các vấn đề về nền đất yếu, sự giới hạn các nguồn tài nguyên nhân lực, thiên tai, biến đổi khí hậu, năng lượng, nguồn nhân lực, môi trường... Bên cạnh đó, với tốc độ gia tăng dân số, gia tăng tiến trình đô thị hóa như hiện nay, về cơ bản các đô thị lớn đã sử dụng hết quỹ đất bề mặt, nếu tiếp tục mở mang đô thị thì diện tích đất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp, chi phí giao thông cao, ô nhiễm càng trầm trọng... Do vậy, việc xây dựng các công trình đô thị ngầm theo kinh nghiệm các quốc gia phát triển đang được Nhà nước ưu tiên triển khai tại các khu đô thị lớn trong cả nước. Theo đó, nhu cầu về các sản phẩm bê tông đúc sẵn chất lượng cao phục vụ cho việc thi công các công trình ngầm và phát triển không gian ngầm sẽ tăng mạnh trong thời gian tới.

Định hướng phát triển của FCM là trở thành công ty hàng đầu trong lĩnh vực khai khoáng và cung cấp sản phẩm bê tông đúc sẵn phục vụ phát triển hạ tầng cơ sở đất nước theo hướng công nghiệp hiện đại. Trong lĩnh vực sản xuất cọc bê tông, Công ty cũng đã chú trọng đầu tư công nghệ, nghiên cứu áp dụng những tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực sản xuất cọc bê tông dự ứng lực chất lượng cao và bê tông vò hầm. Hiện Công ty đang có kế hoạch triển khai xây

dựng nhà máy sản xuất cọc bê tông dự ứng lực tại Thanh Hóa, gần khu vực mỏ Công ty khai thác. Đồng thời, FCM đã bắt đầu triển khai công tác nghiên cứu, mua sắm trang thiết bị sản xuất hiện đại và hợp tác với các đối tác nước ngoài lớn có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm bê tông đúc sẵn chất lượng cao phục vụ cho công tác thi công các công trình ngầm, đặc biệt chú trọng vào việc nghiên cứu và sản xuất các sản phẩm bê tông mới đáp ứng kịp thời các nhu cầu mới của thị trường.

Như vậy có thể nói, định hướng FCM đưa ra là phù hợp với năng lực nội tại của Công ty, định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới.

9. Chính sách đối với người lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Công ty, vì vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Tổng số lượng lao động chính thức của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2013 là 290 người.

Cơ cấu trình độ lao động tại Công ty:

Bảng 9: Cơ cấu lao động tại Công ty

TT	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng %
<i>Theo trình độ</i>			
1	Đại học và trên đại học	43	14,83%
2	Cao đẳng và trung cấp	50	17,24%
3	Công nhân kỹ thuật	178	61,38%
4	Đối tượng khác	19	6,55%
Tổng cộng		290	100%
<i>Theo giới tính</i>			
1	Nam	249	85,86%
2	Nữ	41	14,14%
Tổng cộng		290	100%

Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

Chế độ làm việc, chính sách dài ngõ người lao động:

- Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, 6 ngày/tuần tùy theo tình hình kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, khi có yêu cầu về tiến độ dự án, Công ty có thể yêu cầu cán bộ nhân viên làm thêm giờ và thực hiện các chế độ dài ngõ thỏa đáng cho người lao động, ngoài việc đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.



- Tất cả CBCNV đều được nghỉ phép năm phù hợp chế độ của Nhà nước hiện hành và được xét nâng bậc lương khi đến kỳ hạn.
- Điều kiện làm việc: công ty cung cấp đầy đủ trang thiết bị làm việc cho CBCNV của Công ty. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động và luôn tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc về an toàn lao động.
- Tất cả CBCNV của công ty đều được ký hợp đồng lao động, được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định.
- Tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, công ty còn có thưởng thêm cho CBCNV vào các dịp lễ, tết và hết năm tài chính.
- Ngoài ra, hàng năm Công ty trích một phần lợi nhuận để giúp đỡ những cán bộ công nhân viên gặp hoàn cảnh khó khăn và chính sách mua cổ phần với giá ưu đãi hoặc chính sách thưởng cổ phiếu cho CBNV chủ chốt hoặc có hiệu quả kinh doanh và đóng góp lớn cho Công ty, chế độ thăm quan, nghỉ mát hàng năm.... Những chính sách khen thưởng đai ngộ đó có ảnh hưởng tích cực giúp người lao động hăng say làm việc và có tính thần gắn bó lâu dài với Công ty.
- Với mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ nhân viên chuyên nghiệp, giỏi quản lý, năng động trong kinh doanh, hàng năm Công ty thường xuyên tuyển dụng, tìm kiếm và mời các chuyên gia, nhân sự giỏi về chuyên môn để bổ sung và xây dựng đội ngũ đáp ứng với mục tiêu và định hướng phát triển của Công ty. Tổ chức định kỳ các lớp đào tạo hoặc cử đi đào tạo dài hạn, ngắn hạn về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng mềm, kỹ năng quản lý đối với đội ngũ nhân viên của Công ty. Kinh phí cho việc đào tạo không cố định ở một mức cụ thể mà thay đổi theo tình hình và yêu cầu công việc.

10. Chính sách cổ tức

- * Căn cứ theo Điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và do Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:
 - Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.
 - Cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty cho các cổ đông theo tỷ lệ phần vốn góp.
 - Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị căn cứ trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính và kế hoạch kinh doanh của các năm tới.
 - Tuỳ theo tình hình thực tế, Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông vào giữa năm nếu ội đồng quản trị cho rằng khả năng lợi nhuận của Công ty có thể đáp ứng.

Hiện tại, Công ty đang thực hiện mô hình trả cổ tức cổ phần thặng dư, theo đó lợi nhuận dành trả cổ tức của Công ty là phần còn lại sau khi dành đủ lợi nhuận cho nhu cầu tái đầu tư, trả nợ, phát triển... Cụ thể mức trả cho các năm 2012-2013 và dự kiến 2014 như sau:

- * Tình hình chi trả cổ tức tại FCM trong năm 2012-2013 và kế hoạch 2014 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014 F
Tỷ lệ chi trả cổ tức (theo mệnh giá)	10%	6%	10%

Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

- Năm 2012, Công ty thực hiện trả cổ tức với tỷ lệ 10% tính trên mệnh giá cổ phiếu, theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 Công ty đã thông qua.
- Năm 2013, theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 131231/NQ-ĐHĐCĐ/FCM ngày 31/12/2013 (bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) về việc điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013, tỷ lệ trả cổ tức sau khi được điều chỉnh là 5% tính trên mệnh giá cổ phiếu.

11. Tình hình tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam đồng.

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

- * **Vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh của Công ty mẹ**

Trong năm 2013, FCM thực hiện phát hành tăng vốn cho các cổ đông hiện hữu, vốn điều lệ của Công ty được tăng từ 150 tỷ đồng lên thành 268 tỷ đồng. Ngoài vốn điều lệ 268 tỷ đồng, vốn kinh doanh của Công ty tại 31/12/2013 là 567,8 tỷ đồng, bao gồm:

Đơn vị: Đồng

Vốn kinh doanh	31/12/2012	31/12/2013
Vốn vay	180.569.030.565	191.176.897.869
Nợ ngắn hạn khác	53.035.703.731	73.786.006.937
Nợ dài hạn khác	0	0
Lợi nhuận chưa phân phối	17.759.608.196	30.820.861.553
Các khoản khác: quỹ dự phòng, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khác, lợi ích cổ đông thiểu số	3.153.556.858	4.046.038.607
Vốn điều lệ	150.000.000.000	268.000.000.000



Vốn kinh doanh	404.517.899.350	567.829.804.966
----------------	-----------------	-----------------

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012 và năm 2013 của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

Tại ngày 31/12/2012 tổng nguồn vốn của Công ty là 404,5 tỷ đồng, và tại ngày 31/12/2013 tổng nguồn vốn của Công ty là 567,8 tỷ đồng, đã được sử dụng đầu tư vào các hạng mục sau:

Đơn vị: Đồng

Nguồn vốn	31/12/2012	31/12/2013
Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định thuê tài chính, và tài sản vô hình	208.198.257.628	211.104.556.859
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	0	1.769.712.803
Đầu tư vào công ty con, liên kết, đầu tư bất động sản, và đầu tư dài hạn khác	0	8.900.000.000
Hàng tồn kho	54.539.350.933	68.558.223.695
Phải thu ngắn hạn	108.340.469.823	260.392.506.732
Phải thu dài hạn	0	0
Tài sản dài hạn khác	11.178.092.194	7.918.204.899
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.630.235.183	5.664.791.413
Tổng nguồn vốn	404.517.899.350	567.829.804.966

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012 và năm 2013 của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

* **Vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh của Hợp nhất**

Trong năm 2013, FCM thực hiện một số khoản đầu tư vào công ty con, và công ty liên doanh, liên kết. Ngoài vốn điều lệ 268 tỷ đồng, vốn kinh doanh của Hợp nhất tại 31/12/2013 là 573,5 tỷ đồng, bao gồm:

Đơn vị: Đồng

Vốn kinh doanh	31/12/2012	31/12/2013
Vốn vay	180.569.030.565	191.176.897.869
Nợ ngắn hạn khác	53.035.703.731	73.814.124.627
Nợ dài hạn khác	0	2.691.666.364
Lợi nhuận chưa phân phối	17.759.608.196	33.830.228.452
Các khoản khác: quỹ dự phòng, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khác, lợi ích cổ đông thiểu số	3.153.556.858	4.046.334.738

Vốn điều lệ	150.000.000.000	268.000.000.000
Vốn kinh doanh	404.517.899.350	573.558.955.919

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012 và BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013 của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

Tại ngày 31/12/2012 tổng nguồn vốn của Công ty là 404,5 tỷ đồng, và tại ngày 31/12/2013 tổng nguồn vốn của Công ty là 573,5 tỷ đồng, đã được sử dụng đầu tư vào các hạng mục sau:

Đơn vị: Đồng

Nguồn vốn	31/12/2012	31/12/2013
Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định thuê tài chính, và tài sản vô hình	208.198.257.628	217.048.972.391
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	0	2.003.011.747
Đầu tư vào công ty con, liên kết, đầu tư bất động sản, và đầu tư dài hạn khác	0	0
Hàng tồn kho	54.539.350.933	68.558.223.695
Phải thu ngắn hạn	108.340.469.823	260.392.944.602
Phải thu dài hạn	0	0
Tài sản dài hạn khác	11.178.092.194	10.185.405.858
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.630.235.183	6.429.990.216
Tổng nguồn vốn	404.517.899.350	573.558.955.919

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012 và BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013 của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

* Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể:

- Nhà xưởng, vật kiến trúc: 10 - 30 (năm)
- Máy móc, thiết bị: 05 - 20 (năm)
- Phương tiện vận tải: 06 - 15 (năm)
- Thiết bị, dụng cụ quản lý: 03 - 05 (năm)
- Tài sản cố định hữu hình khác: 02 - 10 (năm)
- Quyền sử dụng đất: 49 (năm)
- Tài sản cố định thuê tài chính: Theo thời gian thuê

Tài sản cố định vô hình:



- Quyền thuê đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.
- Phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính.

x Mức lương bình quân

Mức lương bình quân của CBCNV Công ty trong năm 2012 là 4.300.000 đồng/người/tháng, và trong năm 2013 là 5.800.000 đồng/người/tháng. Đây là mức lương có tính cạnh tranh tương đối cao so với các doanh nghiệp khác trong ngành.

x Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Tính đến thời điểm 31/12/2013, việc thanh toán các khoản nợ đến hạn được thực hiện đúng hạn và đầy đủ, không có nợ quá hạn. Các khoản phải nộp được thực hiện theo đúng luật định.

x Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nhà nước.

**Bảng 10: Tổng hợp số dư thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước
của Công ty mẹ**

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2013
Thuế GTGT	854.719.708	5.202.232.966	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	14.988.235
Thuế xuất, nhập khẩu	39.309.617	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	111.597.526	6.136.170.016	8.265.319.284
Thuế tài nguyên	-	62.400	128.000
Tổng cộng	1.010.113.843	11.338.465.382	8.280.435.519

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, và 2013 của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

**Bảng 11: Tổng hợp số dư thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước
của Công ty (Hợp nhất)**

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2013
Thuế GTGT	-
Thuế thu nhập cá nhân	16.250.248



Thuế xuất, nhập khẩu	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.265.319.284
Thuế tài nguyên	128.000
Tổng cộng	8.281.697.532

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013 của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

* Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty cổ phần, theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, mức trích lập hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị.

Bảng 12: Số dư trích lập các quỹ của Công ty mẹ qua các năm

Đơn vị: Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2013
1	Quỹ đầu tư phát triển	334.832.847	2.102.371.238	2.102.371.238
2	Quỹ dự phòng tài chính	167.416.424	1.051.185.620	1.943.667.369
3	Quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.664.919.804)	(1.390.420.857)	(726.050.310)

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, và 2013 của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

Bảng 13: Số dư trích lập các quỹ của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2013
1	Quỹ đầu tư phát triển	2.102.371.238
2	Quỹ dự phòng tài chính	1.943.667.369
3	Quỹ khen thưởng phúc lợi	(888.522.195)

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013 của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

* Tổng dư nợ vay

Tình hình dư nợ vay của Công ty trong thời gian vừa qua như sau:

Bảng 14: Tổng dư nợ vay

Đơn vị: Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	Hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp



mức					
Vay và nợ ngắn hạn	59.125.913.890	104.755.764.644			
1	Ngân hàng BIDV – CN Hà Nam	10.249.645.457	14.268.529.181	15 tỷ	Sẽ thay đổi theo thông báo của ngân hàng tại từng thời điểm bên vay nhận nợ Tài sản thế chấp của bên thứ 3 – CTCP Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON (7 búa đóng cọc và 1 máy đóng cọc bánh xích)
2	Ngân hàng VCB – CN Hoàn Kiếm	48.876.268.433	69.966.712.239	50 tỷ	Sẽ thay đổi theo thông báo của ngân hàng tại từng thời điểm bên vay nhận nợ Toàn bộ nhà xưởng vật kiến trúc và máy móc thiết bị hình thành thuộc dự án “Đầu tư mở rộng Giai đoạn 2 nhà máy sản xuất cọc bê tông dự ứng lực cường độ cao” và 5 xe ô tô đầu kéo Somiromooc
3	Ngân hàng BIDV – CN Đông Đô	-	12.852.283.823		
4	Vay dài hạn đến hạn trả	-	7.668.239.401		
Vay và nợ dài hạn	121.443.116.675	86.421.133.225			
1	Ngân hàng BIDV – CN Đông Đô	16.294.919.382	7.269.129.762	50 tỷ	<ul style="list-style-type: none"> - Lãi suất 6 tháng đầu kê từ ngày giải ngân: 13,6%/năm (VNĐ) và 7,4%/năm (USD) - Lãi suất 6 tháng theo quy định từng thời điểm của ngân hàng cộng phí ngân hàng 1%/năm (USD); lãi suất VNĐ bằng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng cộng 4%/năm Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành vốn vay
2	Ngân hàng VCB – CN Hoàn Kiếm	99.516.433.595	76.423.733.642	130 tỷ	Bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do NHTMCP Ngoại Thương CN Hoàn Kiếm công bố cộng Tài sản hình thành từ vốn vay

					lãi suất biên 3,6%/năm (VND); Đối với vay gốc ngoại tệ bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do NHTMCP Ngoại Thương CN Hoàn Kiếm công bố cộng lãi suất biên 2,8%/năm (USD)	
3	Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease (CILC)	5.631.763.698	2.728.269.821		Lãi suất thuê áp dụng lãi suất thà nỗi như sau: Lãi suất cơ bản VND của CILC cộng biên độ (-1,7%)	Tiền ký cược bảo đảm: 417.592.364 VND và thẻ chấp 02 chiếc ô tô con Fortuner
	Tổng cộng	180.569.030.565	191.176.897.869			

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012 và năm 2013 của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

Đến thời điểm hiện tại, tất cả các khoản vay và nợ đến hạn của Công ty đều đã được thanh toán đầy đủ kịp thời, không có khoản nợ vay nào quá hạn. Các khoản nợ vay sắp đến thời hạn thanh toán đều nằm trong kế hoạch tài chính của Công ty và đã được chuẩn bị nguồn tài chính đầy đủ kịp thời.

Các công ty con và công ty liên doanh, liên kết phần lớn mới được thành lập, các hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh ít, lịch sử vay nợ chưa có, nên tình hình dư nợ vay của hợp nhất giống với tình hình dư nợ vay của Công ty mẹ.

* **Tình hình công nợ hiện nay:**

▪ *Các khoản phải thu*

Bảng 15: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty mẹ

Đơn vị: Đồng

TT	Chi tiêu	31/12/2012	31/12/2013
Các khoản phải thu ngắn hạn		108.340.469.823	260.392.506.732
1	Phải thu khách hàng	93.782.697.453	155.782.421.574
2	Trả trước cho người bán	1.615.512.197	783.471.049
3	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	95.770.549.144
4	Các khoản phải thu khác	12.942.260.173	8.467.093.530
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(411.028.565)
Các khoản phải thu dài hạn		-	-



1	Phải thu dài hạn khác	-	-
	Tổng cộng	108.340.469.823	260.392.506.732

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012 và 2013 của CTCP Khoáng sản FECON

Bảng 16: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2013
Các khoản phải thu ngắn hạn		260.392.944.602
1	Phải thu khách hàng	155.782.421.574
2	Trả trước cho người bán	783.471.049
3	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	95.770.549.144
4	Các khoản phải thu khác	8.467.531.400
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(411.028.565)
Các khoản phải thu dài hạn		-
1	Phải thu dài hạn khác	-
	Tổng cộng	260.392.944.602

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013 của CTCP Khoáng sản FECON

▪ **Các khoản phải trả**

Bảng 17: Chi tiết các khoản phải trả của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013
Nợ ngắn hạn		112.161.617.621	178.541.771.581
1	Vay và nợ ngắn hạn	59.125.913.890	104.755.764.644
2	Phải trả người bán	42.668.966.378	55.929.253.919
3	Người mua trả tiền trước	325.596.480	7.044.761.480
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	11.338.465.382	8.280.435.519
5	Phải trả người lao động	-	2.240.645.915
6	Chi phí phải trả	-	300.528.388



7	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	93.096.348	716.432.026
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.390.420.857)	(726.050.310)
Nợ dài hạn		121.443.116.675	86.421.133.225
1	Vay và nợ dài hạn	121.443.116.675	86.421.133.225
Tổng cộng		233.604.734.296	264.962.904.806

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, và 2013 của CTCP Khoáng sản FECON

Bảng 18: Chi tiết các khoản phải trả của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2013
Nợ ngắn hạn		178.569.889.271
1	Vay và nợ ngắn hạn	104.755.764.644
2	Phải trả người bán	55.929.253.919
3	Người mua trả tiền trước	7.044.761.480
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	8.281.697.532
5	Phải trả người lao động	2.240.645.915
6	Chi phí phải trả	300.528.388
7	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	905.759.588
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	(888.522.195)
Nợ dài hạn		89.112.799.589
1	Vay và nợ dài hạn	86.421.133.225
2	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	1.525.000.000
3	Doanh thu chưa thực hiện	1.166.666.364
Tổng cộng		267.682.688.860

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013 của CTCP Khoáng sản FECON

12.1 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu



Bảng 19: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản	DVT	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: <i>(Tổng tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)</i>	lần	1,48	1,60	1,89
+ Hệ số thanh toán nhanh: <i>(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>	lần	0,92	1,04	1,51
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	51,26	56,32	46,66
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	57,40	71,40	87,48
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho: <i>(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)</i>	vòng	4,19	3,59	5,03
+ Vòng quay tổng tài sản <i>(Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)</i>	vòng	0,75	0,72	0,87
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	7,57	6,72	7,37
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	11,66	11,11	13,18
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	5,69	4,85	6,42
+ Hệ số Lợi nhuận từ HDKD/Doanh thu thuần	%	8,74	8,92	10,10
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	VND/CP	1.178	1.190	1.229

Nguồn: Được tính toán dựa trên thông tin của BCTC kiểm toán năm 2012, và 2013 của CTCP Khoáng sản FECON

Bảng 20: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty (Hợp nhất)

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản	DVT	Năm 2013
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: <i>(Tổng tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)</i>	lần	1,90
+ Hệ số thanh toán nhanh: <i>(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>	lần	1,52
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		

+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	46,67
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	87,51
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho: <i>(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)</i>	vòng	4,52
+ Vòng quay tổng tài sản <i>(Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)</i>	vòng	0,74
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	8,45
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	11,70
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	6,24
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	10,10
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	VND/CP	1.409

Nguồn: Được tính toán dựa trên thông tin của BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013 của CTCP Khoáng sản FECON

12. Hội đồng quản trị; Ban Giám đốc; Ban kiểm soát; Kế toán trưởng

❖ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị	
Ông Hà Thế Lộng	Chủ tịch HDQT
Ông Nguyễn Huy Hòa	Phó Chủ tịch HDQT
Ông Hà Thế Phương	Thành viên HDQT
Ông Ngô Mạnh Quân	Thành viên HDQT
Ông Nguyễn Chí Công	Thành viên HDQT

* Ông Hà Thế Lộng – Chủ tịch HDQT

Giới tính:

Nam

Ngày tháng năm sinh:

15/11/1953

Nơi sinh:

Yên Phú, Ý Yên, Nam Định

CMND:

011492664 do Công an Hà Nội cấp ngày 05/12/2000



OCEAN SECURITIES

ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG



Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 939, đường Hồng Hà, Phường Chương Dương, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Số ĐT liên lạc: 0351.3533038

Trình độ chuyên môn: Cao đẳng sư phạm kỹ thuật – Điện xí nghiệp

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ</i>
Từ 1983 - 1987	Quản đốc phân xưởng mạ Công ty điện cơ Thống Nhất Hà Nội
Từ 1987 - 1991	Quản lý lao động tại Nhà máy dệt Cherocatsu thuộc Liên Xô cũ
Từ 2004 - 2007	Giám đốc sản xuất CTCP Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON
Từ 9/2007 – 4/2010	Giám đốc Công ty TNHH cọc bê tông dự ứng lực FECON
Từ 5/2010 đến nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Khoáng sản FECON (trước đây là CTCP bê tông FECON)

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Ủy viên HĐQT CTCP Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON

Số CP nắm giữ (tại thời điểm 24/01/2014):

5.250.000 cổ phần, chiếm 19,59% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu:

Đại diện cho CTCP Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON nắm giữ 5.250.000 cổ phần (tương ứng 19,59% vốn điều lệ)

+ Cá nhân sở hữu:

0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)

Các cam kết nắm giữ:

Năm giữ 100% số lượng cổ phiếu đang sở hữu (bao gồm cả sở hữu cá nhân và đại diện sở hữu) trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu đó trong 06 tháng tiếp theo đến hết ngày 14/05/2014

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

1- Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON – công ty mà Ông Hà Thế Lộng giữ chức vụ Ủy viên HĐQT và là người đại diện nắm giữ 5.250.000 cổ phần (tương ứng 19,59% vốn điều lệ) tại CTCP Khoáng sản FECON, đang nắm giữ



9.750.000 cổ phần (tương ứng 36,38% vốn điều lệ)

2- Ông Hà Thế Phương – em trai Ông Hà Thế Lộng, đang đại diện cho CTCP Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON nắm giữ 1.500.000 cổ phần (tương ứng 5,597% vốn điều lệ)

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

* Ông Nguyễn Huy Hòa – Phó Chủ tịch HĐQT

Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	20/10/1958
Nơi sinh:	Đông Ninh, Khoái Châu, Hưng Yên
CMND:	273295616 do Công an Vũng Tàu cấp ngày 26/5/2005
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số 43 Lưu Hữu Phước, Phường Rạch Dừa, TP.Vũng Tàu
Số DT liên lạc:	04 3768 9293
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác:	

Thời gian	Chức vụ
Từ 1978 - 1981	Cán bộ kỹ thuật Công ty Xây dựng số 11 – Bộ xây dựng
Từ 1981 - 1995	Công tác tại Xí nghiệp xây dựng số 2, Công ty xây dựng Sông Đà 8
Từ 1996 - 2004	Giám đốc dự án, Phó Giám đốc Xí nghiệp xây dựng số 3, Công ty thiết kế và xây dựng Dầu khí
Từ 2004 - 2007	Phó Giám đốc Công ty thiết kế và xây dựng Dầu khí
Từ 2007 - 2011	Phó Giám đốc Tổng CTCP Xây lắp dầu khí Việt Nam
Từ 2011 đến nay	Ủy viên HĐQT Tổng CTCP Xây lắp dầu khí Việt Nam
Từ 7/2011 đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Khoáng sản FECON



Các chức vụ công tác hiện nay tại
tổ chức niêm yết:

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại
tổ chức khác:

Sô CP nắm giữ (tại thời điểm
24/01/2014):

+ Đại diện sở hữu:

+ Cá nhân sở hữu:

Các cam kết nắm giữ (nếu có):

Những người liên quan có nắm
giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

Những khoản nợ đối với Công ty:

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ủy viên HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí
Việt Nam (PVC)

3.750.000 cổ phần, chiếm 13,99% vốn điều lệ

Đại diện cho Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam
nắm giữ 3.750.000 cổ phần (tương ứng 13,99% vốn điều
lệ)

0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)

Nắm giữ 100% số lượng cổ phiếu đang sở hữu (bao gồm
cả sở hữu cá nhân và đại diện sở hữu) trong thời hạn 06
tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu đó trong
06 tháng tiếp theo đến hết ngày 14/05/2014

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
(PVC) – công ty mà Ông Nguyễn Huy Hòa giữ chức vụ
Ủy viên HDQT, đang nắm giữ 3.750.000 cổ phần
(tương ứng 13,99% vốn điều lệ)

* Ông Hà Thế Phương - Thành viên HĐQT

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 10/03/1954

Nơi sinh: Yên Phú, Ý Yên, Nam Định

CMND: 012567169

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 50 Phố Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung, Quận
Thanh Xuân, Hà Nội



Số ĐT liên lạc:

0351. 3533038

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư công nghệ thông tin – Đại học Bách Khoa Hà Nội

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ</i>
Từ 1977 - 1987	Giảng viên Khoa toán lý trường Cao đẳng sư phạm Nam Định
Từ 1987 - 1995	Quản lý lao động tại Nhà máy đột Donhet thuộc Liên Xô cũ
Từ 2000 - 2004	Giảng viên Trường Trung cấp công nghệ Hà Nội
Từ 2004 – 6/2008	Giám đốc trung tâm thí nghiệm FECON
Từ 7/2008 – 10/2009	Giám đốc sản xuất Công ty TNHH cọc bê tông dự ứng lực FECON
Từ 10/2009 – 4/2010	Phó Giám đốc Công ty TNHH cọc bê tông dự ứng lực FECON
Từ 5/2010 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc CTCP Khoáng sản FECON

Các chức vụ công tác hiện nay tại
tổ chức niêm yết:

Thành viên Hội đồng quản trị, kiêm Giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại
tổ chức khác:

Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Kỹ thuật nền móng và công
trình ngầm FECON

Số CP nắm giữ (tại thời điểm
24/01/2014):

1.500.000 cổ phần, chiếm 5,597% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu:

Đại diện cho CTCP Kỹ thuật nền móng và Công trình
ngầm FECON nắm giữ 1.500.000 cổ phần (tương ứng
5,597% vốn điều lệ)

+ Cá nhân sở hữu:

0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)

Các cam kết nắm giữ (nếu có):

Nắm giữ 100% số lượng cổ phiếu đang sở hữu (bao gồm
cả sở hữu cá nhân và đại diện sở hữu) trong thời hạn 06
tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu đó trong
06 tháng tiếp theo đến hết ngày 14/05/2014

Những người liên quan có nắm
giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

- 1- CTCP Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm
FECON (FCN) – công ty mà Ông Hà Thế Phương
giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT, đang nắm giữ
9.750.000 cổ phần (tương ứng 36,38% vốn điều lệ)
- 2- Ông Hà Thế Lộng – anh trai ông Hà Thế Phương,
đang đại diện cho CTCP Kỹ thuật nền móng và công
trình ngầm nắm giữ 5.250.000 cổ phần (tương ứng
19,59% vốn điều lệ)

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

* Ông Ngô Mạnh Quân - Thành viên HĐQT

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 08/09/1972

Nơi sinh: Ninh Bình

CMND: 012188920 do Công an TP.Hà Nội cấp ngày 24/03/1999

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 21.3, CT2, Chung cư Vimeco, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Số ĐT liên lạc: 0351. 3533038

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ 5/1997 – 4/1999	Công tác tại Tổng công ty Vinaconex
Từ 11/1999 – 11/2001	Giám đốc dự án Đại học quốc gia Dong dok, Vientiane, Lào
Từ 4/2002 – 4/2003	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Vinaconex 6
Từ 5/2003 – 7/2007	Phó Giám đốc ban QLDA Xi măng Càm Phả - Tổng công ty Vinaconex
Từ 8/2007 – 9/2011	Phó Giám đốc Công ty Liên doanh TNHII Phát triển đô thị mới An Khánh, dự án Splendora Hà Nội
Từ 2012 – 2013	Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam
Từ 2014 đến nay	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần FECON Holdings

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:

Thành viên Hội đồng quản trị



Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Số CP nắm giữ (tại thời điểm 24/01/2014):

+ Đại diện sở hữu:

Phó Giám đốc Công ty Cổ phần FECON Holdings

0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu:

0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)

Các cam kết nắm giữ (nếu có):

Không

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

Không

Những khoản nợ đối với Công ty:

Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:

Không

* Ông Nguyễn Chí Công – Thành viên HĐQT

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 13/05/1972

Nơi sinh: Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

CMND: 013379127 do Công an TP.Hà Nội cấp ngày 17/03/2011

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 405, Nhà A23, Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Số ĐT liên lạc: 04 62690482

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư đường bộ Đại học Giao thông vận tải Hà Nội

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ 1994 - 1995	Phòng quản lý chất lượng Công ty công trình giao thông 610
Từ 1995 - 1999	Phó Giám đốc Công ty xây dựng giao thông Nhị Hiệp
Từ 1999 - 2004	Đội trưởng thi công Công ty xây dựng công trình giao thông 889



Từ 2004 - 2012	<i>Thành viên HĐQT CTCP Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON</i>
Từ 01/2013 đến nay	<i>Thành viên HĐQT CTCP Khoáng sản FECON</i>

Các chức vụ công tác hiện nay tại
tổ chức niêm yết:

Thành viên Hội đồng quản trị

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại
tổ chức khác:

Phó Giám đốc Công ty TNHH xử lý nền đất yếu FECON
SHANGHAI HARBOUR

Số CP nắm giữ (tại thời điểm
24/01/2014):

3.000.000 cổ phần, chiếm 11,194% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu:

Đại diện cho CTCP Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON nắm giữ 3.000.000 cổ phần (tương ứng 11,194% vốn điều lệ)

+ Cá nhân sở hữu:

0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)

Các cam kết nắm giữ (nếu có):

Nắm giữ 100% số lượng cổ phiếu đang sở hữu (bao gồm cả sở hữu cá nhân và đại diện sở hữu) trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu đó trong 06 tháng tiếp theo đến hết ngày 14/05/2014

Những người liên quan có nắm
giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

CTCP Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON
(FCN) – công ty mà ông Nguyễn Chí Công đại diện
nắm giữ 3.000.000 cổ phần (tương ứng 11,194% vốn
điều lệ) tại CTCP Khoáng sản FECON, hiện đang nắm
giữ 9.750.000 cổ phần (tương ứng 36,38% vốn điều lệ)

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

❖ Ban Giám đốc

Ban Giám đốc

Ông Hà Thế Phương	Giám đốc
Ông Phạm Trung Thành	Phó Giám đốc
Ông Lê Quang Trung	Phó giám đốc Kỹ thuật
Bà Ngô Thị Thanh	Trưởng phòng TC- KT

✖ Ông Hà Thế Phương – Giám đốc



(Như thông tin đã trình bày tại phần Hội đồng quản trị)

* Ông Phạm Trung Thành – Phó Giám đốc

Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	21/11/1977
Nơi sinh:	Yên Phú, Ý Yên, Nam Định
CMND:	162131937 do Công an Tỉnh Hà Nam cấp ngày 21/6/2010
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Tổ 20, Phường Lê Hồng Phong, TP.Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam
Số ĐT liên lạc:	0351. 3533038
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân hóa học
Quá trình công tác:	

Thời gian	Chức vụ
Từ 1999 – 05/2008	Giáo viên tại Trường THCS Yên Phú, Ý Yên, Nam Định
Từ 06/2008 – 10/2009	Trưởng phòng Cung ứng vật tư Công ty TNHH cọc bê tông dự ứng lực FECON
Từ 10/2009 – 04/2010	Quản đốc xưởng Công ty TNHH cọc bê tông dự ứng lực FECON
Từ 05/2010 đến nay	Phó giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

Các chức vụ công tác hiện nay tại
tổ chức niêm yết: **Phó Giám đốc**

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại
tổ chức khác: Không

Số CP nắm giữ (tại thời điểm
24/01/2014): 30.000 cổ phần, chiếm 0,11% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ)

+ Cá nhân sở hữu: 30.000 cổ phần (tương ứng 0,11% vốn điều lệ)

Các cam kết nắm giữ (nếu có): Nắm giữ 100% số lượng cổ phiếu đang sở hữu (bao gồm
cả sở hữu cá nhân và đại diện sở hữu) trong thời hạn 06
tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu đó trong



06 tháng tiếp theo đến hết ngày 14/05/2014

Những người liên quan có nắm
giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

* Ông Lê Quang Trung – Phó giám đốc kỹ thuật

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 23/7/1959

Nơi sinh: Hà Nội

CMND: 010426745 do Công an tỉnh Hà Nội ngày 28/3/2011

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 46B Linh Quang, Văn Chương, Đống Da, Hà Nội

Số ĐT liên lạc: 0351. 3533038

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ 1984 - 1998	Nghiên cứu viên- Viện vật liệu xây dựng - Bộ xây dựng
Từ 1998 - 2006	Phó TGD công ty BMT- Tổng công ty VLXD số 1
Từ 2007 - 2010	Phó GĐ Công ty lỵ там 620 – Công ty 620 Châu Thới
Từ 2010 - 2011	Phó GĐ nghiên cứu, phát triển công ty cổ phần đầu tư Phan Vũ
Từ 2011- 2013	Phó phòng kỹ thuật - Công ty Vinaconex Xuân Mai

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ
chức niêm yết:

Phó GĐ kỹ thuật Công ty cổ phần
khoáng sản FECON

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ
chức khác:

Không

Số CP nắm giữ (tại thời điểm
24/01/2014):

0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ



+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
Các cam kết nắm giữ (nếu có):	Không có
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

* Bà Ngô Thị Thanh – Trưởng phòng Tài chính- Kế toán

Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	05/11/1986
Nơi sinh:	Khả Phong, Kim Bảng, Hà Nam
CMND:	168133597 do Công an tỉnh Hà Nam ngày 08/04/2012
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Khả Phong, Kim Bảng, Hà Nam
Số ĐT liên lạc:	0351. 3533038
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	

Thời gian	Chức vụ
Từ 11/2009 – 02/2012	Nhân viên kế toán – Công ty cổ phần khoáng sản FECON
Từ 3/2012 – 3/2014	Nhân viên phòng Kinh tế kế hoạch- Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần khoáng sản FECON
Từ 3/2014 đến nay	Trưởng phòng Tài chính – Kế toán

Các chức vụ công tác hiện tại tổ chức niêm yết:

Trưởng phòng Tài chính- Kế toán

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ

Không



chức khác:

Số CP nắm giữ (tại thời điểm 24/01/2014): 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)

+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)

Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

❖ Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát	
Ông Nguyễn Thanh Phượng	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Vũ Thị Thu Hải	Thành viên BKS
Ông Nguyễn Quốc Đức	Thành viên BKS

* Ông Nguyễn Thanh Phượng – Trưởng Ban kiểm soát

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 19/11/1973

Nơi sinh: An Mĩ, Tuy An, Phú Yên

CMND: 011788694 do Công an TP.Hà Nội cấp ngày 28/07/2004

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 6-K70 tập thể Quân đội, Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội

Số ĐT liên lạc: 04 6269 0481



Trình độ chuyên môn:

Cử nhân tài chính

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ 1995 - 2003	Cán bộ tài chính tại Công ty TNHH Đông Á
Từ 2003 - 2005	Kế toán trưởng Công ty SHINIL - TODIMAX
Từ 2006 - 2008	Giám đốc tài chính tại Công ty TNHH NTC
Từ 2008 - 2009	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần A&A Global
Từ 2009 - 2010	Giám đốc Tài chính CTCP Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON
Từ 2010 đến nay	Kế toán trưởng Công ty TNHH đầu tư FECON
Từ 5/2010 đến nay	Trưởng ban Kiểm soát CTCP Khoáng sản FECON

Các chức vụ công tác hiện nay tại
tổ chức niêm yết:

Trưởng ban Kiểm soát

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại
tổ chức khác:

Không

Số CP nắm giữ (tại thời điểm
24/01/2014):

1.000 cổ phần, chiếm 0,0037% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu:

0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)

+ Cá nhân sở hữu:

1.000 cổ phần (tương ứng 0,0037% vốn điều lệ)

Các cam kết nắm giữ (nếu có):

Năm giữ 100% số lượng cổ phiếu đang sở hữu (bao gồm cả sở hữu cá nhân và đại diện sở hữu) trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu đó trong 06 tháng tiếp theo đến hết ngày 14/05/2014

Những người liên quan có nắm
giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

Không

Những khoản nợ đối với Công ty:

Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:

Không

* Bà Vũ Thị Thu Hải – Thành Viên Ban kiểm soát

Giới tính:

Nữ



OCEAN SECURITIES

ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Ngày tháng năm sinh: 31/07/1981
 Nơi sinh: Nam Định
 CMND: 162374808 do Công an Tỉnh Nam Định cấp ngày 9/12/1998
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: Khối 10 Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội
 Số ĐT liên lạc: 0912881315
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
 Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ</i>
Từ 7/2003 – 9/2007	Chuyên viên kế toán Công ty Cổ phần Sông Đà 11
Từ 10/2007 – 5/2008	Chuyên viên kế toán CTCP Đầu tư và Tư vấn tài chính Dầu khí Việt Nam
Từ 6/2008 – 8/2011	Chuyên viên ban TCKT Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam
Từ 9/2011 đến nay	Phó ban TCKT Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam
Từ 5/2010 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Khoáng sản FECON

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:

Thành viên Ban Kiểm soát

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Phó ban TCKT Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Số CP nắm giữ (tại thời điểm 24/01/2014):

0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu:

0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)

+ Cá nhân sở hữu:

0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)

Các cam kết nắm giữ:

Không có

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

Không

Những khoản nợ đối với Công ty:

Không

Lợi ích liên quan đới với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

* Ông Nguyễn Quốc Đức – Thành viên Ban kiểm soát

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 15/11/1989

Nơi sinh: Thái Bình

CMND: 151865355 do Công an tỉnh Thái Bình ngày 18/08/2006

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Xã Quỳnh Mỹ, huyện Quỳnh Thụ, Tỉnh Thái Bình

Số ĐT liên lạc: 0973 025 207

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ 9/2011 – 01/2012	Nhân viên kế toán – Ban điều hành dự án thủy điện Cửa Đạt - Vinaconex
Từ 01/2012 – 05/2012	Nhân viên kế toán tại Công ty Cổ phần xây dựng Vinaconex 21
Từ 06/2013 đến nay	Nhân viên tài chính tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON

Các chức vụ công tác hiện nay tại
tổ chức niêm yết:

Thành viên Ban Kiểm soát

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại
tổ chức khác:

Nhân viên tài chính tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền
móng và công trình ngầm FECON

Số CP nắm giữ (tại thời điểm
24/01/2014):

0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu:

0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)

+ Cá nhân sở hữu:

0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)

Các cam kết nắm giữ (nếu có):

Không có



Những người liên quan có nắm
giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

13. Tài sản

Bảng 21: Tài sản cố định của Công ty mẹ tại 31/12/2012

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	275.872	82.719	193.152
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	75.543	14.841	60.702
2	Máy móc, thiết bị	152.444	55.745	96.699
3	Phương tiện vận tải	46.401	11.587	34.814
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	284	101	183
5	Tài sản cố định khác	1.197	444	753
II	TSCĐ thuê tài chính	7.632	448	7.184
1	Máy móc, thiết bị	5.398	317.275	5.081
2	Phương tiện vận tải	2.233	130	2.103
III	Tài sản cố định vô hình	8.535	673	7.861
1	Quyền thuê đất	8.380	598	7.782
2	Phần mềm máy tính	154	75	79
Tổng cộng		292.039	83.840	208.198

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012 của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

Bảng 22: Tài sản cố định của Công ty mẹ tại 31/12/2013

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	309.639	110.705	198.933
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	83.875	21.086	62.789
2	Máy móc, thiết bị	174.814	72.102	102.711
3	Phương tiện vận tải	49.684	16.816	32.868
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	114	79	35



5	Tài sản cố định khác	1.150	620	529
II	TSCĐ thuê tài chính	7.632	3.200	4.431
1	Máy móc, thiết bị	5.398	2.317	3.080
2	Phương tiện vận tải	2.233	883	1.350
III	Tài sản cố định vô hình	8.598	858	7.739
1	Quyền thuê đất	8.380	772	7.608
2	Phần mềm máy tính	217	86	131
Tổng cộng		325.869	114.763	211.104

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013 của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

Bảng 23: Tài sản cố định của Công ty (Hợp nhất) tại 31/12/2013

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	316.449	111.572	204.877
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	90.686	21.952	68.733
2	Máy móc, thiết bị	174.814	72.102	102.711
3	Phương tiện vận tải	49.684	16.816	32.868
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	114	79	35
5	Tài sản cố định khác	1.150	620	529
II	TSCĐ thuê tài chính	7.632	3.200	4.431
1	Máy móc, thiết bị	5.398	2.317	3.080
2	Phương tiện vận tải	2.233	883	1.350
III	Tài sản cố định vô hình	8.598	858	7.739
1	Quyền thuê đất	8.380	772	7.608
2	Phần mềm máy tính	217	86	131
Tổng cộng		332.679	115.630	217.049

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013 của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

Bảng 24: Tài sản trên đất, đất đai, bất động sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng tại ngày 31/12/2012 của Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

Tài sản	Ghi chú	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại



Xưởng 1	Diện tích 5.000 m ²	13.687	4.218	9.469
Xưởng 2	Diện tích 8.000 m ²	43.406	6.078	37.328
Nhà điều hành; Nhà ăn ca	Nhà điều hành diện tích 450 m ² ; Nhà ăn ca diện tích 1.000 m ²	3.755	879	2.876
Quyền sử dụng đất 5,3 ha tại Cụm CN Thi Sơn, Kim Bảng, Hà Nam	Thuê 49 năm	8.380	598	7.782
Tổng cộng		8.380	598	7.782

Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

Bảng 25: Tài sản trên đất, đất đai, bất động sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng tại ngày 31/12/2013 của Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

Tài sản	Ghi chú	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Xưởng 1	Diện tích 5.000 m ²	13.687	5.438	8.249
Xưởng 2	Diện tích 8.000 m ²	43.406	9.757	33.649
Nhà điều hành; Nhà ăn ca	Nhà điều hành diện tích 450 m ² ; Nhà ăn ca diện tích 1.000 m ²	3.755	1.089	2.666
Quyền sử dụng đất 5,3 ha tại Cụm CN Thi Sơn, Kim Bảng, Hà Nam	Thuê 49 năm	8.380	801	7.579
Tổng cộng		69.228	17.085	52.143

Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

* Mục tiêu – định hướng phát triển

FCM đặt mục tiêu sẽ trở thành công ty hàng đầu trong lĩnh vực khai khoáng và cung cấp các sản phẩm bê tông hiện đại, đáp ứng nhu cầu xây dựng và phát triển hạ tầng trong thời kỳ hội nhập của đất nước. Do đó, ngay từ khi thành lập, FCM đã luôn chú trọng đầu tư theo chiều sâu vào công nghệ và nguồn nhân lực. Qua thời gian hoạt động, Công ty đã khẳng định được tính đúng đắn của con đường đã lựa chọn. Bằng chứng là Công ty đã tham gia cung cấp cọc bê tông dự ứng lực cho nhiều dự án lớn trong đó có nhiều công trình mang tầm quốc gia, được khách hàng thừa nhận. Các công nghệ mà Công ty áp dụng không chỉ nhằm mang lại lợi ích cho doanh nghiệp, khách hàng mà còn góp phần vào sự phát triển bền vững, bởi một trong các phương châm hoạt động của FCM là mọi hoạt động của công ty đều hướng tới mục tiêu dài hạn là ích nước lợi nhà.



Định hướng kinh doanh của FCM là tận dụng sức mạnh tạo lợi thế cạnh tranh bằng chiến lược khác biệt hóa, cụ thể:

- Tập trung nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ mới, chuyên môn hóa việc nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ mới phục vụ sản xuất cũng như đào tạo và tìm kiếm cơ hội hợp tác quốc tế. Yếu tố chất lượng và tiến độ giữ vai trò then chốt nhằm tận dụng cơ hội kinh doanh đến từ khách hàng có vốn FDI;
- Tận dụng nguồn sức mạnh nguồn nhân lực (năng lực kỹ thuật và năng lực quản trị dự án) đưa ra giải pháp tổng thể tạo nên giá trị gia tăng cho khách hàng.

Mặt khác, FCM cũng áp dụng chiến lược kinh doanh tập trung trên cơ sở sức mạnh nguồn lực sẵn có, cụ thể:

- Đối với lĩnh vực sản xuất và cung cấp cọc bê tông ly tâm dự ứng lực cường độ cao tại thị trường miền Bắc, Công ty tập trung mạnh vào sản xuất, cung cấp và thi công cọc bê tông (PC/PHC) cho các công trình xây dựng cao tầng, nhà máy, cảng biển, đường bộ và cầu đường ... Bên cạnh đó, Công ty còn tập trung nghiên cứu, đầu tư trang thiết bị sản xuất hiện đại, hợp tác đối tác nước ngoài lớn có uy tín, kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm bê tông đúc sẵn chất lượng cao phục vụ cho công tác thi công các công trình ngầm.
- Đối với lĩnh vực khai thác khoáng sản, sản xuất chế biến vật liệu xây dựng: FCM đang trong giai đoạn bước đầu triển khai, chưa có thế mạnh trên thị trường. Công ty định hướng liên kết cùng các công ty có kinh nghiệm trong lĩnh vực khai khoáng, tập trung khai thác một số mỏ đá ở khu vực Hòa Bình, Hà Nam, Thanh Hóa, Hà Tĩnh và mỏ cát ở Hà Nội, sử dụng công nghệ khai thác an toàn, đảm bảo môi trường, máy móc thiết bị hiện đại. Ban đầu, các sản phẩm khai thác này chủ yếu đáp ứng cho nhu cầu nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất cọc bê tông ly tâm dự ứng lực cường độ cao và các sản phẩm phục vụ thi công công trình ngầm và một phần nhu cầu vật liệu xây dựng của khu vực các dự án đang thực hiện, sẽ thực hiện và các vùng lân cận.

* Chỉ tiêu kế hoạch năm 2014

Bảng 26: Kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp nhất của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013 (Kiểm toán)	Năm 2014 (Kế hoạch)	Tỷ lệ so với 2013
1	Doanh thu	425.537	660.000	155,1%
	Doanh thu từ phần cọc	425.537	510.000	119,8%
	Doanh thu từ phần khoáng sản	-	150.000	100%
2	Lợi nhuận trước thuế	48.005	88.000	183,3%
3	Lợi nhuận sau thuế	35.785	66.000	184,4%
4	Cổ tức (% so với vốn điều lệ)	6%	10%	166,7%



Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

* **Giải pháp thực hiện để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên**

Kế hoạch của Công ty được xây dựng dựa trên các tính toán và đánh giá thận trọng về nhu cầu tiêu thụ của thị trường từ các công trình chuyên tiếp từ năm 2013 như: khu lọc hóa dầu Nghi Sơn, Nhiệt điện Thái Bình 1&2, Khu Briston Hải Phòng ...

Ngoài ra Công ty còn để hoàn thành được chiến lược kinh doanh giai đoạn 2011-2015 đã đề ra, Công ty còn tiếp tục thực hiện các giải pháp sau:

Tăng cường chiến lược xây dựng thương hiệu, văn hóa doanh nghiệp

Nhận thức rõ ràng thương hiệu tạo ra giá trị, niềm tin của khách hàng, cổ đông và chủ đầu tư, từ khi thành lập cho đến nay, FCM luôn tập trung vào công tác xây dựng thương hiệu nhằm duy trì và phát triển nhận thức về “Công ty hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực cung cấp và thi công cọc bê tông dự ứng lực và xử lý nền móng công trình”.

Song song với việc phát triển nhận diện thương hiệu, năm 2014, Công ty tiếp tục xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp, không ngừng học hỏi và đổi mới, luôn cư xử với thái độ biết ơn, xây dựng cung cách làm việc hết mình, làm việc nhóm, đoàn kết. Qua đó tạo sự gắn kết và động lực cùng nhau phát triển của các cán bộ công nhân viên trong Công ty.

Tập trung phát triển nguồn lực nhân sự chất lượng cao

Bộ máy nhân sự chất lượng cao là chìa khóa để công ty phát triển bền vững. Đặc biệt, với tư cách một doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất và thi công, nhân sự là yếu tố cốt lõi quyết định hình ảnh và sự thành công của công ty. Vì vậy, trong năm 2014, FCM sẽ xây dựng lại cơ cấu tổ chức nhân sự các phòng ban của công ty. Công ty sẽ đầu tư vào công tác phát triển nguồn nhân lực, trong đó ưu tiên số 1 là đội ngũ quản lý các cấp, đội ngũ quản lý tài chính, đội ngũ marketing và bán hàng, đồng thời hoàn thiện chính sách lương, thưởng và chế độ nhân sự, để mỗi thành viên trong đại gia đình FCM sẽ là những người xuất sắc, giỏi về chuyên môn, giàu đam mê và nhiệt huyết cho công việc.

Tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành đúng kế hoạch các dự án

Trong năm 2014, FCM sẽ tập trung mọi nguồn lực hiện có, quyết tâm giữ vững chiến lược kinh doanh và nâng cao năng lực thiết bị thi công, mở rộng địa bàn kinh doanh tại miền Trung và miền Nam theo đúng tiến độ đã đề ra, đồng thời giữ vững và tăng cường tỷ lệ nắm giữ các công ty con.

Cụ thể kế hoạch thực hiện đầu tư trong năm 2014 như sau:

- Đầu tư máy móc thiết bị, nhà xưởng: 49,5 tỷ đồng
- Đầu tư xây dựng xưởng cát nhân tạo để nâng cao chủ động nguồn nguyên liệu đầu vào sản xuất và cung cấp thêm vật liệu xây dựng cho thị trường: 14,5 tỷ đồng
- Đầu tư khu dịch vụ và thương mại Ngũ Động Sơn và mở rộng nhà máy về phía Đông: 13 tỷ đồng



- Tăng tỷ lệ phần vốn góp tại Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn: 30 tỷ đồng
- Bổ sung vốn lưu động: 35 tỷ đồng.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Chúng tôi nhận thấy Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON luôn phát huy thế mạnh là một trong những công ty hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất cọc bê tông ly tâm dự ứng lực cường độ cao phục vụ cho các công trình ngầm và xử lý nền móng.

Kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong năm 2014 là có tính khả thi và cũng đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông như kế hoạch đã đề ra tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 01/03/2014 của Công ty, nếu các dự đoán của Công ty về thị trường là sát với thực tế và không có những biến động ánh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của doanh nghiệp nói chung và tiến độ của các kế hoạch đầu tư, mở rộng năng lực sản xuất kinh doanh nói riêng. Chúng tôi cũng cho rằng, tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức như kế hoạch của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON đề ra là hợp lý, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo của Công ty. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có.

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
2. **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phần
3. **Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán:** 14.200.000 cổ phần (*Mười bốn triệu hai trăm nghìn cổ phần*)

Trong đó:

- Cổ đông hiện hữu: 13.400.000 cổ phần (*Mười ba triệu bốn trăm nghìn cổ phần*)
- Cán bộ công nhân viên: 800.000 cổ phần (*Tám trăm nghìn cổ phần*)

4. Đối tượng chào bán:

- Cổ đông hiện hữu: Là các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền mua cổ phần
- Cán bộ công nhân viên: Cán bộ công nhân viên có tên trong danh sách người lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2013

5. Giá bán dự kiến:

- Cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Cán bộ công nhân viên: 10.000 đồng/cổ phiếu

6. Phương pháp tính giá

- * Giá trị thị trường bình quân 30 phiên cổ phiếu FCM đến ngày 24/03/2014 là 17.367 đồng/cổ phiếu.
- * Giá trị sổ sách một cổ phiếu của FCM tại thời điểm 31/12/2013 là:

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phần đang lưu hành}} \\ \text{trên một cổ phần} &= \frac{302.866.900.160}{26.800.000} \\ &= 11.301 \text{ đồng/cổ phần} \end{aligned}$$

❖ Tổng hợp các phương pháp định giá:

Phương pháp	Trọng số (%)	Giá cổ phiếu (đồng/cp)	Tổng số (đồng/cp)
Theo phương pháp giá trị thị trường	50%	17.367	8.683

Theo phương pháp thị trường	50%	11.301	5.650
Tổng hợp các phương pháp	100%		14.333

Tổng hợp 2 phương pháp, giá cổ phiếu FCM nằm trong khoảng 11.301 đồng và 17.367 đồng, với mức giá bình quân của cả 2 phương pháp là 14.333 đồng. Nhằm đảm bảo lợi ích cao nhất của cổ đông cũng như sự thành công của đợt chào bán, Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí phát hành thêm cổ phiếu với giá 10.000 đồng/cổ phần theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 0103/2014/NQ-ĐHĐCD ngày 01 tháng 03 năm 2014.

7. Phương thức phân phối

* Phát hành cho Cổ đông hiện hữu:

Phương thức phân phối theo phương thức thực hiện quyền mua cổ phiếu, cụ thể như sau:

- Cổ đông sở hữu 01 Cổ phần tại ngày hướng quyền sẽ được 01 quyền mua, 02 quyền mua sẽ được mua 01 Cổ phần tăng vốn. Tổng số cổ phần Cổ đông được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
- Công ty sẽ phối hợp với Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) phân phối và thông báo quyền mua cho các cổ đông thông qua các Công ty Chứng khoán - Thành viên lưu ký của VSD.
- Trường hợp cổ đông chưa lưu ký, Công ty sẽ thông báo và phân bổ quyền mua trực tiếp đến từng cổ đông.
- Cổ đông sở hữu quyền mua cổ phần có thể chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác trong thời gian quy định trong thông báo phát hành gửi đến các cổ đông hiện hữu và chỉ chuyển nhượng 01 (một) lần, người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba.
- Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận giá chuyển nhượng quyền mua và tự thanh toán tiền chuyển nhượng.

* Phát hành cho Cán bộ công nhân viên (CBCNV):

Việc phân phối cổ phần cho CBCNV theo tiêu chuẩn phân phối và danh sách do Hội đồng quản trị FCM quyết định.

Tiêu chuẩn phân phối chi tiết như sau:

STT	Vị trí	Kinh nghiệm	≥ 6 năm	≥ 5 năm	≥ 3 năm	≥ 2 năm
1	Ban lãnh đạo		25.000	20.000	15.000	10.000
2	Trưởng phòng ban- bộ phận		18.000	15.000	12.000	7.000

3	Phó phòng ban- bộ phận	15.000	10.000	7.000	5.000
4	Nhân viên phòng ban- Tổ trưởng sản xuất	10.000	5.500	3.500	2.000
5	Công nhân sản xuất	8.000	4.000	2.500	1.000

8. Thời gian phân phối cổ phiếu

Thời gian chào bán và phân phối cổ phần cho cổ đông hiện hữu dự kiến sẽ được thực hiện trong vòng 90 ngày kể từ ngày được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ chào bán.

Thời gian cụ thể sẽ được nêu chi tiết trên Thông báo phát hành chứng khoán khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

❖ Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến cho cổ đông hiện hữu:

STT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng từ UBCKNN	D
2	Thông báo chốt danh sách cổ đông đối với Trung tâm Lưu ký (TTLK) và Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh để triển khai	D+2
3	Công bố thông tin về đợt chào bán trên báo điện tử hoặc báo viết trong 03 số liên tiếp	D+2 đến D+7
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền	D+12
5	Ngày đăng ký cuối cùng	D+14
6	Phối hợp cùng TTLK phân bổ và thông báo danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu đến các thành viên lưu ký và các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán	D+18 đến D+24
7	Các cổ đông hiện hữu tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền và nộp tiền mua cổ phần	D+25 đến D+45
8	TTLK tổng hợp việc thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu gửi danh sách cổ đông thực hiện quyền mua và chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa	D+53
9	TCPH xử lý cổ phiếu không phân phối hết	D+54 đến D+64
10	Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tình hình phát	D+65



	hành và hiệu quả của việc đầu tư vốn sau khi thu được tiền từ đợt phát hành.	
11	Nộp hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung	D+67
13	Trao trả giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu cho các cổ đông chưa lưu ký	D+65

❖ Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến cho cán bộ công nhân viên:

STT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Nhận được giấy phép chào bán chứng khoán ra công chúng của UBCKNN	D
2	Xác định danh sách CBCNV được mua	D đến D+5
3	Thông báo phân bổ quyền mua cổ phiếu đến CBCNV	D+7
4	CBCNV đăng ký và nộp tiền mua cổ phần	D+7 đến D+47

9. Đăng ký mua cổ phiếu

❖ Đối với chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu:

Công ty sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong Bản thông báo phát hành và đảm bảo thời gian đăng ký và nộp tiền mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày theo đúng quy định. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.

Danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách là cơ sở đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần mới chào bán theo tỷ lệ được mua đã quy định.

- Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phần tại các thành viên lưu ký: Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phiếu mới phát hành tại thành viên lưu ký đó.
- Đối với cổ đông chưa thực hiện lưu ký: thi việc đăng ký mua, chuyển nhượng quyền mua tại Trụ sở Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON, và nộp tiền mua cổ phiếu mới phát hành vào tài khoản phong tỏa của Công ty:
 - Tên Tài khoản: Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON
 - Số tài khoản: 0301000886668
 - Mở tại: Ngân hàng TMCP Ngoại thương- Chi nhánh Hoàn Kiếm, Hà Nội

❖ Đối với chào bán cổ phiếu cho CBCNV:

Sau khi nhận được giấy phép/chấp thuận phát hành từ UBCKNN, Hội đồng quản trị thông báo đến CBCNV có tên trong danh sách được mua để đăng ký và thực hiện quyền mua cổ



phiếu. Thời gian dự kiến để CBCNV thực hiện quyền mua tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày thông báo.

Các CBCNV thực hiện việc đăng ký mua, chuyển nhượng quyền mua tại Trụ sở Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON, và nộp tiền mua cổ phiếu mới phát hành vào tài khoản phong tỏa của Công ty:

- Tên Tài khoản: Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON
- Số tài khoản: 0301000886668
- Mở tại: Ngân hàng TMCP Ngoại thương- Chi nhánh Hoàn Kiếm, Hà Nội

❖ **Xử lý cổ phần không bán hết:**

Theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị sẽ tiến hành chào bán số cổ phiếu lẻ phát sinh do việc làm tròn số lượng cổ phiếu thực hiện quyền, số lượng phiếu còn thừa do cổ đông hiện hữu và hoặc CBCNV không mua hết và/hoặc từ chối mua và/hoặc đến hết hạn đóng tiền mua cổ phần mà không đóng tiền mua cho đối tượng khác với chính sách giá không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu (*Mười nghìn đồng/cổ phiếu*).

Trong thời gian 90 ngày, nếu Công ty không hoàn thành việc chào bán hết số lượng cổ phiếu được cấp phép phát hành, Hội đồng quản trị Công ty sẽ xin gia hạn phát hành với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Sau khi hoàn thành việc báo cáo kết quả đợt chào bán cho UBCKNN, Công ty sẽ thực hiện việc ghi nhận sở hữu cổ phần đăng ký niêm yết cổ phiếu bổ sung chứng khoán phát hành thêm.

10. Phương thức thực hiện quyền

Đây là trường hợp Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty.

Cổ đông sau khi nhận được thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu, thực hiện quyền mua (chuyển nhượng quyền mua và đăng ký mua cổ phiếu) theo hướng dẫn tại mục V.7 , V.8 và V.9 của Bản cáo bạch này.

11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài. Theo Nghị định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài được nắm giữ “tối đa 49% tổng số cổ phiếu của công ty cổ phần đại chúng”. Như vậy, tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu niêm yết của Công ty.

12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Quyền mua của cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên được phép chuyển nhượng trong thời gian quy định, và chỉ được chuyển nhượng 01 lần. Nghĩa là người nhận chuyển nhượng không được phép chuyển nhượng lại cho người thứ 02.

Số lượng cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu và Cán bộ công nhân viên trong đợt chào bán này không bị hạn chế chuyển nhượng.

13. Các loại thuế có liên quan

Công ty có nghĩa vụ nộp những loại thuế sau đây:

- Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.
- Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại Việt nam.
- Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.
- Theo Luật Thuế Thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007 và Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/09/2008 hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Thuế Thu nhập cá nhân của Chính phủ thì nhà đầu tư cá nhân phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với các thu nhập phát sinh từ đầu tư chứng khoán như sau:
 - Thu nhập từ đầu tư vốn: lợi tức cổ phần và các thu nhập đầu tư vốn dưới các hình thức khác không bao gồm đầu tư vào trái phiếu Chính phủ;
 - Thu nhập từ chuyển nhượng vốn: thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn trong các tổ chức kinh tế, thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán, thu nhập từ chuyển nhượng vốn dưới hình thức khác;
 - Thu nhập từ thừa kế là chứng khoán, phần vốn trong các doanh nghiệp, ...;
 - Thu nhập từ nhận quà tặng là chứng khoán, phần vốn trong các doanh nghiệp...

Các quy định về thuế thu nhập cá nhân có hiệu lực từ ngày 01/01/2009.

14. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu

Tên Tài khoản: Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

Số tài khoản: 0301000886668

Mở tại: Ngân hàng TMCP Ngoại thương- Chi nhánh Hoàn Kiếm, Hà Nội

VI. MỤC DÍCH CHÀO BÁN

Để đảm bảo cơ cấu vốn và tăng tính tự chủ, giảm bớt tính rủi ro về tài chính do phụ thuộc vào nguồn vốn vay ngân hàng, nâng cao hình ảnh, vị thế của Công ty với các đối tác, nâng cao năng lực cạnh tranh trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty sẽ thực hiện chào bán 14.200.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu và cho CBCNV. Toàn bộ số tiền 142 tỷ đồng thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng để:

- Tài trợ cho dự án đầu tư nhà xưởng, máy móc thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất;
- Đầu tư dự án Khu dịch vụ và thương mại Ngũ Động Sơn và mở rộng nhà máy;
- Tăng tỷ lệ vốn góp tại Công ty Cổ phần Fecon Nghi Sơn;
- Bổ sung vốn lưu động.

Cụ thể như sau:

STT	Đối tượng giải ngân dự kiến	Số tiền (đồng)
1	Đầu tư máy móc thiết bị, nhà xưởng	49.500.000.000
1.1	Xưởng gia công bích đầu cọc	7.000.000.000
1.2	Cầu trục Long Môn	20.000.000.000
1.3	Khuôn cọc và máy sản xuất	22.500.000.000
2	Đầu tư xây dựng xưởng cát nhân tạo	14.500.000.000
2.1	Kinh phí xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật nhà xưởng	4.000.000.000
2.2	Dây chuyền máy móc thiết bị	10.500.000.000
3	Đầu tư khu dịch vụ và thương mại Ngũ Động Sơn, và mở rộng nhà máy về phía đông	13.000.000.000
3.1	Chi phí san lấp	2.500.000.000
3.2	Kinh phí đèn bù, giải phóng mặt bằng	4.500.000.000
3.3	Làm đường và các công trình mở rộng khác	6.000.000.000
4	Tăng tỷ lệ phần vốn góp tại Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn	30.000.000.000
5	Bổ sung vốn lưu động	35.000.000.000
	Tổng cộng	142.000.000.000

Với kế hoạch mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh cá về chiều rộng lẫn chiều sâu các năm tiếp theo như trên, nhu cầu vốn để đầu tư vào nhà xưởng, dây chuyền thiết bị, cơ sở hạ tầng sản xuất, mở rộng nhà máy, tăng tỷ lệ vốn góp tại FECON Nghi Sơn và bổ sung vốn lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh dự báo sẽ tiếp tục gia tăng. Việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cho CBCNV sẽ giúp Công ty bổ sung vốn kinh doanh



từ nguồn vốn chủ sở hữu, giảm áp lực về vốn và chi phí lãi vay cũng như đảm bảo an toàn tài chính của công ty.



VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỌT CHÀO BÁN

1. Dự kiến số tiền thu được từ đợt chào bán

Trong trường hợp đợt chào bán cổ phần thành công, tổng số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến là 142.000.000.000 đồng.

TT	Nội dung	Số lượng CP	Giá trị theo mệnh giá (1.000 đồng)	Giá phát hành dự kiến (đồng/CP)	Số tiền thu được (1.000 đồng)
1	Trước phát hành	26.800.000	268.000.000		
2	Dự kiến phát hành	14.200.000	142.000.000	10.000	142.000.000
	- Cổ đông hiện hữu	13.400.000	134.000.000	10.000	134.000.000
	- CBCNV	800.000	8.000.000	10.000	8.000.000
3	Vốn điều lệ sau phát hành	41.000.000	410.000.000		
4	Tổng vốn dự kiến huy động được từ đợt phát hành				142.000.000

2. Kế hoạch đầu tư và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán:

Kế hoạch đầu tư và sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán được trình bày chi tiết như sau:

STT	Đối tượng giải ngân dự kiến	Số tiền (đồng)
1	Đầu tư máy móc thiết bị, nhà xưởng	49.500.000.000
1.1	Xưởng gia công bích đầu cọc	7.000.000.000
1.2	Cầu trục Long Môn	20.000.000.000
1.3	Khuôn cọc và máy sản xuất	22.500.000.000
2	Đầu tư xây dựng xưởng cát nhân tạo	14.500.000.000
2.1	Kinh phí xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật nhà xưởng	4.000.000.000
2.2	Dây chuyền máy móc thiết bị	10.500.000.000
3	Đầu tư khu dịch vụ và thương mại Ngũ Động Sơn, và mở rộng nhà máy về phía đông	13.000.000.000
3.1	Chi phí san lấp	2.500.000.000
3.2	Kinh phí đền bù, giải phóng mặt bằng	4.500.000.000
3.3	Làm đường và các công trình mở rộng khác	6.000.000.000
4	Tăng tỷ lệ phần vốn góp tại Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn	30.000.000.000
5	Bổ sung vốn lưu động	35.000.000.000
	Tổng cộng	142.000.000.000

Chi tiết:*** Đầu tư máy móc thiết bị, nhà xưởng:**

Căn cứ theo nhu cầu của thị trường về sản phẩm cọc bê tông dự ứng lực cường độ cao ngày càng gia tăng cả về số lượng, chất lượng và chủng loại các loại cọc, đồng thời để chủ động nguyên vật liệu đầu vào sản xuất cọc bê tông là bích đầu cọc và nâng cao năng lực sản xuất hiện tại, Công ty có kế hoạch mở rộng hoạt động sản xuất tại nhà máy Hà Nam. Theo đó, trong năm 2014, nhà máy sẽ triển khai xây dựng một xưởng gia công bích đầu cọc, mua thêm các khuôn cọc có đường kính lớn hơn và có độ dài lớn hơn, và mua thêm cầu trục Long Môn và máy sản xuất phục vụ cho việc sản xuất cọc bê tông theo khuôn cọc mới, với tổng chi phí là **49,5 tỷ đồng**.

*** Đầu tư xây dựng xưởng cát nhân tạo:**

Để chủ động nguồn nguyên liệu cát phục vụ cho việc sản xuất cọc bê tông dự ứng lực, và hiện nay nguồn cát xây dựng được khai thác từ tự nhiên ở sông, suối đang cạn kiệt, nên để đáp ứng nhu cầu thị trường về vật liệu xây dựng, đồng thời tận thu được tối đa sản phẩm đá vụn từ các mỏ đá Công ty đang và sẽ khai thác với chi phí hiệu quả. Trong năm 2014, FCM sẽ triển khai xây dựng xưởng cát nhân tạo với tổng kinh phí xây dựng nhà xưởng và dây chuyền sản xuất khoảng **14,5 tỷ đồng**.

Dây chuyền sản xuất cát nhân tạo sẽ theo quy trình như sau: Từ nguyên liệu là đá cuội, đá vụn được khai thác tại các mỏ của Công ty được đưa về điểm tập kết vật liệu, sau đó đưa vào máy cấp liệu rung, rồi máy nghiền hàm. Máy này hoạt động theo hình thức chuyển động nén, vật liệu được đưa xuống bị nén, ép nghiền và chảy ra ngoài qua máy sàng phân loại. Từ đây vật liệu được chia thành nhóm có kích thước nhất định thông qua hệ thống sàng rồi chuyển qua máy nghiền nát. Quá trình này sẽ làm cho vật liệu và dập chuyền động tương hỗ với tốc độ cao và ma sát giữa các nguyên liệu tạo thành sản phẩm. Cát được đưa xuống máy rửa cát để loại bỏ tạp chất cho ra sản phẩm cát sạch, chủ yếu dùng cho sản xuất bê tông. Đây là loại cát công nghiệp, không có tạp chất hữu cơ hay các tính ăn mòn khác, cường độ chịu nén đạt tiêu chuẩn chất lượng TCVN 1771 – 1987, sản phẩm dễ được tiêu thụ, giá cả hợp lý, chất lượng được đảm bảo.

*** Đầu tư khu dịch vụ và thương mại Ngũ Động Sơn và mở rộng nhà máy về phía đông:**

Công ty đã hoàn thiện hồ sơ lên UBND tỉnh Hà Nam để xin được thuê thêm đất để mở rộng nhà máy sản xuất hiện tại ở Hà Nam về phía đông nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng phát triển sản xuất (với diện tích ≈ 4,1 ha).

Đồng thời Công ty FECON Invest - một công ty con của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON do ông Phạm Trung Thành làm Giám đốc đang tiến hành các thủ tục đèn bù giải phóng mặt bằng cho dự án Khu dịch vụ và thương mại "Ngũ Động Sơn" theo quyết định thu hồi giao đất của UBND tỉnh Hà Nam vào thời điểm tháng 12 năm 2013.

Theo đánh giá của Công ty, dự kiến các khoản chi phí đầu tư đối với khu dịch vụ và thương mại Ngũ Động Sơn và mở rộng nhà máy bao gồm: chi phí san lấp, đèn bù, giải phóng mặt bằng, làm đường và các công trình khác sẽ có giá trị khoảng **13 tỷ đồng**.

Cơ sở pháp lý liên quan đến việc Mở rộng nhà máy sản xuất và triển khai xây dựng Khu dịch vụ và thương mại Ngũ Động Sơn:

Công ty đã nhận được các công văn của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Nam về việc triển khai dự án như sau:

- Công văn số 1034/UBND-GTXD ngày 21/06/2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Nam về việc thu hồi 02 Dự án tại Cụm CN Thi Sơn của Công ty TNHH đầu tư FECON và giao cho CTCP Khoáng sản FECON thực hiện;
- Công văn số 467/UBND-GTXD ngày 31/03/2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Nam về việc mở rộng Nhà máy sản xuất và Trung tâm thương mại, văn phòng giao dịch của CTCP Khoáng sản FECON.

*** Bổ sung vốn lưu động:**

Trước việc mở rộng lĩnh vực kinh doanh sang hoạt động khai thác mỏ và sản xuất, cung cấp vật liệu xây dựng, và kế hoạch mở rộng năng lực sản xuất của Nhà máy hiện tại, đồng thời để giảm bớt áp lực vay ngắn hạn ngân hàng để đáp ứng nguồn vốn thu mua nguyên vật liệu, dự kiến trong thời gian tới, FCM sẽ cần phải bổ sung nguồn vốn lưu động với giá trị khoảng **35 tỷ đồng**.

*** Tăng tỷ lệ phần vốn góp tại Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn:**

Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn được thành lập vào tháng 5 năm 2013, trên cơ sở góp vốn liên doanh giữa Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON (30%), Công ty CP Khoáng sản FECON (15%) và đối tác Trung Quốc. Lĩnh vực kinh doanh chính của CTCP FECON Nghi Sơn là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bê tông, trước mắt là sản xuất và cung cấp cọc bê tông ly tâm dự ứng lực có đường kính từ D500 – D800mm, công suất từ 3000 đến 4000m cọc/ngày cho các dự án lớn đang và sắp triển khai tại Khu vực Miền Trung.

Nhà máy sản xuất cọc bê tông dự ứng lực FECON Nghi Sơn với tổng mức đầu tư 100 tỷ đồng nhằm mục tiêu cung cấp các sản phẩm cọc bê tông mang thương hiệu FECON cho các dự án lớn tại Khu kinh tế Nghi Sơn, tiếp theo là mở rộng ra thị trường miền Trung. Lào đã được khánh thành vào tháng 11 năm 2013.

Trong thời gian tới, để tăng cường sự kiểm soát của Công ty tại FECON Nghi Sơn, đồng thời để mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh của Công ty vào thị trường miền Trung, Công ty có kế hoạch đàm phán để mua lại 30% phần vốn góp của các cổ đông khác tại Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn. Dựa trên cơ sở tính toán tổng mức vốn đã đầu tư của các cổ đông tại FECON Nghi Sơn, và thực tế hoạt động sản xuất mà FECON Nghi Sơn đang vận hành, Hội đồng quản trị FCM dự tính mức giá để mua lại 30% số cổ phần của FECON Nghi Sơn sẽ có giá trị khoảng **30 tỷ đồng**.

Với kế hoạch mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh cả về chiều rộng lẫn chiều sâu các năm tiếp theo như trên, nhu cầu vốn để đầu tư vào dây chuyền thiết bị, cơ sở hạ tầng sản xuất, tăng tỷ lệ vốn góp tại FECON Nghi Sơn và bổ sung vốn lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh dự báo sẽ tiếp tục gia tăng. Việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cho CBCNV sẽ giúp Công ty bổ sung vốn kinh doanh từ nguồn vốn chủ sở hữu, giảm áp lực về vốn và chi phí lãi vay cũng như đảm bảo an toàn tài chính của công ty.

3. Phương án xử lý trong trường hợp không huy động đủ vốn

Vốn huy động qua đợt phát hành tùy thuộc vào biến động của thị trường, do vậy, trong trường hợp không thu đủ số tiền dự kiến phát hành, Công ty sẽ thực hiện tăng vốn điều lệ theo đúng số tiền thực tế huy động được. Ngoài ra, để chủ động về vốn đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh, trong trường hợp số vốn huy động được không đủ so với dự kiến, Công ty sẽ sử dụng nguồn vốn vay Ngân hàng để đảm bảo đáp ứng được nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

4. Phương án xử lý số cổ phiếu không chào bán hết

Số cổ phiếu không chào bán hết sẽ do Hội đồng quản trị tìm kiếm đối tác chào bán với giá bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TÓI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức chào bán

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Trụ sở chính: Cụm công nghiệp Thi Sơn, Xã Thi Sơn, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam
Điện thoại: 84-351 353 3038 Fax: 84-351 353 389
Website: <http://www.feconmining.com.vn/>

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM

Trụ sở chính: Số 17, Lô 2C, Khu đô thị Trung Yên, Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 84-4 37832121 Fax: 84-4 37832121

3. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

* Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 1&7, Tòa nhà Trung Yên Plaza, Lô O17, KĐT Trung Yên,
P.Trung Hòa, Q.Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 84-4 37726699 Fax: 84-4 37726763
Website: <http://www.ocs.com.vn/>

* Chi nhánh Sài Gòn

Địa chỉ: Tầng M - tòa nhà Central Park - số 117 Nguyễn Du, Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 84-8 62906296 Fax: 84-8 62906399

IX. PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- 2. Phụ lục II:** Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty
- 3. Phụ lục III:** Bản sao hợp lệ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012, 2013
- 4. Phụ lục IV:** Các giấy tờ pháp lý có liên quan

Hà Nội, ngày 29 tháng 05 năm 2014

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



HÀ THỊ LỘN

GIÁM ĐỐC



HÀ THỊ PHƯƠNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

NGUYỄN THÀNH PHƯƠNG

TRƯỞNG PHÒNG TC-KT

NGÔ THỊ THANH

TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

TỔNG GIÁM ĐỐC ~~~~~



VŨ HỒNG SƠN



OCEAN SECURITIES

ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH 11 ban hành ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON;
- Căn cứ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON ngày 01/03/2014;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua các báo cáo:

1. Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014:

Các chỉ tiêu kinh doanh năm 2013 sau khi hợp nhất của Công ty như sau:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2013 (triệu đồng)	Thực hiện Năm 2013 (triệu đồng)	Năm 2012 (triệu đồng)	% tăng giảm so với năm 2012	% thực hiện so với kế hoạch
1	Doanh thu thuần	850.000	423.485	265.425	59,55%	49,82%
2	Lợi nhuận trước thuế	128.000	48.005	23.874	101%	37,5%
3	Lợi nhuận sau thuế	96.000	35.785	17.849	100,5%	37,27%
4	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	11,29%	8,45%	6,72%		

Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2014 :

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013	Tăng trưởng (%)
1	Doanh thu	660.000	423.485	56%
	Doanh thu phần cọc	510.000	423.485	20,43%
	Doanh thu phần khoáng sản	150.000	0	100%
2	Lợi nhuận trước thuế	88.000	48.005	83,31%
3	Lợi nhuận sau thuế	66.000	35.785	84,43%

2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị.
3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 2: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013 và việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2014:

1. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013

- Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán của công ty mẹ FCM và của hợp nhất: Chi tiết đăng tại website <http://www.feconmining.com.vn/>; và trang web chính thức của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.
- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2013 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Tổng tài sản	Đồng	567.829.804.966	573.558.955.919
2	Vốn chủ sở hữu	Đồng	302.866.900.160	305.876.267.059
3	Doanh thu thuần	Đồng	423.485.066.539	423.485.066.539
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ	31.210.669.444	35.785.669.444
5	Lãi cơ bản trên cổ phần	Đồng/cổ phiếu	1.229	1.409

2. Lựa chọn công ty kiểm toán cho năm 2014

a. Tiêu thức lựa chọn Công ty kiểm toán:

- Là công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán năm 2014;
- Có kinh nghiệm kiểm toán cho các công ty, tập đoàn lớn trong lĩnh vực kinh doanh du lịch; tài chính, sản xuất và đầu tư xây dựng.
- Có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ và nhiều kinh nghiệm;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đáp ứng được yêu cầu của công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán trên cơ sở xem xét các văn bản chào phí kiểm toán và phạm vi kiểm toán.

b. Danh sách các công ty kiểm toán để lựa chọn:

1. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
2. Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA);
3. Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn Thăng Long TDK.

Thông qua việc uỷ quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện việc lựa chọn một trong các công ty kiểm toán nêu trên và giao cho Giám đốc công ty ký hợp đồng kiểm toán. Trong trường hợp không thống nhất được với những Công ty Kiểm toán trên về tiến độ và mức phí kiểm toán, Đại



hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các Công ty Kiểm toán còn lại trong Danh sách Công ty Kiểm toán độc lập được chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để tiến hành Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014 và soát xét Báo cáo tài chính Quý, Báo cáo tài chính bán niên năm 2014 (nếu cần thiết theo yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước).

Điều 3: Thông qua phân phối lợi nhuận năm 2013, và kế hoạch lợi nhuận kinh doanh năm 2014:

1. Phân phối lợi nhuận năm 2013

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ so với LNST(%)	Giá trị (đồng)
I	Lợi nhuận sau thuế năm 2013 (LNST)	100%	35.785.669.444
II	Phân phối lợi nhuận sau thuế	70,55%	25.248.417.361
1	Thù lao, phụ cấp thành viên HĐQT, BKS, thư ký năm 2013 của Công ty mẹ FCM	0,62%	222.000.000
2	Chia cổ tức: 6% vốn điều lệ	44,93%	16.080.000.000
3	Trích lập các quỹ	25%	8.946.417.361
3.1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15%	5.367.850.417
3.2	Quỹ dự phòng tài chính	5%	1.789.283.472
3.3	Quỹ đầu tư phát triển	5%	1.789.283.472
III	Lợi nhuận sau thuế năm 2013 còn lại chưa phân phối	29,45%	10.537.252.083

Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động xác định ngày chốt danh sách cổ đông và ngày chi trả cổ tức.

2. Kế hoạch hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2014

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Kế hoạch năm 2014	Tỷ lệ tăng (%)
1	Vốn điều lệ	Tỷ	268	410	52,985%
2	Doanh thu	Tỷ	423	660	56%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ	35,785	66	84%
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/cổ phiếu	1.409	1.970	39,82%
5	Cổ tức (% vốn điều lệ)	%	6	10	66,67%

Điều 4: Thông qua tờ trình quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2013 và kế hoạch quỹ thù lao năm 2014:

1. Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2013

Mức phân phối thù lao năm 2013 của HĐQT và BKS là: 222.000.000 đồng.

2. Kế hoạch phân phối thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT 2014

- Mức trả thù lao: 1,5% lợi nhuận sau thuế.
- Ủy quyền Hội đồng quản trị chọn thời điểm phân bổ thù lao Hội đồng quản trị và quyết định hạch toán các khoản tiền trên phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi nhất cho công ty.

Điều 5: Thông qua tờ trình về phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ:

1. Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ

1. Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON
2. Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
3. Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu
4. Mã cổ phiếu : FCM
5. Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 14.200.000 cổ phần (*Mười bốn triệu hai trăm nghìn cổ phần*), tương ứng với 52,985% vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2013
Trong đó:
 - Cổ đông hiện hữu : 13.400.000 cổ phần (*Mười ba triệu bốn trăm nghìn cổ phần*)
 - Cán bộ CNV : 800.000 cổ phần (*tám trăm nghìn cổ phần*)
6. Tổng giá trị phát hành : 142.000.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi hai tỷ đồng*)
7. Đối tượng phát hành :
 - Cổ đông hiện hữu : Là các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền mua cổ phần.
 - Cán bộ CBCNV : Cán bộ công nhân viên có tên trong danh sách người lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2013
8. Phương án phân phối :
 - Cổ đông hiện hữu: Cổ phần phát hành thêm được phân phối theo phương thức thực hiện quyền với tỷ lệ 2:1. Theo đó, cổ đông sở hữu 01 (một) cổ phần tại ngày đăng ký cuối cùng sẽ nhận được 01 (một) quyền mua, cứ 02 (hai) quyền mua sẽ được mua 01 cổ phần phát hành thêm.
 - Cán bộ CBCNV : Ủy quyền cho HĐQT xây dựng và thông qua phương án phân phối.
9. Nguyên tắc làm tròn : Số quyền mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

10. Giá Phát hành

- Cổ đông hiện hữu : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Cán bộ CBCNV : 10.000 đồng/cổ phiếu

11. Nguyên tắc xác định giá phát hành : Công ty sử dụng giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2013 và giá trị thị trường bình quân 30 phiên làm căn cứ tính giá dự kiến phát hành cho các đối tượng phát hành. Để đảm bảo thành công của đợt phát hành, ĐHĐCĐ quyết định mức giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu. Mức giá phát hành đối với cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn (nếu có) và cổ phiếu còn thừa do cổ đông hiện hữu từ chối mua cho các đối tượng khác không thấp hơn mức giá phát hành cho cổ đông hiện hữu.

12. Đánh giá mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành : Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu, giá của cổ phiếu Công ty sẽ được thị trường điều chỉnh theo công thức sau:

$$\text{Giá trị thị trường (điều chỉnh)} = \frac{\text{PR}_{t-1} + (\text{I} \times \text{PR})}{1 + \text{I}}$$

Trong đó:

PR_{t-1} : Giá giao dịch của Công ty ngày trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền

PR : Giá phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu

I : Tỷ lệ tăng vốn

Mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến sau phát hành (dự kiến đợt phát hành thành công 100%):

Chỉ tiêu	Trước phát hành	Dự kiến sau phát hành
Giá trị sổ sách	11.301 đồng/cổ phần	10.867 đồng/cổ phần
Giá đóng cửa cổ phiếu FCM ngày 13/2/2014	14.900 đồng/cổ phần	13.267 đồng/cổ phần

14. Thời gian thực hiện : Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn thời gian thích hợp để thực hiện

15. Thời gian chào bán dự kiến : Sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định

16. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh, cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu và/hoặc CBCNV từ

- Đối với cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn (nếu có) và cổ phiếu còn thừa do cổ đông hiện hữu và hoặc CBCNV không mua hết và/hoặc từ chối mua và/hoặc đến hết hạn đóng tiền mua cổ phần

chối mua

mà không đóng tiền mua: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện chào bán số cổ phần này cho các đối tượng khác mà Hội đồng quản trị xét thấy là phù hợp với điều kiện giá bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu và đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

- Trong trường hợp hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn, nếu có), nếu vẫn còn cổ phần chưa được phân phối hết thì số cổ phần chưa phân phối hết này được hủy phát hành và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt phát hành.

17. Lưu ký và Niêm yết cổ phiếu : Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và thực hiện niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh theo đúng quy định của pháp luật.
18. Phương án huy động vốn để thực hiện các dự án đầu tư trong trường hợp cổ phần không chào bán hết theo dự kiến : Trong trường hợp cổ phần không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, Hội đồng quản trị sẽ cân nhắc điều chỉnh tiến độ dự án và huy động nguồn vốn vay ngân hàng để bù đắp.

2. Mục đích phát hành và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành:

❖ Mục đích phát hành

- Tài trợ cho dự án đầu tư nhà xưởng, máy móc thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất.
- Đầu tư dự án Khu dịch vụ và thương mại Ngũ Động Sơn
- Tăng tỷ lệ vốn góp tại Công ty Cổ phần Fecon Nghi Sơn
- Bổ sung vốn lưu động.

❖ Phương án sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành

STT	Đối tượng giải ngân dự kiến	Số tiền (đồng)
1	Đầu tư máy móc thiết bị, nhà xưởng	49.500.000.000
1.1	Xưởng gia công bích đầu cọc	7.000.000.000
1.2	Cầu trục Long Môn	20.000.000.000
1.3	Khuôn cọc và máy sản xuất	22.500.000.000
2	Đầu tư xây dựng xưởng cát nhân tạo	14.500.000.000
2.1	Kinh phí xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật nhà xưởng	4.000.000.000
2.2	Dây chuyền máy móc thiết bị	10.500.000.000

3	Đầu tư khu dịch vụ và thương mại Ngũ Động Sơn và mở rộng nhà máy về phía đông	13.000.000.000
3.1	Chi phí san lấp	2.500.000.000
3.2	Kinh phí đèn bù, giải phóng mặt bằng	4.500.000.000
3.3	Làm đường và các công trình mở rộng khác	6.000.000.000
4	Tăng tỷ lệ phần vốn góp tại Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn	30.000.000.000
5	Bổ sung vốn lưu động	35.000.000.000
	Tổng cộng	142.000.000.000

Chi tiết:

1. *Đầu tư mộc móc thiết bị, nhà xưởng:*

Căn cứ theo nhu cầu của thị trường về sản phẩm cọc bê tông dự ứng lực cường độ cao ngày càng gia tăng cả về số lượng, chất lượng và chủng loại các loại cọc, đồng thời để chủ động nguyên vật liệu đầu vào sản xuất cọc bê tông là bích đầu cọc và nâng cao năng lực sản xuất hiện tại, Công ty có kế hoạch mở rộng hoạt động sản xuất tại nhà máy Hà Nam. Theo đó, trong năm 2014, nhà máy sẽ triển khai xây dựng một xưởng gia công bích đầu cọc, mua thêm các khuôn cọc có đường kính lớn hơn và có độ dài lớn hơn, và mua thêm cầu trục Long Môn và máy sản xuất phục vụ cho việc sản xuất cọc bê tông theo khuôn cọc mới, với tổng chi phí là 49,5 tỷ đồng.

2. *Đầu tư xây dựng xưởng cát nhân tạo:*

Để chủ động nguồn nguyên liệu cát phục vụ cho việc sản xuất cọc bê tông dự ứng lực, và hiện nay nguồn cát xây dựng được khai thác từ tự nhiên ở sông, suối đang cạn kiệt, nên để đáp ứng nhu cầu thị trường về vật liệu xây dựng, đồng thời tận thu được tối đa sản phẩm đá vụn từ các mỏ đá Công ty đang và sẽ khai thác với chi phí hiệu quả. Trong năm 2014, FCM sẽ triển khai xây dựng xưởng cát nhân tạo với tổng kinh phí xây dựng nhà xưởng và dây chuyền sản xuất khoảng 14,5 tỷ đồng.

Dây chuyền sản xuất cát nhân tạo sẽ theo quy trình như sau: Từ nguyên liệu là đá cuội, đá vụn được khai thác tại các mỏ của Công ty được đưa về diêm tập kết vật liệu, sau đó đưa vào máy cấp liệu rung, rồi máy nghiền hàm. Máy này hoạt động theo hình thức chuyển động nén, vật liệu được đưa xuống bị nén, ép nghiền và chảy ra ngoài qua máy sàng phân loại. Từ đây vật liệu được chia thành nhóm có kích thước nhất định thông qua hệ thống sàng rồi chuyển qua máy nghiền nát. Quá trình này sẽ làm cho vật liệu và đập chuyển động tương hỗ với tốc độ cao và ma sát giữa các nguyên liệu tạo thành sản phẩm. Cát được đưa xuống máy rửa cát để loại bỏ tạp chất cho ra sản phẩm cát sạch, chủ yếu dùng cho sản xuất bê tông. Đây là loại cát công nghiệp, không có tạp chất hữu cơ hay các tính ăn mòn khác, cường độ chịu nén đạt tiêu chuẩn chất lượng TCVN 1771 – 1987, sản phẩm dễ được tiêu thụ, giá cả hợp lý, chất lượng được đảm bảo.

3. *Đầu tư khu dịch vụ và thương mại Ngũ Động Sơn và mở rộng nhà máy về phía đông:*

Công ty đã hoàn thiện hồ sơ lên UBND tỉnh Hà Nam để xin được thuê thêm đất để mở rộng nhà máy sản xuất hiện tại ở Hà Nam về phía đông nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng phát triển sản xuất (với diện tích 4,1 ha).

Đồng thời Công ty FECON Invest - một công ty con của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON do ông Phạm Trung Thành làm Giám đốc đang tiến hành các thủ tục đền bù giải phóng mặt bằng cho dự án Khu dịch vụ và thương mại “Ngũ Động Sơn” theo quyết định thu hồi giao đất của UBND tỉnh Hà Nam vào thời điểm tháng 12 năm 2013.

Theo đánh giá của Công ty, dự kiến các khoản chi phí đầu tư đối với khu dịch vụ và thương mại Ngũ Động Sơn và mở rộng nhà máy bao gồm: chi phí san lấp, đền bù, giải phóng mặt bằng, làm đường và các công trình khác sẽ có giá trị khoảng 13 tỷ đồng.

4. *Bổ sung vốn lưu động:*

Trước việc mở rộng lĩnh vực kinh doanh sang hoạt động khai thác mỏ và sản xuất, cung cấp vật liệu xây dựng, và kế hoạch mở rộng năng lực sản xuất của Nhà máy hiện tại, đồng thời để giảm bớt áp lực vay ngắn hạn ngân hàng để đáp ứng nguồn vốn thu mua nguyên vật liệu, dự kiến trong thời gian tới, FCM sẽ cần phải bổ sung nguồn vốn lưu động với giá trị khoảng 35 tỷ đồng.

5. *Tăng tỷ lệ phần vốn góp tại Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn:*

Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn được thành lập vào tháng 5 năm 2013, trên cơ sở góp vốn liên doanh giữa Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON (30%), Công ty CP Khoáng sản FECON (15%) và đối tác Trung Quốc. Lĩnh vực kinh doanh chính của CTCP FECON Nghi Sơn là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bê tông, trước mắt là sản xuất và cung cấp cọc bê tông ly tâm dự ứng lực có đường kính từ D500 – D800mm, công suất từ 3000 đến 4000m cọc/ngày cho các dự án lớn đang và sắp triển khai tại Khu vực Miền Trung.

Nhà máy sản xuất cọc bê tông dự ứng lực FECON Nghi Sơn với tổng mức đầu tư 100 tỷ đồng nhằm mục tiêu cung cấp các sản phẩm cọc bê tông mang thương hiệu FECON cho các dự án lớn tại Khu kinh tế Nghi Sơn, tiếp theo là mở rộng ra thị trường miền Trung, Lào đã được khánh thành vào tháng 11 năm 2013.

Trong thời gian tới, để tăng cường sự kiểm soát của Công ty tại FECON Nghi Sơn, đồng thời để mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh của Công ty vào thị trường miền Trung, Công ty có kế hoạch đàm phán để mua lại 30% phần vốn góp của các cổ đông khác tại Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn. Dựa trên cơ sở tính toán tổng mức vốn đã đầu tư của các cổ đông tại FECON Nghi Sơn, và thực tế hoạt động sản xuất mà FECON Nghi Sơn đang vận hành, Hội đồng quản trị FCM dự tính mức giá để mua lại 30% số cổ phần của FECON Nghi Sơn sẽ có giá trị khoảng 30 tỷ đồng.

3. **Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị:**

- Xây dựng phương án phát hành chi tiết, lựa chọn thời điểm và thực hiện các thủ tục cần thiết để triển khai phương án phát hành đối với từng đối tượng phát hành;
- Chủ động xây dựng hồ sơ báo cáo phát hành cổ phiếu gửi cho UBCKNN và giải trình hồ sơ với UBCKNN (nếu có);
- Xây dựng phương án phân phối cổ phần cho Cán bộ CNV, phê duyệt danh sách sách người lao động được mua cổ phiếu và phương án phân phối cho từng CBCNV;
- HĐQT chào bán số cổ phiếu lẻ phát sinh và số cổ phiếu chưa phân phối hết sau khi thực hiện chào bán cho cổ đông hiện hữu và CBCNV với các điều kiện chào bán không ưu đãi hơn so với cổ đông hiện hữu;

- Hoàn tất các thủ tục tăng vốn Điều lệ của Công ty tương ứng với kết quả đợt phát hành bao gồm: sửa đổi điều lệ theo đúng mức vốn điều lệ, số cổ phần, cổ phiếu thực tăng trong năm 2014, thay đổi giấy đăng ký kinh doanh của Công ty với mức vốn điều lệ thực tăng trong năm 2014 và các thủ tục khác theo quy định;
- Thực hiện đăng ký, lưu ký và niêm yết bổ sung toàn bộ cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu và toàn bộ cổ phiếu phát hành cho CBCNV tại Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam và Sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh ngay sau khi hoàn tất đợt phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán;
- Lựa chọn và ký Hợp đồng tư vấn, Hợp đồng bảo lãnh phát hành (nếu có) để thực hiện thành công phương án tăng vốn.

Điều 6: Thông qua việc miễn nhiệm các chức danh sau:

- Miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Phùng Tiến Trung.
- Miễn nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát đối với bà Ngô Thị Thanh.

Điều 7: Thông qua thành viên HĐQT, BKS được bầu bổ sung nhiệm kỳ 2010 - 2015 (Thời hạn từ ngày 01/3/2014 đến hết nhiệm kỳ 2010 – 2015)

- | | |
|-----------------------|-------------------|
| - Ông Ngô Mạnh Quân | - thành viên HĐQT |
| - Ông Nguyễn Quốc Đức | - thành viên BKS |

Điều 8: Điều khoản thi hành

Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai thành công Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

Nơi nhận:

- UBCKNN, HSX(báo cáo)
- TV.HĐQT; BĐH (T/hiện); BKS (g/sát)
- Lưu VP.



CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN FECON

Số: 0204/2014/QĐ-HDQT



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nam, ngày 02 tháng 4 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON
V/v: Triển khai phát hành cổ phiếu ra công chúng
tăng vốn điều lệ lên 410 tỷ đồng

CHỦ TỊCH HĐQT

Hà Thế Lộng

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH 11 ban hành ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty;
- Căn cứ nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014 số 0103/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01 tháng 03 năm 2014 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu;
- Căn cứ biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty ngày 02 tháng 4 năm 2014 về việc triển khai phát hành cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ lên 410 tỷ đồng.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Quyết định triển khai việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2014 theo phương án chi tiết như sau:

- Mục đích phát hành và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành: Toàn bộ số tiền 142 tỷ đồng thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng để:
 - Tài trợ cho dự án đầu tư nhà xưởng, máy móc thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất;
 - Đầu tư dự án Khu dịch vụ và thương mại Ngũ Động Sơn và mở rộng nhà máy;
 - Tăng tỷ lệ vốn góp tại Công ty Cổ phần Fecon Nghi Sơn;
 - Bổ sung vốn lưu động.

Cụ thể như sau:

STT	Đối tượng giải ngân dự kiến	Số tiền (đồng)
1	Đầu tư máy móc thiết bị, nhà xưởng	49.500.000.000
1.1	Xưởng gia công bích đầu cọc	7.000.000.000
1.2	Cầu trục Long Môn	20.000.000.000
1.3	Khuôn cọc và máy sản xuất	22.500.000.000
2	Đầu tư xây dựng xưởng cát nhân tạo	14.500.000.000
2.1	Kinh phí xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật nhà xưởng	4.000.000.000
2.2	Dây chuyền máy móc thiết bị	10.500.000.000
3	Đầu tư khu dịch vụ và thương mại Ngũ Động Sơn và mở rộng nhà máy về phía đông	13.000.000.000

3.1	Chi phí san lấp	2.500.000.000
3.2	Kinh phí đền bù, giải phóng mặt bằng	4.500.000.000
3.3	Làm đường và các công trình mở rộng khác	6.000.000.000
4	<i>Tăng tỷ lệ phần vốn góp tại Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn</i>	30.000.000.000
5	<i>Bổ sung vốn lưu động</i>	35.000.000.000
	Tổng cộng	142.000.000.000

- Cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần dự kiến chào bán: 14.200.000 cổ phần (*Mười bốn triệu hai trăm nghìn cổ phần*)
- Vốn điều lệ trước khi chào bán: 268.000.000.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi tám tỷ đồng*)
- Vốn điều lệ sau khi chào bán: 410.000.000.000 đồng (*Bốn trăm mươi tỷ đồng*)
- Thời gian dự kiến phát hành: Năm 2014, trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được Giấy chấp nhận chào bán chứng khoán ra công chúng
- Đối tượng phát hành:
 - Cổ đông hiện hữu: Là các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền mua cổ phần.
 - Cán bộ công nhân viên: Cán bộ công nhân viên có tên trong danh sách người lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2013
- Phương án phân phối:
 - Cổ đông hiện hữu: Cổ phần phát hành thêm được phân phối theo phương thức thực hiện quyền với tỷ lệ 2:1. Theo đó, cổ đông sở hữu 01 (một) cổ phần tại ngày đăng ký cuối cùng sẽ nhận được 01 (một) quyền mua, cứ 02 (hai) quyền mua sẽ được mua 01 cổ phần phát hành thêm.
 - Cán bộ công nhân viên: Số lượng cổ phần phát hành thêm được phân phối tới từng cán bộ công nhân viên chi tiết như sau:

STT	Vị trí Kinh nghiệm				
		≥ 6 năm	≥ 5 năm	≥ 3 năm	≥ 2 năm
1	Ban lãnh đạo	25.000	20.000	15.000	10.000
2	Trưởng phòng ban- bộ phận	18.000	15.000	12.000	7.000

3	Phó phòng ban- bộ phận	15.000	10.000	7.000	5.000
4	Nhân viên phòng ban- Tổ trưởng sản xuất	10.000	5.500	3.500	2.000
5	Công nhân sản xuất	8.000	4.000	2.500	1.000

- Giá phát hành:

- Cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/cổ phần
 - Cán bộ công nhân viên: 10.000 đồng/cổ phần
- Nguyên tắc xác định giá phát hành và đánh giá mức độ pha loãng cổ phần dự kiến sau phát hành:
 - Nguyên tắc xác định giá phát hành: Công ty sử dụng giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2013 và giá trị thị trường bình quân 30 phiên làm căn cứ tính giá dự kiến phát hành cho các đối tượng phát hành. Để đảm bảo thành công của đợt phát hành, ĐHĐCĐ quyết định mức giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu. Mức giá phát hành đối với cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn (nếu có) và cổ phiếu còn thừa do cổ đông hiện hữu từ chối mua cho các đối tượng khác không thấp hơn mức giá phát hành cho cổ đông hiện hữu.
 - Mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến sau phát hành (dự kiến đợt phát hành thành công 100%):

Chỉ tiêu	Trước phát hành	Dự kiến sau phát hành
Giá trị sổ sách	11.301 đồng/cổ phần	10.850 đồng/cổ phần
Giá đóng cửa cổ phiếu FCM ngày 05/03/2014	17.700 đồng/cổ phần	15.033 đồng/cổ phần

- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu cổ đông hiện hữu không mua hết:

- Đối với cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn (nếu có) và cổ phiếu còn thừa do cổ đông hiện hữu và hoặc CBCNV không mua hết và/hoặc từ chối mua và/hoặc đến hết hạn đóng tiền mua cổ phần mà không đóng tiền mua: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện chào bán số cổ phần này cho các đối tượng khác mà Hội đồng quản trị xem thấy là phù hợp với điều kiện giá bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu và đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.
 - Trong trường hợp hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn, nếu có), nếu vẫn còn cổ phần chưa được phân phối hết thì số cổ phần chưa phân phối hết này được hủy phát hành và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt phát hành..
 - Chuyển nhượng quyền mua cổ phần:

- Quyền mua của cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên được phép chuyển nhượng trong thời gian quy định, và chỉ được chuyển nhượng 01 lần. Nghĩa là người nhận chuyển nhượng không được phép chuyển nhượng lại cho người thứ 02.
- Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận giá chuyển nhượng quyền mua và tự thanh toán tiền chuyển nhượng.
- Đơn vị tư vấn chào bán cổ phần: Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương – Tầng 1&7, Tòa nhà Trung Yên Plaza (Tòa nhà OceanGroup) Lô O17, Khu Đô thị mới Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điều 2: Giao cho Ban Giám đốc và các bộ phận liên quan trong Công ty chịu trách nhiệm tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện phát hành theo luật định và sửa đổi bổ sung Điều lệ, đăng ký thay đổi Giấy phép kinh doanh theo đúng quy định hiện hành. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- *TV.HĐQT*,
- *BĐH (thực hiện)*;
- *BKS (báo cáo)*;
- *Lưu VP*.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH mu



HA THÉ LỘNG



CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN FECON



Số: 0204-1/2014/NQ-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nam, ngày 02 tháng 4 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

V/v: Thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu ra công chúng
tăng vốn điều lệ lên 410 tỷ đồng

CHỦ TỊCH HĐQT
Hà Thế Lộng

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH 11 ban hành ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty;
- Căn cứ nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014 số 0103/2014/NQ-DHĐCD ngày 01 tháng 03 năm 2014 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu;
- Căn cứ nghị quyết Hội đồng quản trị số 0204/2014/NQ-HĐQT ngày 02 tháng 4 năm 2014 triển khai phát hành cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ lên 410 tỷ đồng;
- Căn cứ biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty ngày 02 tháng 4 năm 2014 về việc thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ lên 410 tỷ đồng.

Sau khi xem xét toàn bộ hồ sơ phát hành cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ lên 410 tỷ đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ lên 410 tỷ đồng trong năm 2014, hồ sơ bao gồm:

1. Bản cáo bạch;
2. Giấy đăng ký doanh nghiệp;
3. Điều lệ Công ty;
4. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán và thực hiện niêm yết cổ phiếu phát hành thêm trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh;
5. Nghị quyết của HĐQT về triển khai phát hành cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ lên 410 tỷ đồng;
6. Nghị quyết HĐQT thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu ra công chúng;
7. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2012 và năm 2013;

8. Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS), Ban Tổng Giám đốc (BTGĐ), Trưởng phòng TC- KT (TP TC-KT) của Công ty.
9. Danh sách người có liên quan với thành viên HĐQT, BKS, BTGĐ, TP TC-KT của Công ty;
10. Các hồ sơ pháp lý của dự án khu dịch vụ và thương mại Ngũ Động Sơn; Việc tăng vốn góp tại FECON Nghi Sơn.
11. Hợp đồng tư vấn phát hành với OCS.

Điều 2: Giao cho Ban Giám đốc và các bộ phận liên quan trong Công ty chịu trách nhiệm tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện chào bán cổ phiếu theo đúng Luật định.

Nghị Quyết này có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- *TV.HĐQT*
- *BĐH (thực hiện)*;
- *BKS (báo cáo)*;
- *Lưu VP*.



SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 9 tháng 5 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN FECON

Số 1404/2014/QĐ-HĐQT



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nam, ngày 14 tháng 04 năm 2014



**QUYẾT ĐỊNH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

V/v: Thông qua danh sách người lao động của Công ty được mua cổ phiếu trong năm 2014

CHỦ TỊCH HĐQT

Hà Thế Lộng

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH 11 ban hành ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty;
- Căn cứ nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014 số 0103/2014/NQ-DHĐCĐ ngày 01 tháng 03 năm 2014 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu;
- Căn cứ nghị quyết Hội đồng quản trị số 0204/2014/NQ-HĐQT ngày 02 tháng 04 năm 2014 triển khai phát hành cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ lên 410 tỷ đồng;
- Căn cứ biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty ngày 14 tháng 04 năm 2014 về việc thông qua danh sách người lao động của Công ty được mua cổ phiếu trong năm 2014.

Sau khi xem xét toàn bộ hồ sơ phát hành cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ lên 410 tỷ đồng.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
QUYẾT ĐỊNH**

Điều 1: Thông qua thông qua danh sách người lao động của Công ty được mua cổ phiếu trong năm 2014 đáp ứng các tiêu chí để được phân phối cổ phiếu đã được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị số 0204/2014/NQ-HĐQT ngày 02 tháng 04 năm 2014 triển khai phát hành cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ lên 410 tỷ đồng như sau:

STT	Vị trí	Kinh nghiệm	≥ 6 năm	≥ 5 năm	≥ 3 năm	≥ 2 năm
1	Ban lãnh đạo		25.000	20.000	15.000	10.000
2	Trưởng phòng ban- bộ phận		18.000	15.000	12.000	7.000
3	Phó phòng ban- bộ phận		15.000	10.000	7.000	5.000

STT	Vị trí	Kinh nghiệm	≥ 6 năm	≥ 5 năm	≥ 3 năm	≥ 2 năm
4	Nhân viên phòng ban- Tổ trưởng sản xuất		10.000	5.500	3.500	2.000
5	Công nhân sản xuất		8.000	4.000	2.500	1.000

Chi tiết danh sách người lao động của Công ty được đính kèm.

Điều 2: Giao cho Ban Giám đốc và các bộ phận liên quan trong Công ty chịu trách nhiệm tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện chào bán cổ phiếu cho các người lao động của Công ty theo đúng Luật định.

Nghị Quyết này có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TV.HĐQT;
- BĐH (thực hiện);
- BKS (báo cáo);
- Lưu VP.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN FECON



Số: 1704/2014/QĐ-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nam, ngày 17 tháng 04 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

V/v: phương án xử lý trường hợp phát hành cổ phiếu không thu đủ tiền như dự kiến

CHỦ TỊCH HĐQT

Hà Thế Lồng

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH 11 ban hành ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON;
- Căn cứ nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014 số 0103/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01 tháng 03 năm 2014 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu;
- Căn cứ nghị quyết Hội đồng quản trị số 0204/2014/NQ-HĐQT ngày 02 tháng 04 năm 2014 triển khai phát hành cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ lên 410 tỷ đồng;
- Căn cứ biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty ngày 17 tháng 04 năm 2014 về việc thông qua phương án xử lý trường hợp phát hành cổ phiếu không thu đủ tiền như dự kiến.

Sau khi xem xét toàn bộ hồ sơ phát hành cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ lên 410 tỷ đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thông qua phương án xử lý trong trường hợp đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên mức 410.000.000.000 đồng không thu đủ tiền như dự kiến. Cụ thể như sau:

- Số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành dự kiến là 142.000.000.000 (một trăm bốn mươi hai tỷ) đồng.
- Phương án xử lý khi đợt phát hành không thu đủ số tiền như dự kiến: Căn cứ kết quả phát hành Hội đồng quản trị sẽ xem xét điều chỉnh dự án đồng thời tìm kiếm các nguồn vốn vay ngân hàng để bù đắp cho giá trị cổ phiếu chào bán nhưng không thành công theo hướng ưu tiên sử dụng các nguồn vốn vay để triển khai hiệu quả các khoản mục đầu tư trước khi thực hiện điều chỉnh tiến độ dự án.

Các nguồn vốn huy động được sẽ được ưu tiên sử dụng lần lượt cho các mục đích như sau:

1. Đầu tư máy móc thiết bị, nhà xưởng;
2. Đầu tư khu dịch vụ thương mại Ngũ Động Sơn và mở rộng nhà máy về phía đông. Với công việc chính là mở rộng đường vào nhà máy, bao gồm các hạng mục cụ thể là: san lấp, đèn bù, giải phòng mặt bằng và làm đường và các công trình mở rộng khác; que

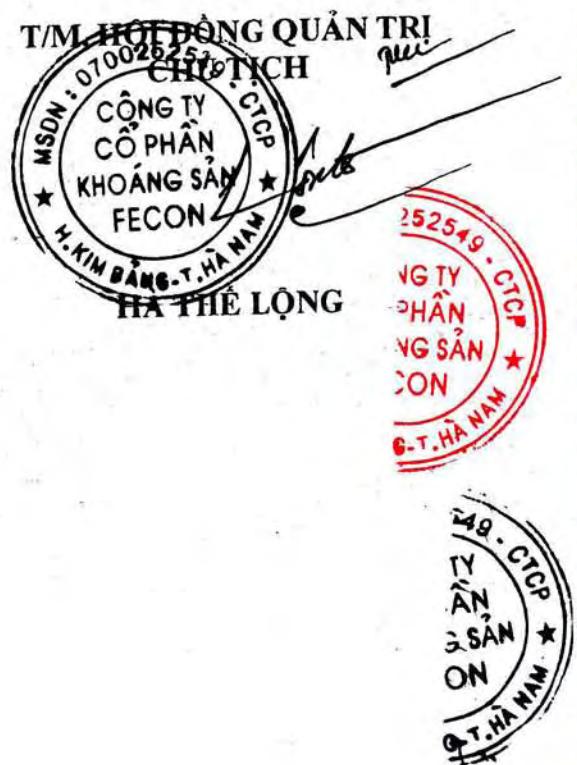
3. Tăng tỷ lệ phần vốn góp tại Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn;
4. Đầu tư xây dựng xưởng cát nhân tạo;
5. Bổ sung vốn lưu động.

Điều 2: Giao cho Ban Giám đốc và các bộ phận liên quan thực hiện.

Nghị Quyết này có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- *TV.HĐQT,*
- *BĐH (thực hiện);*
- *BKS (báo cáo);*
- *Lưu VP.*



BẢN SAO

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

Số: 994 /UBND-GTXD

V/v khảo sát, lập quy hoạch, nghiên cứu
đầu tư xây dựng Khu trung tâm thương mại
và văn phòng giao dịch của Công ty trách
nhiệm hữu hạn đầu tư Fecon

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nam, ngày 29 tháng 7 năm 2011

Kính gửi:

- Sở Xây dựng;
- Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng;
- Công ty TNHH đầu tư Fecon.

Sau khi xem xét đề nghị của Công ty TNHH đầu tư Fecon (*tại Tờ trình số 0317/2011/ĐT ngày 17 tháng 3 năm 2011*), của Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng (*tại Tờ trình số 48/TTr-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2011*), của Sở Xây dựng (*tại Công văn số 429/SXD ngày 07 tháng 7 năm 2011*), về việc khảo sát, lập quy hoạch, nghiên cứu đầu tư xây dựng Khu trung tâm thương mại và văn phòng giao dịch của Công ty TNHH đầu tư Fecon; căn cứ kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại hội nghị giao ban tuần ngày 18 tháng 7 năm 2011 (tuần thứ 30), Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Đồng ý về chủ trương cho Công ty TNHH đầu tư Fecon khảo sát, lập quy hoạch, nghiên cứu đầu tư xây dựng Khu trung tâm thương mại và văn phòng giao dịch của Công ty TNHH đầu tư Fecon (*phạm vi lập quy hoạch khoảng 0,6ha*).

Yêu cầu Công ty TNHH đầu tư Fecon chuẩn bị hồ sơ năng lực về tài chính, kinh nghiệm quản lý, ý tưởng quy hoạch, ý tưởng đầu tư, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định (*thời gian báo cáo trong tháng 8 năm 2011*).

2. Giao các Sở, Ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng hướng dẫn Công ty TNHH đầu tư Fecon tổ chức, thực hiện chủ trương trên.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (để b/k) Ngày 13-05-2014
- Chủ tịch, các PCTUBND tỉnh;
- Như kính gửi;
- Các Sở: XD, KH, TC, TN;
- VPUB: LĐVP(3), TH;
- Lưu VT, XD.
- QH. - D\CV\2011\085



Mai Tiến Dũng

KÝ CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
ĐINH VĂN DƯƠNG

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1034 /UBND-GTXD
V/v thu hồi 02 Dự án tại Cụm CN
Thi Sơn của Công ty TNHH đầu tư
Fecon và giao cho Công ty cổ phần
Khoáng sản Fecon thực hiện

Hà Nam, ngày 21 tháng 6 năm 2013

Kính gửi:

- Các Sở, Ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Cục Thuế tỉnh;
- Công ty TNHH Đầu tư Fecon, Công ty cổ phần Khoáng sản Fecon.

Sau khi xem xét đề nghị của Công ty TNHH Đầu tư Fecon (*tại Công văn số 130606/2013/CV-FECON ngày 06 tháng 6 năm 2013*) và đề nghị của Công ty cổ phần Khoáng sản Fecon (*tại Công văn số 160604/CV-FCM ngày 04 tháng 6 năm 2013*) về việc cho Công ty cổ phần Khoáng sản Fecon thuê lại khu đất của Công ty TNHH Đầu tư Fecon; căn cứ kết luận tại Hội nghị giao ban tuần ngày 07 tháng 6 năm 2013 (*tuần thứ 24*), Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Đồng ý chủ trương thu hồi Dự án xây dựng Xưởng chế biến vật liệu xây dựng (*diện tích 14.888m²*) và Dự án Khu dịch vụ thương mại và du lịch Ngũ Động Thi Sơn (*diện tích 5.800m²*) của Công ty TNHH Đầu tư Fecon tại Cụm công nghiệp Thi Sơn và giao 02 Dự án này cho Công ty cổ phần Khoáng sản Fecon tiếp tục thực hiện.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn Công ty TNHH Đầu tư Fecon, Công ty cổ phần Khoáng sản Fecon hoàn tất các thủ tục để thực hiện chủ trương trên, thẩm định và báo cáo theo đúng quy định.*(ký)*

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
 - PCTUBND tỉnh (đ/c Lợi);
 - Như kính gửi;
 - UBND H. Kim Bảng;
 - VPUB: CPVP (2), TC, TH;
 - Lưu VT, XD.
- QH. - D1CV12013/095



CHỦ TỊCH



Mai Tiên Dũng

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
NGUYỄN VĂN DŨNG**



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 467 /UBND-GTXD

V/v mở rộng Nhà máy sản xuất
và Trung tâm thương mại, văn phòng giao dịch
của Công ty cổ phần Khoáng sản Fecon

Hà Nam, ngày 31 tháng 3 năm 2014

Kính gửi:

- Sở Xây dựng;
- Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng;
- Ủy ban nhân dân xã Thi Sơn;
- Công ty cổ phần Khoáng sản Fecon.

Sau khi xem xét đề nghị của Công ty cổ phần Khoáng sản Fecon (*tại Tờ trình số 131125/CV-FCM ngày 25 tháng 11 năm 2013*), đề nghị của Ủy ban nhân dân xã Thi Sơn (*tại Tờ trình số 65/TTr-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2013*), đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng (*tại Tờ trình số 02/TTr-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2014*) và đề nghị của Sở Xây dựng (*tại Tờ trình số 151/TTr-SXD ngày 06 tháng 3 năm 2014*) về việc thông báo địa điểm xây dựng mở rộng Khu trung tâm thương mại, văn phòng giao dịch, mở rộng Nhà máy của Công ty cổ phần Khoáng sản Fecon tại cụm CN-TTCN Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng; căn cứ kết luận tại Hội nghị giao ban tuần ngày 31 tháng 3 năm 2012 (*tuần thứ 14*), Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam có ý kiến như sau:

1. Đồng ý chủ trương cho Công ty cổ phần Khoáng sản Fecon mở rộng Nhà máy sản xuất tại cụm CN-TTCN Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, vị trí như sau:

- Phía Bắc giáp đất sản xuất của Công ty và khu đất xen kẽ, liền kề Khu trung tâm thương mại và cụm CN-TTCN Thi Sơn mở rộng;
- Phía Nam giáp đất sản xuất của Công ty và đường giao thông (*theo quy hoạch*).
- Phía Đông giáp hành lang lưới điện và đường ống cấp nước của Nhà máy xi măng Bút Sơn;
- Phía Tây giáp đất sản xuất của Công ty và đường hiện trạng.

(*thuộc một phần các thửa số: 48, 49, 52, 101, 103, 106, 107, 114, 123-tờ bản đồ số 08, trích lục khu vực ngoài đồng xã Thi Sơn, tỷ lệ 1/2.000 lập năm 2002*).

Yêu cầu Công ty cổ phần Khoáng sản Fecon triển khai các công việc tiếp theo thực hiện theo đúng quy định hiện hành. Sau 06 tháng không triển khai, Chủ trương này không còn giá trị.

2. Về việc mở rộng Trung tâm thương mại, văn phòng giao dịch: Yêu cầu Công ty cổ phần Khoáng sản Fecon lập Dự án đầu tư xây dựng đối với phần diện tích đã được Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý chủ trương; trong tháng 04 năm 2014, báo cáo quy hoạch tổng mặt bằng, dự án đầu tư, kế hoạch tài chính, kế hoạch thực hiện... Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Các PCTUBND tỉnh;
 - Như kính gửi;
 - VPUB: CPVP (3), XD(V), TN(L),
TC(H), TH(T,H);
 - Lưu VT, XD.
- QH- D\CV\2014\035

CHỦ TỊCH



Mai Tiến Dũng

**CHỨNG THỰC BẢN SAO
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**
Số chứng thực: 37 Quyển số: 01 SCT/BS
Ngày: 9 tháng: 5 năm 2014



**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
NGUYỄN VĂN DŨNG**

Số: ...03./2014/NQ-HĐQT.FECON

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2014

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(V/V: chuyển nhượng vốn của Công ty tại Công ty cổ phần FECON Nghi Sơn)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÀM FECON

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 19/11/2005;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON ("Công ty");
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 10./2014/BBH-HĐQT.FECON ngày 31./03./2014;
- Căn cứ kế hoạch kinh doanh của Công ty.

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn của Công ty tại Công ty cổ phần FECON Nghi Sơn cho Công ty cổ phần Khoáng sản FECON, cụ thể: chuyển nhượng 3.000.000 cổ phần phổ thông (ba triệu cổ phần) tương ứng với 30% vốn điều lệ Công ty cổ phần FECON Nghi Sơn.
- Điều 2.** Hội đồng quản trị giao cho Ông Phạm Việt Khoa – Tổng Giám đốc Công ty chủ động quyết định các vấn đề liên quan để triển khai nội dung được thông qua tại Điều 1 của Nghị quyết này theo quy định của Công ty và pháp luật.
- Điều 3.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.
Thành viên Hội đồng quản trị, ông Phạm Việt Khoa có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VPCT.

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 09...tháng 5...năm 2014...



Chủ tịch HĐQT
Phạm Việt Khoa



CHÁNH VĂN PHÒNG
Bùi Minh Xuân